

NGÀY 1 THÁNG 7 NĂM 1964

BACH

KHOA

năm thứ tám

TRẦN - THÚC - LINH **ĐỂ TIẾN TỚI MỘT NỀN**
CÔNG LÝ DÂN CHỦ • PHẠM - TRỌNG - NHÂN
mặc niệm : Nehru không còn nữa • ĐÀO-QUANG-
HUY *một hình thức xâm nhập mới của Cộng-*
sản • NGUYỄN - PHƯƠNG *cái nhìn ra Bắc của*
Pháp năm 1872 • CÔ - LIÊU *giao diềm không*
gian • TRÀNG - THIÊN *về một quan diềm*
văn hóa của J.P. Sartre • MỘNG - TRUNG *lá*
thư Bruxelles • NHÃ - CA *lạnh tuổi vàng* •
HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG *vòng tay học trò* •
THÁI - TUẤN *vài nhận xét về phòng triển*
lãm hội họa mùa Xuân • ĐÔNG - HỒ —
VŨ - HẠNH **NHỮNG**
KỶ NIỆM VỀ NHÀ
VĂN NHẤT - LINH •

180

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 169 ĐẾN 180

Thanh thoát

Fine

Điểm dánh

081
Racée
Tonique

NUỐC HOA
NGÔI SAO

EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUEE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S.E. FINE DES DISTILLERIES DE L'ÉTOILE DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NUỐC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên để đặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chánh gốc
nằm phía trong nắp vận
đinh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

AIP.

IAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI BẮC — TRUNG QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghì (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HU-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 20.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HU-KHỐ VÀ KHO THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA); VÀ CÓ TỦ BAO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỦ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300\$ TRỞ LÊN.

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM	SAIGON	AGENCE	32, Đại Lộ Hàm Nghi — Tél : 20.065, 20.066, 20.067,
		BUREAUX	178 - 180 182, Duong Lê- Thanh-Tôn (Marché cen- tral) — Tél. : 22.142
			415 417 Duong Hai Bà Trung (Tân Định) — Tél. : 25.172.
	CHOLOU :	AGENCE	388, Đại lộ Đông - Khanh (Cholon) — Tél. 36.105.
	KHANH-HUNG :	AGENCE	23, Duong Hoang-Dieu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime.



DENIS FRERES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- Thai Airways Company
- American Express
- United States Line

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mại Saigon số : 157B

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 27.04



TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng Lang Eden; Saigon

Điện thoại : 23.207



ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG



ĐẠI - DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

BÁCH

KHOA trong số này

Số 180 ngày 1-7-64

TRẦN-THÚC-LINH đề tiến tới một nền công lý dân chủ	3
PHẠM-TRỌNG-NHÂN mặc niệm : Nehru không còn nữa	11
ĐÀO-QUANG-HUY một hình thức xâm nhập mới của Cộng-sản	19
NGUYỄN-PHƯƠNG cái nhìn ra Bắc của Pháp năm 1872	27
CÔ-LIÊU giao điểm không gian	41
TRẦN-THIÊN về một quan điểm văn hóa của J.P. Sartre	51
MỘNG-TRUNG lá thư Bruxelles	56
NHÃ-CA lạnh tuổi vàng (truyện ngắn)	63
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG vòng tay học trò (truyện dài)	73
THÁI-TUẤN vài nhận xét về phòng triển lãm hội họa mùa Xuân	77
ĐÔNG-HỒ tội đã biết gì về Nhật-Linh	83
VŨ-HẠNH nhà văn Nhật-Linh và một kẻ đến sau	90

BÁCH-KHOA

những bài trong số tới

<i>Trăm-tích-học, dầu hỏa và số phận của miền Nam Việt-Nam</i>	TRẦN-KIM-THẠCH
<i>Nhạc Jazz</i>	TRẦN-VĂN-KHÊ
<i>Cái Hậu trong tác phẩm văn chương Việt-Nam</i>	VŨ-HẠNH
<i>Nhiễm-sắc-thề và di-truyền tính</i>	VÔ-QUANG-YỄN
<i>Hồi giáo</i>	DOHAMIDE
<i>Một công cuộc nghiên cứu ngoại ngữ</i>	NGUYỄN-THIỆU-NGUYỄN
<i>Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh- thám Anh</i>	NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
<i>Biện chứng pháp và nhân bản học</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Những xu hướng mới trong âm nhạc</i>	TÔN-THẮT-TIỆT
<i>Vài kỷ-niệm về nhà văn Nhất-Linh</i>	NGUYỄN-NGU-Í
<i>Một ngày của Ioan (Dịch A. Sol- jénitsyne</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Tình yêu đất (truyện ngắn)</i>	VÔ-HỒNG
<i>Gió trên đồi (truyện ngắn)</i>	TRÙNG-DƯƠNG
<i>Trường hợp của Mạnh (truyện ngắn)</i>	NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ
<i>Quê nhà (truyện ngắn)</i>	Y-UYÊN
<i>Về bốn phương trời (truyện ngắn)</i>	LÊ-TẮT-ĐIỀU

SỬA CHO ĐÚNG

Trong bài «*Đề tiến tới một nền Công Lý Dân Chủ*» của Trần-Thúc-Linh đăng ở trang bên, nơi dòng 20, cột 2, hàng chữ xiên, xin bạn đọc sửa chữ *VẢ* thành chữ *LẢ*. Đa Tạ.

Đề tiến tới một nền Công - Lý Dân - Chủ

Dù luận gần đây đã lưu tâm đến việc cải thiện nền tư pháp. Báo-chí, vốn rất dè dặt đối với tòa án, đã mở-xẻ một vài việc tuyển dụng thẩm-phán. Một số nhân sĩ đã đề nghị thực hiện một hệ thống Tòa-án thiết sự độc lập... Các biện-pháp đề ra đều cần thiết. Nhưng còn quá tổng-quát. Cho nên để đưa luồng gió cách mạng vào giáo đường công-lý, vấn đề còn cần phải đào sâu.

Với hiệp định tư-pháp ngày 16-9-1954, các Tòa án hỗn hợp bị bãi bỏ và một hệ thống tổ chức tòa-án Việt-Nam được thiết lập. Tư-Pháp Việt-Nam mới lên mười ! Cho nên không thiếu gì bệnh ấu-trĩ. Nhưng cũng vì còn non, hóa dễ uốn nắn. Ấu cũng là cái may cho việc cải thiện một cơ cấu căn bản của quốc gia.

Cải thiện guồng máy tư pháp là một vấn đề tế nhị, khó khăn và rộng lớn mà ta chỉ có thể « đụng đến với một bàn tay run sợ ».

Chúng tôi không có cái tham vọng trình bày trong vài cột báo một chính sách tư-pháp cùng những dự-án chấn-chỉnh mà ở ngay những nước tiền-tiến, cũng đòi hỏi hằng chục hay cả trăm năm xây dựng. Chúng tôi chỉ đưa ra đây những nhận xét nhỏ nhặt, những biện pháp cụ thể rút tỉa trong kinh-nghiệm hằng ngày, góp phần vào việc đưa pháp-luật đến tận các thôn ấp hẻo lánh để số đông dân nhân dân được hưởng Công-lý một cách dễ dàng.

Tồ-chức Tư-pháp Việt-Nam còn những khuyết điểm gì ?

Dù dễ tính đến đâu và kính nể Pháp đình tới mực nào, dân chúng cũng cho công việc tòa án còn khó khăn quá, khiến chẳng mấy ai buồn cải chính câu « Vô phúc đáo tụng đình ».

Khó khăn, trước hết, và luật lệ như rừng già.

Hiện tòa-án Việt-Nam còn áp-dụng luật Tây, luật Ta, luật Bắc, luật Trung,

luật từ đời Louis XIV mới lên ngôi cho đến khi thống chế Pétain đào tẩu, luật Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị... cho đến những quyết-định của chính-phủ Cách-mạng.

Không tin, các bạn cứ giở Pháp-lý tập san do Bộ Tư-Pháp ấn-hành, các bạn sẽ thấy. Để truy-tổ việc bán vé số kiến-thiết quá giá, một thông-tư ngày 15-1-1959 đây phải áp-dụng một đạo-luật có từ 123 năm về trước, luật ngày 21-5-1836. Để định phiên tòa, một thông-tri khác ngày 4-6-1962 nhắc đến «thông-tắc do đạo-luật ngày 17 nhiệt-nguyệt đệ lục niên».

Vì luật-lệ rắc-rối, cổ kính, xa xăm như vậy, nên ngay các vị thẩm-phán cao-cấp cũng nhiều khi không cùng nhau đồng ý. Ngày 31-1-1962 tòa Phá-án xử : «Theo chỉ-dụ Minh-Mạng năm thứ 20, nếu thời-hạn ước định để chuộc bắt động-sản đã trôi qua mà người bán không mua lại bắt động-sản, người hiện-thủ thành sở hữu chủ vĩnh-viễn». Ngót một năm sau, ngày 10-12-1962, tòa Thượng-thẩm Saigon lại tỏ vẻ hoài nghi cái chỉ-dụ nói trên : «sự hiện-hữu của bản văn này không lấy gì làm bằng chắc». Vậy dân đen còn biết chắc vào đâu ?

Khó khăn vì tổ-chức tòa-án quá phức tạp. Giở cuốn « Các bản văn tổ-chức Tư-Pháp Việt-Nam » văn do bộ Tư-pháp biên-soạn, ta thấy đủ thứ tòa-án : Tòa-án đặc-biệt điền-địa, tòa-án quân-sự, tòa-án binh đặc-biệt, tòa-án quân-sự tại mặt-trận, tòa-án lao-động, tòa án nhà phố, tòa-án thiếu-nhi, các tòa hòa-giải, tòa-án cấp sơ-thẩm, cấp thượng thẩm, tòa phá-án, tòa sơ-thẩm và thượng

thẩm cấp-dưỡng Phần, tòa-án hành-chính, tham-chính-viện, chưa kể các tòa-án xử theo tục-lệ trên miền Thượng đã có từ lâu đời. Chính-phủ Cách-Mạng khai tử được Tòa-án quân-sự đặc-biệt nhưng lại khai sanh một tòa-án đặc-biệt khác : Tòa-án Cách-Mạng.

Sau những tấm bảng lớn ấy, bước chân vào Pháp-đình, ta còn thấy nào tòa-án xét-xử về hình-vụ, về hộ-vụ, về thương-sự, về kháng cáo lao động, nào Ông Tòa xét xử theo thủ tục khẩn cấp, thủ tục tranh tụng, thủ tục phi-tụng ; có việc cần bản án tuyên trước tòa, có việc xét trong phòng nghị sự, có việc chỉ phê đơn, có việc phải án-lệnh. Người trong nghề nhiều phen còn lúng túng nói chi dân quê. Mà tai hại thay, một khi đầu đơn lầm cửa, không dễ gì chạy sang cửa khác, như tới Bưu-điện lãnh đồ, chẳng phải guichet 9 thì qua guichet 10... Đệ đơn vào Tòa, có khi một hai năm sau khi tòa tuyên án mới hay mình kiện trước một cơ quan không có thẩm-quyền ! Hằng ngày không thiếu gì vụ hết xử ở tòa hình, lại phải kiện nơi tòa hộ, theo đuổi vụ kiện từ sơ-thẩm, lên thượng-thẩm, đi phá-án, về xử lại, lại phá-án, rớt cuộc sang tòa hành-chánh, đi tham-chính viện... Mà lắm khi nào đã xong cho. Có việc lâm vào ngõ bí, không tìm đâu ra công-lý. Đó là trường hợp chung cho các vụ vừa bị Tòa án Tư-pháp, vừa bị tòa án Hành-chánh tuyên bố vô thẩm quyền. Đó là trường hợp riêng của một chủ nhà bị quân đội Pháp sung công bắt động sản. Quân đội viễn chinh đi. Quân đội Việt-Nam thay thế. Khi trả lại nhà, nhà bị hư hao thậm tệ. Chủ nhà kiện nơi tòa án

hành-chánh. Tòa hành-chánh tuyên bố vô thẩm quyền vì « bảo vệ quyền tư hữu là nhiệm-vụ các tòa-án Tư-Pháp». Xoay sang kiện trước Tòa-án tư-pháp, hết hầu tòa sơ thẩm Nha-Trang lại kháng cáo trước tòa thượng-thẩm Huế, rút cụ: tòa thượng thẩm cũng tuyên bố vô thẩm quyền vì «Tòa-án Tư-Pháp không quyền xét xử các vụ kiện đòi bồi-thường liên quan đến các pháp nhân hành-chánh.» Lý lẽ nào cũng danh thép. Chỉ có người bị thiệt hại không còn biết kêu vào đâu!

Chúng tôi chỉ nêu trên một vài thí dụ khả dĩ nói lên được nguyên-nhân, nhưng nỗi khó khăn mà dân chúng thường gặp những khi cần đến công lý. Trên thực tế, có *thần* đi hầu tòa, bất luận về việc gì dù nhỏ nhất đến đâu, ta mới nắm thía nỗi khổ của người dân. Tìm kiếm một người nhà bị bắt giam chẳng hạn, một việc đáng lẽ không thành vấn đề vì khi bắt giam phải có giấy để lại cho biết cơ quan nào bắt, bắt vì tội gì, phạm điều luật nào, giam ở đâu, ấy thế mà ở xứ này, nhiều khi dò được ra nơi người nhà mình bị giam giữ là một chuyện thiên nan vạn nan:

Người dân có thể bị Công-an, bị Cảnh-sát, bị Hiến-binh, bị An-ninh quân đội, bị tòa-án quân-sự, bị tòa-án tư-pháp, bị cơ-quan hành-chánh bắt giữ chưa kể các cơ-quan Tình-báo, Mật-vụ, Hoạt-động đặc-biệt v v .. mà ta cứ coi như không còn nữa.

Tất-cả những khó khăn gặp trong việc đòi hỏi Công-ly đưa đến kết-quả dĩ-nhiên là mất thì giờ.

Về tòa-án thường, giờ Pháp-ly tập san số 1 năm 1963, bạn sẽ thấy nơi trang 35, vụ Nguyễn-Văn-Chơn kiện đòi hai sở ruộng từ ngày 4-11-1954. Mãi tới ngày 28-2-1962, hơn 7 năm sau, tòa Phá-án mới xử xong một điểm phụ đới nghĩa là hủy một bản án dạy đương-sự phải đến trước các cơ-quan hữu-quyền xin giấy tờ hộ-tịch. Nội-dung vụ kiện vẫn chưa biết ra sao. Với cái nhịp gần tám năm trời mới giải-quyết xong một điểm phụ đới, khi đòi được phần ăn, có lẽ sở gặt đã hóa tang-diễn! Về tòa-án hành-chánh, mấy ai ở tòa không rõ vụ ông Chánh-Lục-Sự Huỳnh-Văn-Linh kiện đòi tiền thù-lao từ ngày 8-5-1952, đến nay 12 năm qua vẫn chưa thấy Công-ly định-đoạt.

Một khi đã khó-khăn lại lâu-lắt, tất-nhiên dù cửa giáo-đường Công-ly vẫn rộng mở, dân-chúng vẫn « kính nhi viễn chi ». Chúng ta phải nhận lúc nào nhà cầm-quyền cũng đều lo giản-dị hóa thủ-tục để dân quê được hưởng Công-ly một cách dễ dàng. Một thí dụ là thông tư số 3685 B/TP ngày 3-5-1961 miễn cho dân quê khỏi phải tới tòa án, chỉ gửi đơn-từ và lời khai qua quận trưởng sở tại. Nhưng vì hoặc không sát với dân tình, hoặc không chữa tận gốc, hoặc biện-pháp thường lẽ loi, không ai theo rồi để hoàn-thiện và mở rộng, nên kết quả vẫn không có gì, nhiều khi còn bị lợi dụng.

Đã thế tổ chức cơ-sở lại còn thiếu sót nên Công-ly khó tới dân quê. Trên 40 tỉnh trong toàn quốc mà ven vện mới có 7 tòa sơ-thẩm, 24 tòa Hòa-giải rộng-quyền (trong đó còn 3 tòa mới có trên giấy, chưa hoạt động) lại đều ở tỉnh lỵ. Với sự đi lại khó khăn lúc

này, phải là việc thật trọng-hệ, dân quê mới bỏ công ăn việc làm để đi hầu Tòa. Nếu nhớ lại cách đây 30 năm, tại mỗi phủ huyện, bên cạnh các phủ huyện hành-chánh đều có một phủ huyện tư-pháp, chánh-án tòa-án cơ-cấp, nghĩ cũng đáng thẹn cho mình và ngậm ngùi cho số phận dân quê gần đây được chiếu-cổ rất nhiều mà thực hưởng chẳng bao nhiêu. Rút cuộc Công lý hầu như chỉ dành cho một số người.

Tổ chức Tư-pháp phải cải-thiện ra sao ?

Như vậy cải-thiện guồng máy tư pháp là một việc không thể trì hoãn được, nếu thực lòng muốn toàn dân được hưởng Công lý.

Trong công cuộc này, ta đừng để những danh từ như giản dị hóa, dân chủ hóa... ám ảnh. Chúng ta không còn sống ở một thời xa xưa mà luật pháp vốn vẹn có ít điều căn cứ trên vài nguyên-tắc đạo-lý ai cũng chấp nhận. Với nền văn minh hiện tại, đời sống mỗi ngày một phức tạp, việc bảo vệ quyền lợi con người và trật tự xã hội cần phải có một bộ máy tinh vi. Mà máy móc càng tinh-vi, các bộ phận càng phức tạp, đó là lẽ đương nhiên. Một bộ máy tính nguyên-tử không thể giản dị như bàn toán gỗ của ông cha ta. Vậy vấn-đề không phải là đơn giản quá hóa thô-sơ mà tổ chức làm sao để máy móc vẫn tinh vi nhưng tiện lợi cho người dùng. Người dùng chỉ cần nhận cái nút, cả một guồng máy rắc rối nhất, kỳ xảo nhất, tân kỳ nhất chạy liền và đưa ngay ra kết quả. Bộ máy công lý cũng vậy, vẫn phải tinh vi, cần trọng. Nhưng làm sao người

dân, khi cần dùng đến, chỉ cần nhận cái nút. Việc máy chạy phức tạp làm sao, khó khăn mức nào là chuyện nội bộ của bộ máy. Đừng bắt người dùng đến nó phải thông hiểu máy móc gần như các kỹ sư chuyên môn mới hưởng được ích lợi của bộ máy. Như vậy vấn đề đặt ra là tổ chức làm sao để người dân cần đến Công lý đỡ bị phiền hà, được hưởng mọi sự tiện lợi.

Để tiến tới mục đích ấy, những điểm cần được thực hiện ngay là luật lệ và tổ chức tòa-án phải được thống nhất, rồi phân tán và phổ biến.

Trước hết là thống nhất luật pháp. Từ trên mười năm nay điểm này luôn luôn được nói tới. Nhưng đến nay vẫn chưa thấy thực hiện. Nguyên do có lẽ tại các người lần lượt cầm quyền mãi lo đối phó với những chuyện hàng ngày, lại thấy đã sẵn một hệ thống pháp-lý đủ dùng làm lợi khí trị dân nên không muốn mạo hiểm.

Dẫu sao vấn đề thống-nhất luật-lệ không phải là vấn đề khó. Lúc này, theo chỗ chúng tôi biết, ta đã có sẵn những dự-án luật hình làm từ 1953, luật dân-sự tổ-tụng, hình sự tổ-tụng. Khó nhất là một bộ dân-luật, ta cũng đã có sẵn dự thảo của Ông chánh-nhất Lê-Tài-Triển hoàn-thành từ 1961.

Nếu muốn, có thể chỉ trong một thời gian rất ngắn ban bố ngay được hầu hết các bộ luật căn-bản. Tất nhiên các luật-điển ấy sẽ không toàn bích. Nhưng có bao giờ luật pháp hoàn toàn ? Cái nghiệp của luật lệ là phải chịu sửa sai, thay đổi cho phù hợp với các biến-chuyển của xã-hội.

Sau nữa phải thống-nhất tổ chức tư pháp. Như vậy — trước hết — sẽ bãi bỏ mọi tòa-án đặc-biệt và mọi phân định giữ dân sự, quân sự, tư nhân, công quyền. Các vụ phạm pháp dù có tính cách chính trị, thường luật, quân luật hay luật gì chẳng nữa cũng chỉ là những vụ vi-phạm *luật-lệ quốc-gia*. Các vụ làm đảo lộn thể quân bình trong mọi tương-quan xã-hội phát sinh do tư nhân, thương gia, công chức, thể nhân hay pháp-nhân hành-chánh cũng chỉ là những sao trộn *trật-tự quốc-gia*.

Để bảo vệ một hệ-thống luật-lệ, một trật-tự xã hội, không thể bày đặt ra nhiều loại tòa án khác nhau khiến dân chúng hữu sự không biết gõ cửa tòa nào, lại còn so bì tòa này xử mau, tòa kia để chậm, tòa này khoan hồng, tòa kia nghiêm khắc, tòa tư-pháp cho bồi thường khá rộng rãi, tòa hành-chánh chặt chẽ trong sự đền bồi v.v. Không thể có một tư-pháp dân-sự, một tư pháp quân-sự, Công-lý chính trị, một Công-lý thường luật.. Chỉ có một nền Công-lý dân chủ trên khắp giải đất Việt-Nam. Và để ban phát nền Công-lý ấy chỉ có một loại tòa-án. Nơi đây ta không đi vào chi tiết tổ chức. Nội bộ tổ chức ra sao là việc riêng của chánh quyền. Đối với người dân hữu sự, họ chỉ biết mang đơn đến một nơi, tạm gọi là Phòng Thỉnh-Nguyên. Vị thẩm-phán phụ trách sẽ xét, nếu là vụ hình đưa sang Biện-lý cuộc, nếu là vụ nhà phố đưa ra tòa nhà phố, nếu là vụ quân-sự đưa ra ban quân-sự... Dân chỉ đến Phòng Thỉnh-Nguyên bấm một cái nút, hay đánh ba hồi trống khiếu oan như thuở xa xưa, là làm phát động guồng máy Công-lý và được ban phát Công-

lý, không phải chạy ngược, chạy xuôi lo chỗ này luồn chỗ khác.

Tất nhiên có người cho đem hợp nhất các tòa-án tức đi ngược trào lưu tiến-hóa hiện tại là chuyên-môn-hóa các ngành. Chúng tôi đã không ngăn cản lại còn khuyến khích rất nhiều sự chuyên môn hóa. Tòa án Việt-Nam không những sẽ chỉ có những ban hành-chánh, ban quân-sự, ban hình-vụ, ban hộ-sự, ban thương-sự, ban lao-động v.v... mà có thể có những ban chuyên xử lý hôn, chuyên xử di-sản v.v... Nhưng đó là nội bộ tổ-chức. Người dân không cần biết đến. Khi gặp chuyện bất công, dân chúng chỉ tới Phòng Thỉnh-Nguyên là đủ.

Có thể có người cho chúng tôi quên rằng mỗi vụ kiện, mỗi hạng người đều có những đặc-điểm cần phải tôn trọng. Thí dụ : Phải là quân nhân mới hiểu đời sống quân nhân cho nên phải có tòa quân-sự riêng. Chúng tôi không phủ nhận điểm ấy có phần nào hữu lý. Nhưng trong tổ chức hợp nhất sau này có ai ngăn cản việc tòa án sẽ có các phụ thẩm quân-sự khi xử quân-nhân, phụ thẩm thương gia khi xử các vụ thương mại, đại diện chủ nhân và công nhân khi xử lao-động v.v. . Tóm lại, chỉ là những chi-tiết sắp đặt, không hại gì đến nguyên-tắc thống nhất tổ chức các tòa án.

Các tòa án đã hiệp lại dưới một sự lãnh-đạo duy nhất, tất nhiên các cơ quan phụ thuộc về điều tra các vi phạm, về thi hành các bản án đều phải được đặt dưới quyền bộ Tư-Pháp. Như vậy các cơ quan Hiến-Bình, Công-An, Cảnh-Sát, cũng như các Trung-tâm

cải-huấn, các trại an-trí, giáo-hóa... đều phải trực-thuộc bộ Tư-Pháp.

Có thể mới có Công-lý. Một vụ án từ khi manh-nha, qua lúc nghi-nhân bị bắt, bị điều-tra, bị xét xử, phải thụ hình... cho đến lúc trở lại đời sống bình-thường trong xã-hội, tất cả chỉ là những giai-đoạn diễn tiến của một hiện-tượng phạm pháp, một sự sáo động trật tự xã hội mà tòa-án có nhiệm vụ làm vãn hồi. Qua từng ấy giai đoạn, ta không thể cắt một khúc, chỉ coi giai đoạn xét xử là giai-đoạn Công-lý, không cần biết phạm nhân trước khi phạm pháp ra sao và sau khi tuyên-án sẽ thế nào. Nhất là lúc này, ở các nước ngoài, quan-niệm Công-lý xét xử *người phạm-pháp* đã thay thế cho ý niệm máy móc xét xử một *tội-phạm*. Việc thống-nhất các cơ quan phụ thuộc Công-lý lại là việc làm đặc nhân tâm. Người dân quê Việt-Nam rất trọng phép nước. Con em họ làm tội, họ đau khổ, nhưng được biết do tòa án giam, lại rõ những ngày nào được gặp, ngày nào sẽ được tha họ không đòi hỏi gì hơn. Trái lại khi không biết con em bị cơ quan nào bắt, giam giữ ở đâu, can phạm tội gì, họ phải lần mò hết đồn này bót nọ, lên quận, xuống tỉnh, thăm hỏi khắp chốn cùng nơi, rất là cơ cực... Có nhìn thấy những ông già bà cả, những vợ đi kiếm chồng, cha đi kiếm con... rồi nghĩ đến cha mẹ mình hay chính bản thân mình đi dò tin con cái... ta sẽ thấy tầm mức quan trọng của việc thống nhất các cơ quan phụ-tá Công-lý.

Sau khi tổ chức được hợp nhất, các tòa án không thể chỉ thiết lập vồn vện ở mấy tỉnh-ly lớn. Đa số dân Việt-Nam ở thôn xã, cho nên ta phải thiết

lập cơ quan tòa án tới các xã. Tại mỗi quận, sẽ có một Tòa án quận, có đủ mọi thẩm-quyền nhưng tới một mức nào : hòa-giải các vụ, xét xử các tội vi cảnh, các khinh tội bị trừng phạt tới 1 năm tù, các vụ dân-sự không quá giá-ngạch 10.000 đ 00... v.v... Về chi tiết ta đã có một dự án của ông Chánh nhất Lê - Tài - Triển đưa ra từ 1960. Tại mỗi xã sẽ có một ban Tư-Pháp xã, hòa giải mọi vụ và xét xử theo thủ-tục trọng-tài.

Hắn có nhiều người cho rằng nói ra thì dễ nhưng tiền đâu? người đâu?

Chúng tôi xin thưa: ban Tư-Pháp xã và các trọng-tài sẽ do dân tự lựa, làm việc không ăn lương. Đó là một truyền-thống của dân Việt-Nam làm việc làng không bao giờ lấy thù lao. Những phán-quyết của các trưởng-tộc, của các bô lão do dân tự ý cử ra, chắc chắn sẽ sát với tình trạng dân quê, tục-lệ địa phương, và như thế gần Công-lý nhất.

Còn về các tòa án quận, ta không thiếu gì Cử nhân luật-khoa, các Đốc-sự tốt nghiệp Học-Viện Hành-Chánh Quốc-Gia... Mỗi năm có hàng ngàn, hàng trăm, làm sao không đủ cho 287 quận trong toàn quốc...

Về ngân choãn, có thể không tốn kém gì nếu giao nhiệm vụ Chánh-án quận cho Quận-trưởng hay cho Phó Quận-trưởng lúc này thường tốt nghiệp HVHCQG. Nếu còn có phải chi phí, việc bán các ấn-chỉ mà ta sẽ nói ở sau cũng là một nguồn tài-chánh dư dùng.

Biện-pháp này không những xây nền pháp-trị tận thôn ấp, đem được

Công-lý soi tới những nơi hẻo lánh, mà còn là một phương-sách đào luyện các thẩm-phán. Những nhân-viên có bằng cử nhân luật làm thẩm-phán tại các quận huyện năm, mười năm sẽ có dịp hiểu nhân-dân, hiểu tục-lệ, hiểu đất nước, thêm kinh nghiệm nên, khi đứng tuổi, vào ngạch thẩm phán các tòa-án tỉnh và thượng-thẩm, nếu không là những thẩm phán ưu-tú cũng là những người chín chắn.

Việc *phổ biến luật lệ* phải được tổ-chức một cách rộng lớn và thiết thực đối với dân quê cũng như đối với chuyên-viên tư-pháp và những nhà cầm quyền.

Đối với dân quê, việc *phổ-biến luật lệ* không thể làm bằng các bài giảng. Dù giản dị đến đâu, dân quê, không thấy hữu ích, tất không học. Vì vậy vừa để tiện lợi các công việc, vừa đem những ý-niệm pháp-lý dần dần ăn sâu vào tập tục. Tòa án cũng như các cơ-quan công-quyền phải nghiên cứu *các loại án-chỉ* để cho dân quê dùng. Ta sẽ có những ấn chỉ xin chứng-thư hộ-tịch, xin tư-pháp lý-lịch, ấn chỉ bán ruộng, mượn đất, tậu trâu, vay tiền, chia gia tài v.v... tóm lại mọi hành vi pháp lý thông dụng đều được thu gọn vào những ấn-chỉ có thể in trên những giấy màu sắc khác nhau. Ta chỉ cần dạy cho thư ký xã cách điền khuyết ấn-chỉ. Như vậy dân quê cần dùng việc gì sẽ tự làm hay nhờ thư ký điền khuyết ấn chỉ là xong; đôi khi gặp việc gì khúc mắc, thư ký ghi lấy, lúc lên quận, sẽ xin ông Chánh-án chỉ vẽ; nếu ông Chánh án có điểm hồ nghi, khi lên tỉnh sẽ hội ý với tòa tỉnh.

Như vậy thực hiện được điểm vừa làm vừa học, vừa rút kinh nghiệm nhân dân, vừa nghiên cứu lý-thuyết. Về phần dân chúng khỏi phải đi nhờ người làm đơn, vừa tốn kém vừa nhiều khi làm lẫn hỏng việc, sẽ là một sự giúp đỡ rất lớn. Dù có phải trả tiền các ấn-chỉ, ai cũng sẽ vui lòng.

Về phần các cơ quan, nhất là các tòa án, một khi các giấy tờ làm hợp lệ, việc xét xử rất là mau chóng dễ dàng: chín mươi phần trăm các việc động là do hồ sơ thiếu sót hay bất hợp lệ.

Như vậy, ít lâu dân quê thấy lợi ích, sẽ không ngần ngại luôn luôn nhờ đến các công lại mỗi khi cần làm giấy tờ gì, tinh thần pháp-trị dần dần ăn sâu vào nếp sống con người.

Như trên đã phác qua, việc *phổ biến luật-lệ* còn được thực hiện bằng *những cuộc tiếp xúc* hằng tuần giữa ban Tư-Pháp xã với Chánh-án quận, giữa các Chánh-án quận cùng tư-pháp cảnh-lại với chánh-án tỉnh, giữa những thẩm-phán các phòng với nhau v. v...

Việc rộng mở chế độ phụ-thẩm nhân dân cũng là một dịp để một số người trước kia xa lạ với luật lệ làm quen với luật lệ. Chúng tôi biết có những người được làm phụ-thẩm nhân dân một vài lần thấy luật học vui vui, không khó khăn như ta tưởng, đã cố gắng học tập và đã vào ngạch thẩm-phán. Nếu mỗi năm, ở mỗi tòa cứ đào tạo được năm chục, một trăm người hiểu luật, biết trọng luật, chúng tôi thiết-tưởng Ông Chánh-thẩm các tòa cũng đã có công lớn với việc xây dựng dân chủ, vì thiếu tinh thần pháp-trị không chế độ dân chủ nào bền vững được.

Ngoài việc vừa làm, vừa học, lôi cuốn nhiều người tham gia vào việc ban phát công lý, các thẩm phán sẽ soạn *những cẩm nang* cho các công dân, cho ban tư-pháp xã, cho các nhân viên công-lực, cho chuyên viên các cấp, để ai nấy, gặp việc gì khó có ngay những chỉ bảo và mẫu mực cần thiết. Những người dùng *cẩm nang* lại ghi thêm các điều nhận xét trong khi thực hành, những trường-hợp mới lạ, để hội ý với cấp trên và mỗi ngày một thêm bổ khuyết. Ta cứ tưởng tượng mỗi cảnh sát viên, ở tỉnh cũng như ở các thôn xã, mà chỉ làm những việc gì có ghi trong *cẩm nang*, theo các mẫu mực dẫn dò trong *cẩm nang*, ta sẽ thấy bớt đi bao sự lạm quyền, bao điều oan trái.

Đối với các người cầm quyền, tinh thần trọng pháp lại càng cần phải có. Chúng tôi đã từng mượn thuyết vương đạo của cổ nhân và tính hiếu thượng của dân chúng để đòi hỏi điều kiện này. Gần đây, O. Đoàn Thêm căn cứ vào những sự-kiện cụ thể để nói lên tầm mức quan trọng của tinh thần pháp-trị (1). Trên thực tế, muốn cho người cầm quyền trọng pháp phải có một hệ thống tòa án thực sự độc lập. Đó là một vấn đề đã được nói đến và ta sẽ trở lại.

..

Nhiều người có thiện-chí, mặc dầu biết tổ chức tư pháp của ta còn khuyết điểm, nhưng cho là một vấn đề khó khăn lại quá chuyên môn nên không muốn động đến. Chúng tôi thấy thái độ rụt-rè ấy không có lợi: nếu trong lúc phối thai mà không sửa ngay những thiếu sót, càng để lâu, cơ cấu càng mang màu cổ kính, thành một truyền thống vĩnh cửu, lúc đó sẽ rất khó gột rửa. Vả lại, nếu luật lệ có một phần chuyên-môn, cái nguyên-lý của nó cũng không ra khỏi lương tri con người. Những nguyên-tắc bất-hối tở, những lý-thuyết biểu-kiến bất-tiên-

liệu, những luật cung cầu v.v... chỉ là những danh từ văn hoa che đậy những lẽ đương nhiên ví nói nôm na ra: hàng hóa ẽ chề tất giá rẻ và không cấm mà phạt thì vô lý... tất nhiên ai cũng sẽ hiểu.

Tóm lại với chút lương-tri và tình thương yêu, không có việc gì là khó khăn cả, mà dù có sai lầm việc sửa đổi cũng dễ dàng.

Trong công cuộc xây-dựng một nền Công-lý, điểm chót ta cần chú ý là không nên để các điều sở đắc tại các sách vở Âu-Mỹ ám ảnh. Nếu ta leo đèo đi theo con đường mòn của Pháp hay của Mỹ, hay của một nước nào, luôn luôn ta chậm hơn người hăng thế-kỷ. Rút được kinh nghiệm của nhân-dân, thấu thập những tân kỳ của các nước, có đi đường tắt, ta mới hòng theo kịp người.

« Độc-tài chuyên-chế là do tham vọng hay quyền lợi riêng của một người, một nhà, hay một đảng. Dân chủ, ngược lại, hướng vào đại-dã-số với ý chí phục-vụ cộng đồng » (2). Cho nên chỉ có làm cho toàn dân, nhất là dân quê, được hưởng Công-lý một cách dễ dàng, Công-lý mới đáng gọi là Công-lý *dân chủ*. Nếu không sẽ chỉ là Công-lý của người quyền-thế, của những tầng lớp trưởng-giả, hay của các thị-dân dư ăn dư mặc... Và tránh sao dân đen ta thán: « Những người nghèo khổ, chỉ khi nào bị đập lên đầu, chịu mọi khổ nhục, mới biết đây là Công lý ». (3)

TRẦN-THÚC-LINH

(1) Xin coi Bách Khoa số 178.

(2) Đoàn Thêm — « Đề thực hiện dân chủ ». Bách Khoa số 178 trang 7.

(3) Briens — La robe rouge — p. 399. (Ce qu'on appelle la justice, nous autres les pauvres, nous ne la connaissons que lorsqu'elle nous tombe dessus... par le mal qu'elle nous fait)

mặc - niệm :

NEHRU không còn nữa...

● PHẠM-TRỌNG-NHÂN

SÁNG 27-5-1964, tại Nữ-
Uớc. Trên đường dẫn tới trụ sở
Liên-Hiệp-Quốc, một anh bạn nói
nhỏ với tôi :

— Hôm nay chắc không họp. Tôi
nghe đài Phát thanh : Nehru vừa
mất tối hôm qua...

Và chúng tôi tiến tới trụ sở,
ngậm ngùi nhìn dãy cột cao treo
cờ rũ. Hành lang Liên-Hiệp-Quốc
mọi ngày rộn rịp, sáng nay như
nặng nề với một nhịp sống chậm
rãi, khác thường, tuy chưa ngưng
hẳn...

10g30. Buổi họp khai mạc. Đại-
sứ Pháp Roger Seydoux, chủ tịch
Hội-đồng Bảo-an tuyên bố, giọng
nói nghẹn ngào :

« Tôi tin rằng hết thấy các nhân
viên Hội-đồng Bảo-an đều xúc-động,
khi sáng nay được tin ông Nehru
vừa bất ưng tạ thế.

« Đây không chỉ là vị Thủ-tướng
một nước lớn đã qua đời. Đây là
một nhân vật đã ghi dấu lịch sử
của cả một thế-kỷ. Những đức tính
của Nehru : giàu nghị - lực, nghị
rộng nhìn xa, tư tưởng cao siêu,
quan niệm độc đáo về đạo lý, tầm
mắt bao quát xác đáng về dân-tộc
Ấn-Độ và toàn thể nhân loại tiến
triển, sốt sắng với hòa bình và
tha thiết trước các vấn đề quốc-
tế, đã khiến ông trở nên một trong
số các chính khách, một trong
số những nhân vật mà tấm
gương sáng sẽ không phai mờ
trải qua nhiều thế hệ. Tang của
Ấn-Độ là tang của Liên-Hiệp-Quốc.
Hội đồng Bảo-an sốt sa đau đớn,
xin được cùng thụ tang. Nhân-dịp
thử thách buồn rầu này, Hội-đồng
Bảo-an gửi tới Chính phủ và quốc
dân Ấn-Độ lời chia buồn thành-
thực, cùng với cảm tình nồng-hậu
và lòng tin tưởng ở tương lai đất
nước Ấn-Độ.

« Tôi yêu cầu các vị một phút yên lặng... »

Toàn thể đứng dậy, yên lặng, trong lòng nao nao như bất lực chứng kiến thảm cảnh một kho tàng quý giá đang nhẹ trôi vào dĩ vãng. Rồi ông Tổng Thư-ký Liên-Hiệp-Quốc, các vị Đại diện các quốc gia hội viên, lần lượt ngỏ lời tiếc thương ngưỡng mộ. Rất ít khi tại Hội-đồng này, lại tự-động có sự đồng tình nhất trí như thế, từ các phái-đoàn hữu như Mỹ, Anh... qua các phái đoàn trung-dung như Na-Uy, Maroc... cho tới hai phái đoàn tả là Nga và Tiệp-Khắc.

Trước khi buổi hội bế mạc, Đại-sứ Narendra Singh phụ tá Đại diện Ấn-Độ đứng lên cảm ơn toàn thể :

« ... Nỗi đau khổ của chúng tôi thật vô bờ bến. Tuy nhiên, nỗi đau khổ ấy cũng giảm được phần nào vì được cả thế giới phân ưu, chia sẻ. Tôi xin cảm ơn ông Chủ tịch và các vị... »

Rồi sau đó, ai nấy ra về, ngậm-ngùi chia tay trong một khung-cảnh tang tóc...

Về phần Việt-Nam Cộng-Hòa, Ngoại trưởng Phan-Huy-Quát cầm đầu phái đoàn đã gửi điện văn phân ưu cùng Chánh phủ và nhân dân Ấn-Độ. Vì không phải là hội-viên Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc, phái đoàn Việt-Nam không được quyền lên tiếng ngay. Nhưng sáng hôm sau 28-5-64, trước khi trình bày về vấn đề Việt - Nam,

Đại sứ Vũ-Văn-Mẫu đại diện Việt-Nam tại Hội-đồng Bảo-an, đã có cơ hội tuyên bố như sau :

« Trong khi dân tộc và Chánh phủ Ấn-Độ đau đớn vĩnh biệt nhà lãnh đạo lão thành Pandit Jawaharlal Nehru, phái đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa chúng tôi xin phép được sát cánh với Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc, để cùng tỏ lòng sùng bái bậc vĩ nhân cao quý này, đã làm rạng danh cho toàn thể gia-đình các quốc gia thuộc khối Á-Phi. Phái đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa cung kính mặc niệm vị đại danh nhân không những của riêng Ấn-Độ mà còn của toàn thể nhân-loại, mà trọn cuộc đời đã trở nên đồng nghĩa với các ý niệm vị tha, hy sinh, và chiến đấu. Cuộc đời đó, đối với tất cả chúng ta, đã biểu hiệu cho sự đặc thắng tối hậu của tinh thần đối với vật chất, của bất-bạo-động đứng trước võ lực cường quyền, nói tóm lại, sự đặc thắng cuối cùng của tự do, công-bình, và dân chủ ».

..

Nehru sinh năm 1889 tại Allehabad, bên bờ sông Gange thuộc xứ Cachemire : thân phụ vốn là một nhà đại tư bản kiêm luật học thời danh. Theo học tại Ấn-Độ xong, năm 1905 ông được gửi sang du học tại Anh, thoát đầu tại Harrow, sau tại Cambridge, về hai môn luật-pháp và kinh-tế.

Đáng lẽ như mọi người cùng hoàn cảnh, ông được hưởng giàu



Cố Thủ tướng Nehru chụp hình kỷ niệm với một người tài xế Taxi tại Boston trong dịp công du Mỹ-Quốc năm 1949

sang phú quý, thì năm 1912, Nehru hồi hương tiếp xúc với Gandhi. Năm đó ông 23 tuổi. Và ông gia nhập phong trào quốc gia, vì nhận chân tình trạng xừ sở quả là « một khối đông xơ xác, đói khát, bị đè nén và thật thảm hại ! » (a vast multitude... naked, starving, crushed, and utterly miserable !). Gandhi đã thuyết phục khiến Nehru thay đổi từ một thanh niên trưởng giả trở thành một nhà cách mạng. Và từ đó Nehru hiến cả cuộc đời cho lý tưởng.

Năm 1921, ông bị cầm tù lần đầu, vì tội muốn nước Ấn-Độ tiến

bộ và độc lập. Tính cho đến năm 1947 (là năm ông ra cầm vận mệnh nước Ấn-Độ độc lập), Nehru bị cầm tù tất cả 9 lần, tổng cộng 13 năm. Có người tình nghịch nhắc lại chuyện xưa, thì ông bình tĩnh trả lời :

— Tôi đã trả giá 6 năm du học tại Anh bằng 13 năm tù ở Ấn... »

Gandhi chỉ định ông nối nghiệp, tiếp tục hành trình giải phóng xứ sở (1). Và trong 17 năm trời, Nehru đã là vị Thủ tướng đầu tiên của nước Ấn-Độ kể từ 4.000 năm lịch sử, vị lãnh tụ duy nhất của hơn 400 triệu dân Ấn-Độ, nghĩa là một phần bảy dân số toàn thế giới ! Nước Ấn-Độ nhờ Nehru, đã từ trạng thái của một nền kinh tế phôi thai mệnh danh là « kỷ nguyên trâu nước », tiến tới kỷ nguyên khoa học nguyên tử như các cường quốc văn minh Âu-Mỹ. Tại các hội nghị quốc tế, nhờ Nehru mà tiếng nói của Ấn-Độ được nể vì, từ Liên-Hiệp-Quốc, qua Colombo, Bandung, cho tới Belgrade...

Ông làm việc có thể tới 18 giờ một ngày mà không biết mệt. Cho đến khi trút hơi thở cuối cùng, ông không có vẻ gì già nua, thiếu minh mẫn, hay kém hoạt động...

Chánh sách của ông là lấy nhân tâm và lý trí hầu cảm phục bạn đồng đường cũng như người đối thoại. Ông đã có lần chân tay không mà dám nhảy vào can một

(1) Xin coi « Bài học của Thánh Gandhi », Bách-Khoa số 91, ngày 15-10-1960, trang 27

đám loạn dân. Năm 1949, công du tại Hoa-Kỳ, ông hân hoan chụp hình với người tài xế taxi tại Boston. Năm 1953, ông cùng với Thủ tướng U-Nu (Miến-Điện) mang y phục thổ dân thiểu số tại Naga (Ấn-Độ), cùng cười đùa, khiếu vũ, như chỗ bạn cố tri... Tại Ấn-Độ kẻ tiện dân (intouchable) bị ai nấy coi khinh, không dám đề động chạm tới áo quần da thịt, thế mà Nehru đã tuyên dụng một người hạng tiện dân làm hầu cận, đề sửa soạn giường ngủ và thu dọn bàn ăn.

Nhờ ở những cử chỉ và quan-niệm như thế, mà Nehru bảo làm sao, dân nghe làm vậy. Và chỉ có Nehru mới đủ uy tín trấn tĩnh nhân tâm Ấn-Độ sau các vụ lộn-xộn như với Pakistan ở Cachemire, hay với Trung - Cộng về vấn đề biên thùi Tây-Tạng...

Vì ai nấy đều có cảm tưởng và định kiến : bất cứ điều gì Nehru làm, là vì quyền lợi quốc gia, nghĩa là quyền lợi của từng người công dân Ấn...

..

Khi Nehru tạ thế, Quốc-Hội Ấn đã loan tin bằng mấy câu ngắn ngủi mà hùng hồn :

« Nehru không còn nữa ! Cuộc đời đã ngưng ! Ánh sáng đã tắt ! »
(Nehru is no more ! Life is out ! The light is out !).

Tang lễ Nehru được cử hành giản dị mà trang nghiêm, cảm động. Hàng triệu người đã tự động, lặng

lẽ điếu qua trước dinh Thủ-tướng. Có người nằm ngủ ngay ở cạnh hàng rào. Nhiều trai trẻ vận áo tang màu trắng ; một số phụ nữ dõm lệ, sụt sùi. Xe hỏa đang chạy phải dừng bánh, vì có người đứng cản đường đòi được cùng về New-Delhi tuần hành, mặc niệm. Thật chưa bao giờ một người chết đi, lại khiến nhiều người còn sống đồng lòng buồn rầu thấm thía đến thế !

Thi hài Nehru được 60 thủy-thủ khiêng đề trên một chiếc xe đại-bác, có quốc kỳ bao phủ và 700 bóng hồng màu đỏ bọc xung quanh. 10.000 quân nhân mở đường cho đám táng. Chiếc xe tiến giữa một biển người, trầm lặng. Có tiếng nhạc nhẹ nhẹ trôi dạt, theo điệu « Abide with me » (Hãy ở lại bên tôi), và « Lead kindly light » (Hãy soi sáng chúng tôi), hai điệu nhạc Nehru rất ưa thích buổi sinh thời. Lại có tiếng rì rầm to nhỏ : « Nehru Vạn tuế ! », khẩu hiệu mà người dân Ấn thuần lương thường hoan hô mỗi khi may mắn gặp đoàn xe Nehru đi ngoài phố.

Phía xa, bao nhiêu người chen nhau, đề được tới gần xe linh cửu. Có một số người bị thương ; có bốn người thiệt mạng... Một cành cây không đủ sức mang quá nặng, bị gãy, đã làm một số người ngã...

Thi hài Nehru tới Shanti Ghat, là nơi cách đây 16 năm, quốc dân Ấn-Độ đã làm lễ hỏa táng Thánh

Gandhi. Và như vậy, sau thời-gian cùng phụng sự cho một lý tưởng, khi sinh kỷ, lúc tử quy, trò Nehru lại đã theo thầy Gandhi chọn cùng một chỗ để yên giấc ngàn năm. Những thanh gỗ trầm cháy, tỏa khói thơm và soi sáng hàng triệu khuôn mặt đau thương. Thi thể Nehru sẽ tiêu tan, nhưng ảnh hưởng Nehru trước lịch sử Ấn-Độ và nhân-loại sẽ tồn tại mãi mãi. Đó là điều vinh dự không riêng cho Ấn-Độ, mà cho cả nhân loại, trong hiện-tại cũng như tương lai vậy.

Các tỉnh sốt sáng thành kính xin được lãnh một phần nào nắm tro Nehru, để thỏa lòng tôn sùng kính ái. Trong nhiều ngày liên tiếp, một chiếc phi cơ lần lượt đem chia và rải tro đó trên sông các miền Ấn-Độ... Những con sông bắt nguồn từ trong lòng dân tộc Ấn, trước khi hòa mình trong lòng đại dương lịch sử của nhân loại, vô biên và bất diệt...

Chiếc bàn ghế Nehru làm việc, chiếc giường Nehru nằm nghỉ, được kính cẩn chuyển vào lưu-trữ nơi bảo viện. Ấn-Độ không thiếu gì người tài, ấy thế mà bà Indira Gandhi là lệnh ái cố Thủ-tướng, mặc dù tang gia bối rối, cũng lại vẫn phải tham dự chánh-phủ, để gây thêm uy tín cho nội-các và làm hài lòng dân chúng...

..

Chỉ vài giờ sau khi được tin Nehru tạ thế, chánh phủ Hoa-Kỳ cử Ngoại-trưởng Dean Rusk sang

Ấn-Độ dự lễ quốc tang. Ngoại-trưởng tới phi trường Palam (New Delhi), thì lễ hỏa táng đã cử hành. Sứ quán Mỹ phải dùng phi cơ trực thăng đưa Ngoại trưởng tới thắp đài hỏa táng, để vừa kịp dự buổi lễ cuối cùng.

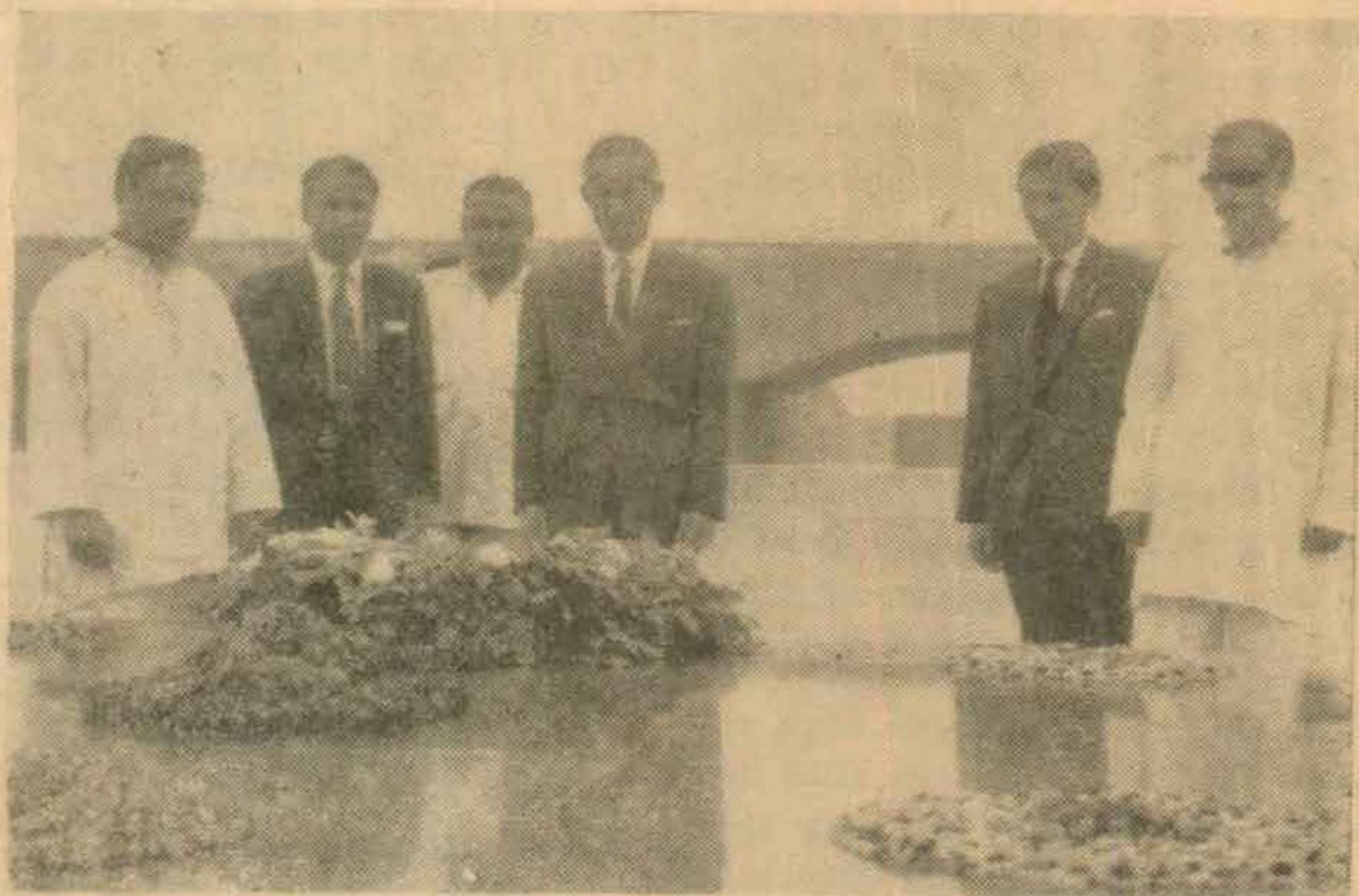
Có chừng 50 chánh khách thời danh hay phái đoàn đại diện các nước bạn từ ngoại quốc gửi tới, nhưng đều tới trễ... Vì chánh phủ Ấn muốn giản dị, không muốn đề lâu, nên đã làm lễ một ngày sau khi Nehru tạ thế. Trong số những chánh khách hay phái đoàn, chúng ta phải kể: Thủ tướng Anh Sir Douglas Home, Phó Thủ tướng Nga Aleksei Kosygin, Ngoại trưởng Mỹ Dean Rusk, một phái đoàn Nhật áo dài rộng, và cả một phái đoàn Trung-Hoa mặc áo màu đen... mặc dầu nền bang giao Ấn - Hoa không lấy gì làm êm đẹp...

Phái đoàn Việt-Nam do Ngoại-trưởng Phan-Huy-Quát hướng dẫn, đã tới đặt vòng hoa mặc niệm trước đài Shanti Ghat và phần mộ Gandhi tại Rajghat, phân ưu cùng Chánh phủ, nhân dân Ấn, và nhất là bà Shrimati Indira Gandhi lệnh ái cố Thủ tướng, hiện sung chức Tổng-trưởng Thông-tin và Phát-thanh...

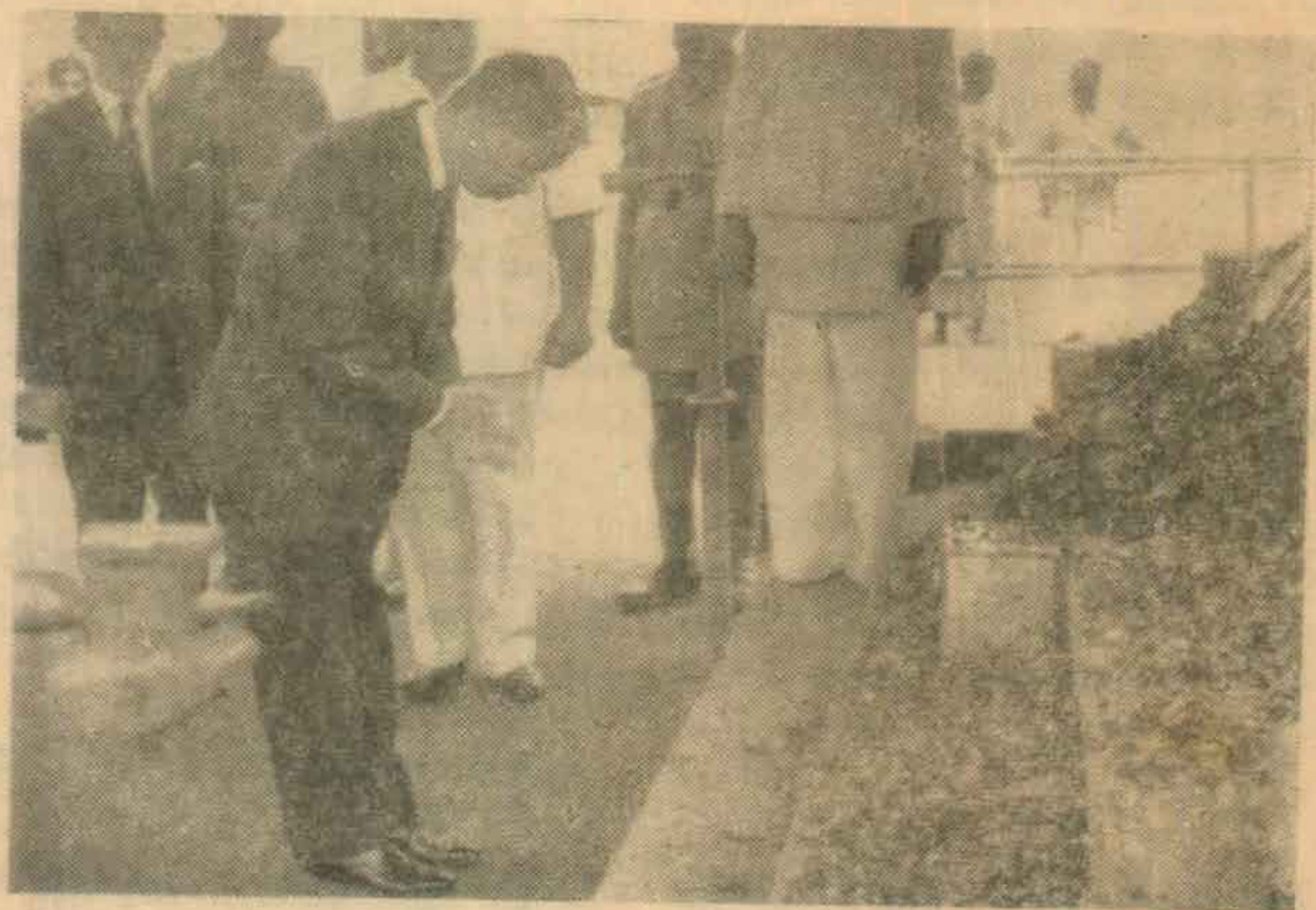
Ngoại trưởng Việt-Nam tuyên bố trên đài phát thanh Ấn :

« Tôi xin chuyển tới dân tộc Ấn-Độ lời chào huynh đệ và thân ái của dân tộc Việt-Nam.

Phái đoàn Việt-Nam do Tổng trưởng Ngoại giao Phan-Huy-Quát cầm đầu,



mặc niệm trước mộ Gandhi



... và trước mộ Nehru

« Đây là một cơ hội đau - đớn. Nhưng tôi hân hạnh vì cuộc công du đầu tiên của tôi là tại Ấn-Độ, với tư cách là Tổng trưởng Ngoại-Giao Việt-Nam.

« Đối với hàng triệu đồng bào của tôi, Ấn-Độ là một nước đàn anh thân quý, mà tên tuổi thực đã đồng hóa với các ý niệm trí năng và triết lý. Ấn-Độ là quê hương của bất bạo động, là sự đặc thắng của tinh thần trên vật chất, của lý trí trước cường quyền; Ấn-Độ tượng trưng cho sự chiến đấu hòa bình và nhẫn nại chống bất công và ngu dại... Ấn-Độ là xứ sở của đức Phật, mà những người con danh tiếng như Mahatma Gandhi và Jawharlal Nehru đã treo cao gương sáng cho toàn thế giới, và nhất là các nước Á-Phi...

« Jawaharlal Nehru tạ thế, thật là một thiệt hại lớn cho nhân loại. Nước Việt-Nam chia sẻ nỗi đau buồn đó. Nhưng Ấn-Độ là một nước lớn, và với Tổng - thông Radhakrisenan, với Thủ tướng Lal Bahadur Shastri, giới lãnh đạo của Ấn-Độ hiện tại sẽ tiếp tục những vĩ nghiệp của người tiền bối, hầu

duy trì và củng cố uy tín bằng những phương pháp dân chủ.

« Đối với toàn thể dân tộc và các nhà lãnh đạo Ấn-Độ, quá khứ cũng như hiện tại, tôi xin chân thành ngỏ lời chào thân hữu, thân phục, và tin tưởng... »

Đề kết luận, thiết tưởng không gì bằng ôn lại câu chuyện sau đây.

Có người hỏi Nehru sau khi tạ thế, sẽ muốn ghi những gì trên mộ chí ? Và Nehru trầm tĩnh trả lời :

— Đây là người đã đem hết ý chí và tâm huyết đặt vào tình duyên ái quốc gia và dân tộc Ấn. Và quốc gia và dân tộc Ấn đáp lại, cũng rất tỏ lòng thương mến khoan dung, đôi khi thật phong phú và quá đáng...! (This was a man who, with all his mind and heart, loved India and the Indian People. And they in turn were indulgent to him and gave of their love most abundantly and extravagantly)

Thiên nghi cớ kìm không lời tự xét mình nào lại chân thành và dụng dị cho bằng...

PHẠM TRỌNG NHÂN

1964

ĐẠI NAM VĂN HIẾN XUẤT BẢN CỤC HỌP THƯ SAIGON 1123

- Sau khi phát hành « Nhận diện vóc dáng NGUYỄN ĐỨC QUỲNH và THIẾT THẠ » Sắp phát hành cuốn kịch in typô :

ĐÔI KÍNH

truyện tập đoản kịch ĐÌNH XUÂN CẦU

- VY Ý họa bìa, trình bày.
- đã in trên TIỂU THUYẾT THỨ BẦY ở Hanoi vào 1949-50.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

SAIGON

HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*

Tokyo : *No 1, 2-Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central distrit : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala lumpur : *14 Ampang Street.*

một hình-thức xâm nhập mới của cộng-sản (*)

DÀO QUANG HUY

2.— Công-cuộc viện trợ của Trung-Cộng.

Viện-trợ Trung-Cộng, so về bề bao quát, cũng không chịu thua sút Viện-trợ Nga-Sô. Trong ngót 10 năm trở lại đây, Trung-Cộng đã nỗ-lực đem mọi khả-năng ra quyến rũ các quốc-gia thiếu mở mang trong miền Đông-Nam-Á và cả tại Trung-Đông và Phi-Châu nữa. Tại các khu vực này, viện trợ Trung-Cộng đã thành công dễ dàng nhờ vào mấy yếu tố sau đây :

a) Cộng-Hòa Nhân-Dân Trung-Hoa là hội viên chính thức của tổ chức các quốc gia Á-Phi.

b) Tại các quốc gia thiếu mở mang bao giờ cũng sẵn có một số hoa kiều không ít, sẵn sàng hợp tác với Trung-Cộng trong việc bành trướng ảnh hưởng. Bản thống kê mới nhất của Liên-Hiệp-Quốc cho biết hiện có 400.000 hoa kiều sống rải rác

trong các quốc gia Phi-Châu. Riêng tại Guy-Nê, hoa-kiều cũng lên tới con số 6.000. Tại các quốc gia thiếu mở mang ở Nam và Đông-Nam-Á-Châu, số hoa-kiều còn nhiều hơn sự ước lượng của mọi người. Với một lòng ái quốc thiếu sáng suốt, trước những luận điệu tuyên truyền phô trương hoa mỹ của lục địa, các hoa kiều này đã biến thành cán bộ tiên phong cho sự du nhập ảnh hưởng Trung-Cộng vào lãnh thổ họ đang cư ngụ.

c) Một số không nhỏ các quốc gia miền Đông-Nam-Á còn giữ lại tàn tích của ảnh-hưởng văn minh cổ Trung-Hoa.

d) Trên lãnh thổ mỗi quốc gia, Trung-Cộng hiện đang có nhiều đoàn cán bộ trung kiên, hoạt động công khai hay bí mật cho các mục tiêu chính trị của Trung-Cộng.

* Xin xem từ Bách-Khoa số 176.

đặc biệt là Trung-Cộng biết sử dụng các cán bộ địa phương công tác cho mình, như nhóm Karens và nhóm Shans tại Miến-Điện và tại vùng biên cảnh Thái-Lan, nhóm Issarak tại các vương quốc Ai-Lao và Cao-Mên chẳng hạn.

Viện trợ Trung-Cộng được khởi sự với Nê-Pan từ năm 1956, nhân dịp Trung-Cộng thuận trả cho quốc gia này khoản bồi thường 20 triệu nguyên (Yen). Chính phủ Trung-Hoa kháng Nhật đã cam kết với họ trong thời đệ-nhị thế-chiến. Cũng trong năm này, Trung-Cộng thiết lập tại Katmandu (Nê-Pan) một tòa Đại-sứ. Tới năm sau, sứ quán Trung-Cộng Katmandu được nâng lên hàng đại-sứ-quán. Kể từ đó giữa Nê-Pan và Trung-Cộng nhiều hiệp ước thân thiện và kinh tế đã được ký kết. Trong năm 1960 có trên 4.000 chuyên viên Trung-Cộng sống trên lãnh thổ Nê-Pan để giúp đỡ quốc gia này trùng tu và phát triển các cơ cấu kinh tế, xã hội và văn hóa.

Trước năm 1954 việc giao thông giữa Miến-Điện và Trung-Cộng đều do dân chúng cư ngụ tại liên phòng hai nước thực hiện một cách bán công khai, nên không thể ước lượng được mức độ quan trọng. Lợi dụng lúc Miến-Điện gặp khó khăn về số lượng thóc gạo thặng dư không xuất cảng được, ngày 22-4-54 Bắc-Kinh ký kết với Ngưỡng-Quang một hiệp ước thương mại có giá trị trong ba năm liền. Theo hiệp ước này hàng năm Trung-Cộng ưng thuận mua của Miến-Điện 150.000

tấn gạo trả 20 % bằng bảng Anh (Livres Sterling) và 80 % bằng hiện vật (thép, gang, vải, sợi v.v...) Vào tháng 3 năm 1955, ba hiệp ước thương mại khác được ký kết tại Ngưỡng-Quang giữa nhà cầm quyền Miến-Điện với các phái đoàn thiện chí của Trung-Cộng đề đặt những mối đầu tiên về công cuộc viện trợ trường hạn của Trung-Cộng cho quốc gia này.

Tháng 3 năm 1956, đại sứ Trung-Cộng tại Ngưỡng-Quang đã cùng nhà cầm quyền Miến, khánh thành cầu hàng không Ngưỡng-Quang — Bắc-Kinh. Ngày 20-3-1957 đại diện hai quốc gia lại ký kết một hiệp ước thương mại khác, căn cứ vào đó toàn thể số gạo sản xuất tại Miến-Điện đã được Bắc-Kinh cam kết thuận mua vào mỗi vụ gặt hái (ước chừng 500.000 tấn).

Vào tháng 2 năm 1958, Ngưỡng-Quang và Bắc-Kinh ký kết các hiệp ước văn hóa. Nhờ hiệp ước này sách vở tuyên truyền của Cộng-Sản in bằng Hoa ngữ và Miến-ngữ hiện đang lan tràn khắp các sạp sách báo Miến-Điện.

Ngày 10-1-1961, bằng một hiệp-ước công tác kinh tế và kỹ thuật, Trung-Cộng đã thuận cho Miến-Điện vay dài hạn 64 triệu Mỹ kim không lấy lời và đặc biệt nhất là Trung-Cộng không đòi hỏi một điều kiện nào khác làm đổi khoản.

Tích-Lan cũng là một quốc-gia được Trung-Cộng đặc biệt chú ý từ năm 1951. Kể từ năm này, các hiệp ước thương mại ký kết tại

Colombo trừ liệu xuất cảng hàng năm sang Trung-Hoa lục-địa phân nửa số cao su sản-xuất tại Tích-Lan. Ngày 19-9-1957, đại diện thương mại hai quốc gia đồng ý gia hạn các hiệp thương ký kết giữa hai quốc gia này thêm 5 năm nữa, tức là tới 1962.

Ngay từ đầu năm 1951, nhân một vụ đối kếm tại Ấn-Độ, Trung-Cộng đã đề nghị ký kết với quốc gia này một hiệp ước hoán vật, do hiệp ước này, Trung-Cộng đã cung cấp cho Ấn-độ 50.000 tấn thực phẩm (mặc dù năm đó, tại lục-địa Trung-Hoa, dân chúng vẫn phải chịu ăn đói như những năm khác). Ngày 14-10-1954, Bắc-Kinh và Tân-Đề-Li thỏa thuận tăng gia số lượng vật hoán lên 4 lần. Trong năm 1956, Trung-Cộng xuất cảng sang Ấn-Độ 60.000 tấn sắt và thép do các lò luyện kim Mãn-Châu sản xuất được (các lò luyện kim này do Nhật-Bản để lại sau khi rút khỏi Mãn-Châu và đã bị Hồng quân Sô-viết phá hủy một phần trong thời kỳ tạm chiếm đóng). Vào tháng 5 năm 1958, đại-sứ Trung-Hoa Cộng-sản đã tự tay trao tặng Đại-Học-Viện Tân-Đề-Li 120.000 cuốn sách cổ kim. Lẽ tất nhiên trong số ấy phải kể 70.000 cuốn sách bàn về chủ thuyết xã-hội nhân-dân (Cộng-sản).

Vào tháng 6 năm 1956, mặc dù sự cấm đoán của Hoa-Kỳ, Nam-Dương đã cho tải tới Trung-Cộng 387 tấn cao su do quốc gia này sản xuất được. Tới cuối năm 1956, một phái đoàn thương mại Nam-Dương được gửi tới Bắc-Kinh và đã

cùng với các nhà hữu trách Trung-Cộng ký kết tại đây một hiệp ước thương-mại trị giá trên dưới 50 triệu bảng anh (coprah, bông sợi đôi lấy quặng mỏ).

Trong năm 1953, tám hiệp ước thương mại đã được ký kết giữa Bắc-Kinh và Karachi (Hồi-Quốc) : Hồi-Quốc xuất cảng sang Trung-Cộng bông và gai để đổi lấy than đá và ngũ cốc. Vào tháng 8 năm 1960, tại Kaboul thủ đô A-Phú-Hãn, hiệp ước thân hữu Trung-Hoa — A-Phú-Hãn đã được ký kết giữa đại biểu Cheng-Yinn và Bộ Trưởng Mohamed Naim. Hiệp ước này mở đầu cho một cuộc bang giao mỗi ngày mỗi thêm nồng đậm giữa hai quốc gia này.

Một trường hợp cá biệt tại Đông-Nam-Á khiến chúng ta đặc biệt chú ý và cho phép kẻ viết bài này được nêu ra nhiều chi tiết hơn. Đó là cuộc Bang giao Trung-Cộng — Cam-Bốt. Cam-Bốt là một tiểu nhược quốc lân bang của Việt-Nam Cộng-Hòa. Quốc gia này vốn không có thiện cảm với Việt-Nam Cộng-Hòa vì vấn đề quốc tịch của 500.000 dân Việt gốc Miên hiện sinh sống trên lãnh thổ Việt-Nam. Biên giới Việt-Miên lại không phải là loại biên giới thiên nhiên. Dân tộc Khmer dường như vẫn nuôi mối oán cừu với Việt-Nam vì theo họ, thì đất đai miền Nam Việt-Nam trước đây là quốc thổ của họ và thuở xưa, trong các cuộc chinh phạt, các tướng lãnh Việt-Nam đối xử tàn nhẫn đối với ông cha họ.

Dưới nhõn tuyến của Tây-phương, để bảo vệ tình hữu nghị giữa hai quốc gia thân cận (Việt-Nam Cộng-Hòa và Cam-Bốt) sau khi cuộc vận động quốc-tế hóa hải-cảng Saigon thất bại (vì ý chí cương quyết của Việt Nam), viện trợ Pháp đã xuất công kiến tạo cho Cam-Bốt hải cảng Sihanoukville nằm trong vịnh Thái-Lan.

Mỗi oan cừu của Cam-Bốt đã được Trung-Cộng khuyến khích nuôi dưỡng để trục lợi. Dưới mắt nhận xét của Trung-Cộng thì lãnh thổ Cam-Bốt là bàn đạp cuối cùng để Cộng-sản thôn tính trọn miền cực Nam Á-Châu.

Ngày 24-4-1956 đánh dấu sự đầu hàng của Cam-Bốt trước luận điệu ve vãn của Trung-Cộng. Ngày 21 tháng 6 cùng năm này, đại biểu hai quốc gia Cam-Bốt và Trung-Cộng đã ký kết một hiệp ước hỗ tương viện trợ. Người ta tự hỏi, ngoài mảnh đất đai phì nhiêu của họ, Cam-Bốt có viện trợ được những gì cho Trung-Cộng? Do đó, mặc dù danh hiệu khoác cho bản hiệp ước, người ta chỉ thấy trong hai năm liên tiếp, Cam-Bốt nhận được của Trung-Cộng nhiều ngân khoản trị giá 18 triệu bảng Anh dưới hình thức các quà tặng, các dụng cụ chiến tranh, các chuyên viên và cố vấn quân sự.

Từ 1959, số cố vấn Trung-Cộng được phái sang Cam-Bốt càng nhiều hơn. Tại đây, họ đã giúp nhân dân Khmer trong việc thiết lập các hệ thống điện lực thôn quê, xây dựng Viện Đại-Học Nhân-Dân

Nam-Vang, cung cấp giáo sư và sách vở, tổ chức bệnh-xá, xây dựng xa lộ và thiết lộ, xây-cát một trung tâm thanh-niên và thể dục. Ngoài ra, trong năm 1960, chính phủ Bắc-Kinh đã tặng nhân dân Cam-Bốt ngân khoản 14 triệu Mỹ kim để xây dựng tại đây một xưởng chế tạo xi măng, một lò luyện-kim, một xưởng chế tạo giấy và các tông, một xưởng dệt, một xưởng chế tạo ván ép, và nhiều xưởng máy vật vãnh khác. Ngày 27-12-1961, báo chí Pháp-Quốc đã thiết lộ cho biết, hiện có một phái đoàn chuyên viên Trung-Cộng đang nghiên cứu đề thiết lập đường Hòa xa Nam-Vang — Sihanoukville và tại Nam-Vang, chính phủ Cam-Bốt đang trù liệu thành lập một công ty gang thuyền Hoa-Khmer.

Đối với các quốc gia Phi-Châu và Trung-Đông, Trung-Hoa Cộng-sản cũng không từ bỏ tham vọng. Ngay sau ngày hội nghị Á-Phi bế mạc, một chiến dịch ve vãn Yemen đã được các nhà cầm quyền Trung-Cộng đề ra. Tại sao trước khi chiếu cố Phi-Châu, Trung-Cộng lại chú ý tới Yemen? Muốn nhận thấy dã tâm của Cộng-sản, xin mời bạn đọc hãy nhìn lại bản đồ thế giới. Tại đây quý vị sẽ thấy vai trò trọng yếu của Yemen đối với kế hoạch xâm nhập của Cộng-sản. Yemen, một quốc gia nằm trong khu vực Tây-Nam bán đảo Á-Rập hợp với Maroc thành hai bìa răng của một dã thú. Yemen là cây cầu nối liền Á-Châu với Phi-Châu, Yemen kiểm soát eo biển Perim và Hồng-hải cũng như Maroc chế ngự

Gibraltar vậy. Ngoài ra Yemen ờn là một quốc gia theo Hồi giáo. Chiếm được thiện cảm của dân tộc Yemen, Trung-Cộng sẽ có cái môi đề như các quốc gia Phi-Châu trọng tín ngưỡng.

Nói rằng hiện nay nền kinh tế của Yemen hoàn toàn do Cộng-sản chi phối thì không ngoa chút nào. Thực vậy, Mạc-Tur-Khoa và Bắc-Kinh hiện đang phân công xây dựng xa lộ Saana — Hodeida, hai nhà máy xi măng và 4 xưởng dệt. Trong năm 1960, Trung-Cộng đã viện trợ cho Yemen nhiều ngân khoản tổng số lên tới 16.300.000 mỹ kim. Tính tới năm này, Yemen đã tiếp nhận của Trung-Cộng 400 cố vấn quân sự, 215 chuyên viên và hơn 1 triệu nhân công chuyên nghiệp. Tại Yemen, với sự tán trợ của dân chúng địa phương, Trung-Cộng đã thành lập được hội thân hữu Yemen — Trung-Hoa. Hội này có nhiều chi nhánh trong khắp nước Yemen và một chi nhánh tại Bắc-Kinh, bao gồm trên 4 triệu hội viên chuyên trách về các vấn đề quan hệ văn hóa giữa hai quốc gia này. Sự bành trướng mau lẹ của hội Yemen — Trung-Hoa thân-hữu khiến cho chính phủ Nga-Sô cũng phải kinh ngạc và đại sứ Nga-Sô tại nơi đây đã vội vàng cho thành lập hội VOKS chuyên trách về mối bang giao giữa nhân dân Yemen — Nga-sô-viết để tranh giành ảnh hưởng với Trung-Cộng. Mối « bang giao nhân dân » này được biểu lộ bằng các cuộc mời mọc đại biểu nghiệp đoàn, sinh viên, nghị sĩ v.v... của nước này sang viếng thăm nước họ.

Công cuộc viện trợ cho Ai-Cập, Soudan và Maroc cũng được Trung-Cộng thực hiện ngay từ 1956, nghĩa là từ vụ xung đột về chủ quyền kinh đào Suez. Kể từ năm này, người ta thấy xuất hiện tại Soudan và Cộng-Hòa Ả-Rập nhiều phái bộ thương mại Trung-Cộng.

Năm 1957, Maroc ký kết hiệp-ước thương-mại nhận mua nhiều sản phẩm Trung-Cộng trị giá trên dưới 10 triệu mỹ-kim. Tại hội chợ Casablanca 1957, phái bộ thương-mại Trung-Cộng đã tạo được nhiều thành tích đáng kể. Vào tháng 11 năm 1958, Bắc-Kinh cũng đã góp một phần nỗ lực vượt mức thông thường vào hội chợ Tunis. Tại Tunis cũng như tại Casablanca, lá cờ Trung-Cộng đã được trưng lên bên cạnh quốc kỳ của nhiều cường quốc khác.

Vào tháng Giêng năm 1961, một phái bộ kinh-tế Trung-Cộng được gửi tới Le Caire. Trong hai năm liền, Cộng-Hòa Ả-Rập Thống-Nhất đã mua của Trung-Cộng lụa, trà, dâu thảo mộc và than đá và trả bằng củ cải đường, dầu hôi và thuốc điều.

Vào đầu năm 1963, vị Bộ-trưởng Thông-tin Tunis, ông Masmoudi đã chấp nhận lời mời sang viếng thăm Trung-Hoa lục-địa của Chu-Ân-Lai.

Tại một số quốc-gia cựu thuộc địa Phi-Châu, công cuộc xâm nhập của Trung-Cộng đã được các chư hầu trợ lực, đặc biệt phải kể tới Bắc-Việt (Việt-Nam Dân-chủ Cộng-

Hòa) và Bắc - Cao. Nhờ trung gian của các quốc gia này, vừa đây Trung - Cộng đã ký kết nhiều hiệp ước thương mại và nhận viện trợ kinh tế cho Mali, Natal và Kenya.

Người ta cũng không quên vụ đổ máu tại quốc gia Ouganda trong mùa Hè năm 1959 trong đó Kiwanuka, lãnh tụ nhóm Liên-hiệp chủng tộc Ouganda, là người đã theo nhiều lớp huấn luyện tại Bắc-Kinh và đã trở về nước với một cơ sở ẩn loát mà dụng cụ đều do Trung-Cộng viện trợ, để dùng vào việc phát hành nhật báo Ouganda-Post, cơ quan tranh-đấu chính-trị của nhóm này.

Trường hợp Trung - Cộng xâm nhập Guy-Nê cũng đáng lưu ý. Vào đầu năm 1950, Conakry (thủ phủ của Guy-Nê) là thành phố Phi-Châu đầu tiên chấp nhận cho Trung-Cộng thiết lập sứ-quán với viên đại-sứ nổi tiếng về chiến thuật xâm nhập Cộng-Sản, ông Chao Yuan (Thiệu Viên). Tới cuối năm 1962 đã có hơn 6.000 hoa kiều do Trung-Cộng gửi tới ngụ cư tại Guy-Nê. Một số sinh sống bằng nông - nghiệp, một số khác mở các tiệm tạp hóa, hết thấy đều tỏ ý muốn sinh cơ lập-nghiệp vĩnh viễn trên giải đất phi nhiều này. Mới đây, Bắc-Việt (V.N.D.C. C.H.) cũng đã thiết lập tại Conakry một lãnh sự quán và một trụ sở thương mại, tiếp theo đó là việc đặt sứ quán Mông-Cồ và Bắc-Cao trên cùng quốc gia này.

Vào tháng 9 năm 1960, Thủ-Tướng Guy-Nê, Ô. Sékou Touré tới viếng thăm Hà-Nội và Bắc-Kinh. Tại

Bắc Kinh nhân dịp tiếp đón Touré Thủ tướng Luru-Thiếu-Kỳ đã đọc một bài diễn văn đầy ý nghĩa, trong đó Luru-Thiếu-Kỳ đã đề cập tới chính sách viện trợ của Trung-Cộng cho Guy-Nê, gửi tới quốc gia này số nhân công cần thiết để khẩn hoang và đã tiên đoán sự giải phóng hoàn toàn lãnh thổ Phi Châu với sự trợ giúp nhân lực của 650 triệu nhân dân Trung - Quốc ! Ngày 14 - 9 - 1960, Touré và Luru-Thiếu-Kỳ ký kết một bản thông cáo chung trù liệu sự hợp tác kinh tế và kỹ thuật giữa hai quốc gia này. Bữa sau, một hiệp ước thương mại được ký kết giữa hai phái đoàn thương mại Guy-Nê và Trung-Cộng, đồng thời chính phủ Trung - Cộng cam kết cho Guy-Nê vay 100 triệu roubles không lấy lời, đáo hạn vào 30-6-1963. Gần đây, trong một cuộc đấu xảo, Chính-Phủ Guy-Nê đã dành riêng cho phái bộ Trung-Cộng gian hàng lớn nhất tại hội chợ (3.700 mét vuông) để phái bộ dùng làm nơi phô trương các tiến bộ của Trung-Hoa lục-địa.

Với Cộng-Hòa Mali, mới đây Trung-Cộng cũng đã thành công trong việc chính-phủ nước này trục xuất viên đại sứ Đài-Loan. Bằng trung gian của Bắc-Việt, Trung-Cộng đã cam kết huấn luyện cho Mali một số giáo sư và thẩm phán(1) ngày 28-2-1961, phái đoàn thiện chí MaLi tới viếng thăm Bắc-Kinh. Tại đây một hiệp ước cũng được ký kết mở màn cho cuộc truyền bá chủ nghĩa dưới hình thức viện trợ văn hoá của Trung-Hoa Cộng-sản.

Tại Ghana, Togo, và Congo, các phái bộ thương mại do Trung-Cộng gởi tới cũng đã gặt hái được nhiều kết quả ngay trước mũi các viên lãnh sự của Đài.Loan. Trước tình trạng này, dường như Đài-Bắc đang lần lượt cho triệt hồi các lãnh sự quán tại nhiều quốc-gia Phi-Châu

khác, sau một thời gian cạnh tranh thất bại với những chuyên viên Trung-Cộng đã phái sang các quốc-gia này.

ĐÀO QUANG HUY

Kỳ tới : Quan niệm về viện trợ và về hòa bình của Cộng-Sản.

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

- Một tập tài liệu phong phú về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, giáo dục, quân sự v.v...
- Một tập tác-phẩm đã in và sẽ in thành sách : Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết, Lược khảo văn học, Tiểu thuyết hiện đại, Tìm hiểu Hội Họa, Vườn Mây, Hòa Âm, Cái bong bóng lợn, Vượt thác, Mùa xuân trên đỉnh non cao, Mưa đêm cuối năm, Đêm xuân trắng sáng, Giã từ, Thư nhà, Lá vẫn xanh v.v...

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

- Mỗi năm : 4 tập 24 số : 260 \$
- 7 năm : 20 tập 168 số gồm có :
- 8 tập (1957-60) mỗi tập 12 số (giá 1 tập 110 \$)
- 12 tập (1961-63) mỗi tập 6 số (giá 1 tập 65 \$)

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

Có bán tại các hiệu sách và tại tòa soạn Bách Khoa

160, Phan-Dinh-Phùng Sài Gòn

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9^e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 24.902 — 3 Lignes

135 Đại-lộ Nguyễn-Huệ
(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. No E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B.P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F. A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba : (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Cái nhìn ra Bắc của Pháp năm 1872

● NGUYỄN-PHƯƠNG

ĐÂY, một thay đổi nữa trong lịch sử Việt-Nam . . .

Pháp đã lấy ba tỉnh miền Đông Nam kỳ . . .

Một hiệp ước đã ký kết : doãn hành tặc hành ! Đó là năm 1862.

Đã có quyền « doãn hành » đối với kẻ khác, thế tất Pháp càng có quyền « doãn hành » đối với chính mình, và họ đã « tự ý » chiếm ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ. Đó là vào giữa năm 1867.

Nhưng khoản « tự doãn hành » này không có trong hòa ước. Khi lấy thêm ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ, Pháp đã tự ý xé hòa ước năm 1862. Không có hòa ước, tình hình giữa Việt-Nam và Pháp trở thành bất hòa. Bởi vì trạng thái bất hòa là một trạng thái thất thường, người Pháp cần phải tìm một giải pháp. Hỏi giải pháp nào bây giờ ?..

Cũng như muốn tìm đáp số cho một bài tính, người ta phải cân nhắc những yếu tố của đề bài, muốn tìm giải pháp cho một trạng thái thất thường, người ta phải phân tích hiện tình của sự việc. Và căn cứ vào hiện tình của sự việc vào quãng năm 1872, người Pháp đã bắt mắt nhìn về Bắc để tìm một giải pháp.

Tình hình quốc tế

Vào hạ bán thế kỷ XIX, kinh tế Âu châu phát triển mau lẹ khác thường. Giàu chế phẩm, nhưng đói thị trường và nguyên liệu, các cường quốc Tây phương chẳng khác gì những con kinh ngư hung dữ đang lùng khắp bốn biển nham hiểm tìm mồi. Họ đua tranh nhau vồ xé những nước nhược tiểu để rút của làm giàu, nhất là họ uy hiếp vùng Đông-Nam-Á. Anh, Pháp, Đức giành nhau chực hút máu

giống da vàng, và khi họ thấy Mỹ bắt đầu chen chân vào thị trường một cách mạnh dạn, họ càng hốt hoảng muốn nuốt cho mau xong miếng mồi ngon họ đang nhai đang dở.

Bảy giờ, ở Đông Á, miếng mồi Âu châu thêm thường nhất, là Trung-Hoa. Mục đích của các nhà tư bản đang tanh lên sặc sụa mùi đồng (hay mùi bạc, mùi vàng cũng thế), là làm sao đặt được bàn tay sắt của họ vào nội địa của một nước mà từ thời Trung cổ, họ đã được nghe mô tả như là một kho tàng vô tận đó. Kề ra, cường quốc chăm chú vào vấn đề Trung-Hoa hơn cả, và vì thế, cũng chọc tức Pháp hơn cả, đó là Anh.

Năm 1842, Anh đã lấy Hương-Cảng của Trung-Hoa.

Năm 1856, Anh đã cùng với Pháp đánh Trung-Hoa lần nữa, và chính sau khi Pháp, cùng với Anh, ký kết hiệp ước bắt Trung-Hoa mở thêm cửa biển, quân đội Pháp đã đến tung hoành ở Đà-Nẵng (từ tháng 9, 1858), rồi vào chiếm Saigon (từ tháng hai 1859) và rồi đã lấy được cả Nam-kỳ...

Nhưng Nam-kỳ là gì đem so với Trung-Hoa vĩ đại!

Mà Anh đang quay cuồng đề vào cho được nội địa của Trung-Hoa vĩ đại đó.

Vào nội địa, như vào Vân-Nam chẳng hạn, tức là nơi có nhiều mỏ, mà nếu đi theo đường từ các cửa biển Trung-Hoa, con đường phải đi dài từ hai nghìn đến hai nghìn bốn

trăm cây số. Bởi đó Anh đã thử tìm đường bộ từ Ấn-Độ hay từ Miến-Điện qua. Hoạt động về loại này đã khởi sự từ lâu trước.

Ba đường có thể người Anh vào miền Nam-Hoa :

- 1) Đường Assam,
- 2) Đường Bhamo,
- 3) Đường Rangoon.

Đối với người Anh lúc đó, con đường thứ nhất có thể coi là con đường tự nhiên nhất. Từ Ấn-Độ, thuộc địa của Anh, họ có thể ngược sông Bramapoutra rồi trèo qua núi vắt sang nguồn sông Dương-tử, và theo sông đó xuôi mãi đến biển. Năm 1860, Blackington khai thám sông Dương-tử, đã đề nghị mở đường này thành một đường thương mại. Năm 1861, Sir Arthur Cotton trình bày ở Viện Địa chất học Luân-Đôn sự cần thiết mở con đường đó. Nhưng về sau, năm 1869, phái bộ Stokes đã nghiên cứu kỹ hơn, và trong bản phúc trình chi tiết cho đô đốc Sir R. Keppel, đã nói rõ con đường đó đầy thác ghềnh hiểm trở, lại núi non trùng điệp, không thể thực hiện được.

Đường Bhamo là con đường được nói đến nhiều hơn vào quãng năm 1870. Người đã chú ý đến con đường này trước hết, là giám mục Bigaudet. Năm 1858, ông lập một khu truyền giáo ở Kakhien, về phía đông bắc Bhamo. Như thế ông đã rút vắn chặng đường Bhamo. Vân-Nam lại một đoạn nữa. Từ Kakhien, người ta có thể đến Đại

lý rồi Vân-Nam. Về trước, những lần có Hoa-Miến chiến tranh, quân đội Thiên triều vẫn theo con đường đó để chinh phạt. Thương gia buôn thuốc phiện lậu cũng đã dùng con đường đó. Năm 1864, Đại úy Williams đem đường đó đề nghị với chính quyền Anh. Hăng Holliday cũng đã được phép vua Ava để khai thám, nhưng việc không thành. Ba năm sau (1867), cao ủy Anh tại Miến-Điện, đại tá Fytche, đề nghị lần nữa. Lúc đầu không cho bộ trưởng Anh là Sir Hafford Northcote biết, nhưng sau cũng được phép, Fytche sai một phái bộ do thiếu tá Shladen cầm đầu ra đi từ Bhamo để tìm lên Vân-Nam. Không may phái bộ đi được một quãng thì trở lại vì bấy giờ ở vùng này đang có loạn Hồi giáo.

Kể ra, con đường từ Rangoon băng qua đất Xiêm để lên Vân-Nam đã được người Anh lưu ý đến sớm nhất, và xét đi xét lại nhiều lần nhất. Để thấy hoạt động liên tiếp của họ, chỉ xin kể sau đây những phái bộ đi nghiên cứu con đường nói đó từ năm 1829.

— 1829, Lord William Bentenck, toàn quyền Anh ở Ấn-Độ tổ chức một phái bộ, do Richardson điều khiển, khai thám đường vào Nam Hoa từ Mandalay qua đất Xiêm.

— 1831, Đại úy Spyre đề nghị mở thương đạo từ Nam-Hoa xuống đến Moulmein.

— 1831, phái bộ Mac Lead đi khai thám đường vào Trung Hoa ngược sông Salouen.

— 1835, Richardson đề nghị mở thương đạo vào miền Tây-nam Trung-Hoa.

— 1836, phái bộ Mac Lead đề nghị với toàn quyền Anh ở Ấn Độ là Lord Auckland con đường vào Trung-Hoa qua Moulmein, Kiang-hung, Kiang-tung.

— 1860, phòng thương mại Manchester chép một tập kỷ yếu nói về con đường vào buôn ở Nam-Hoa đi từ Rangoon đến Kaimophyoo dọc theo sông Salouen.

— 1861, Sir Arthur Phayre, cao ủy Anh ở Miến-Điện, cho nghiên cứu con đường do Spyre đề nghị năm 1831.

— 1862, đại tá Fytche, thay thế Phayre, đề nghị mở một đường sắt từ Rangoon qua Vọng Các, cho dễ việc buôn bán ngược sông Menam.

— 1863, Menfeld đề nghị ngược sông Irraowady đến Magwé rồi qua Takow.

— 1864, Fitcher đề nghị ngược sông Salouen cho đến Trung-Hoa.

— 1865, Williams lại ủng hộ con đường của Spyre và minh chứng rằng đường đó có thể thực hiện được.

— 1866, Phó vương Lord Salisbury truyền nghiên cứu đường vào Trung-Hoa, và quyết định nối liền Rangoon với miền tây Trung-Hoa.

— 1867, Lord Salisbury cử xét các đề án của Williams và Luard và sai họ đi khai thám.

— 1867, Williams và Luard vạch ra con đường phải đi, tức là từ

Bulinga đến Pahpoon, rồi đến Kai-maphyoo, rồi ngược sông Kobyai, qua Takow và Theinee.

— 1867, Đại úy Watson phi bác đường của Spyra và đề nghị đi từ Tonghoo đến Hlinedet, vượt qua cao nguyên Xiêm, đến Theinee.

— 1867, Bộ trưởng Sir Hafford Northcote, sau một thời do dự, lại thúc giục phò vương Anh ở Ấn-Độ lợi dụng mọi cơ hội để xúc tiến việc tìm thương đạo vào miền tây nam Trung-Hoa.

— 1868, Fytche chủ trương dừng theo đường ngược sông Salouen, mà phải nghiên cứu đường từ Takow đến Kiang hung, hay là từ Nyo-ungwe đến Theinee, rồi từ đó đến Kiang-hung.

— 1868 Lord Salisbury ủng hộ ý kiến của Fytche và nói rằng còn lâu nữa mới có thể thực hiện một con đường sắt.

— 1869, Bộ trưởng d'Argyll tuyên bố nếu không có những khó khăn chính trị và tài chánh, thì phải kết thúc mau chóng việc nghiên cứu con đường từ Tonghoo đến Kiang-Hung.

— 1871, bộ trưởng D'Argyll cũng nghĩ như vậy...

Đó là những hoạt động của người Anh. Những hoạt động như thế không khỏi nhen lửa tham lam và tranh cạnh trong lòng người Pháp. Và người Pháp bấy giờ đâu phải là không có sức đề cõ gắng, nhất là khi họ đã chiếm được Nam-kỳ, đã có hòa ước 1862 với Việt-Nam?

Tình hình của Pháp

Năm 1864, nước Pháp đang lưỡng lự về sở phận của thuộc địa Nam kỳ, có người bàn nên trả lại cho triều đình Huế, mà cũng có người quyết liệt muốn giữ. Đề bênh vực lập trường của nhóm sau, Francis Garnier, bấy giờ làm quan bổ tại Chợ-Lớn, viết tập *La Cochinchine française en 1864*. Trong tác phẩm rất được bộ - trưởng Chasseloup-Laubat trọng dụng này, viện sĩ quan thực dân nói:

« Nhờ liên lạc với Miến-Điện,
« người Anh đã có thể đi từ phía
« tây để xâm nhập vùng đất Á châu
« rất tích lợi mà xa lạ nhất thế giới
« ấy, và tìm hiểu những bí mật địa
« lý của nó. Người ta không sao
« không khâm phục công việc khó
« khăn họ đã theo đuổi một cách
« khôn khéo cho đến ngày nay.
« Nếu họ đã cố gắng nhiều và
« vùng đất này chưa được biết hết,
« lý do là bởi bản tính của vấn-đề,
« vì họ đã phải giải quyết vấn đề
« ở khía cạnh khó giải quyết nhất...
« Trong việc này, Pháp có một vị
« trí may mắn hơn kể từ khi chiếm
« được Nam-kỳ ».

Thì ra, một trong những mối lợi to của việc Pháp giữ lại Nam-kỳ, là thuộc địa này có thể giúp được cho Pháp lên đến vùng tây nam Trung-Hoa. Con đường thiên nhiên người Pháp có thể dùng được, là sông Cửu-Long. Nhiều người Pháp, cũng như chính Garnier, bấy giờ kỳ vọng vào sông đó rất nhiều, vì chưa ai khai thác cho hết dòng

nước dài dằng dặc của nó. « Kề từ vĩ tuyến 18 hay 19, lời của Garnier, chưa hề có người Âu-châu nào đặt chân tới. Tất cả vùng nội địa của Đông dương này còn chờ đợi những tay khai thác. Mà của cải phong phú lại nằm cả ở đây. Hình như hằng năm dân Vân-Nam gửi nhiều người đến làm tại đó. Những nguồn khoáng sản và lâm sản mênh mông như vàng, bạc, thiếc, sắt, đá xà vân, đá hồ phách, gỗ, sơn, sáp, bông, đại hoàng, v.v., đều nằm trong vùng đó cả. Vậy mở một cuộc thám hiểm theo đường Cam-Bốt (Cửu-Long) để đi lên Tây-Tạng sẽ ích lợi và quan trọng biết bao !... Hỏi nước Pháp còn đợi gì mà không đem ánh sáng vào vùng đen tối đó ? »

Câu hỏi của Garnier đã được Chasseloup-Laubat trả lời. Nước Pháp đã tổ chức một phái bộ đi do thám con đường lên Trung-Hoa dọc theo sông Cửu-Long. Phái bộ gồm có Doudard de Lagrée, trưởng đoàn, Garnier, phó, Delaporte, họa sĩ, Joubert, nhà địa chất học, Thorel, nhà vạn vật học, Carné, tùy viên ngoại giao. Ngoài ra, phái bộ còn có hai viên thông ngôn và 13 quân nhân hộ vệ. Trang bị cần thận và lương thực đầy đủ, họ ra đi từ Saigon ngày 5 tháng 6, 1866.

Về sau, Garnier và các đồng bạn đã ghi lại cuộc hành trình này trong bộ sách gồm hai tập do bộ Hải quân Pháp xuất bản nhan đề là *Voyage d'Exploration dans l'Indochine*. Thật là một chuyến đi vất vả hết chỗ nói. Sự gian nan của họ lên

đến tột độ với cái chết của viên trưởng đoàn, Doudard de Lagrée, ngày 12 tháng 3, 1868, ở Đông-Xuyên phủ, một địa điểm ở thượng lưu sông Hồng-Hà về bên phần đất Trung-Hoa. Giá mà người Pháp biết được rõ rằng sông Hồng-Hà là con đường gần nhất dẫn đến Vân-Nam, thì phái bộ Garnier đã khỏi mất hơn hai mươi tháng đường gian nguy, và De Lagrée đã khỏi phải chết một cách cơ cực. Hơn nữa, giá mà Bắc-Kỳ vào tay người Pháp...

Người ta có thể cảm thấy Bắc Kỳ sẽ quý cho người Pháp bao nhiêu, khi đọc lại đoạn Garnier chép về sự khai thám vùng trên Mang-Hao, cách Lào-Kay không bao xa. Tại vùng này, thời Garnier đi qua, sông Hồng-Hà được gọi là Hoti-Kiang. Và đây, Garnier kể chuyện ông đang xuôi sông đó :

« Chúng tôi xuôi sông trên
« một chiếc đò, ngày 26 tháng
« 11 (1867). Bên dưới Yên-
« Giang (một nhánh của sông
« Hồng - Hà) thung lũng hẹp
« lại và những tường đá rần
« rỏi dựng đứng hai bên bờ
« ... Đến bên dưới làng Pou-
« Pio (làng của bộ lạc Bạch-y)
« tôi lấy một chiếc canot cho
« trôi theo dòng nước, làm
« một với những thuyền buôn.
« Sông Hoti-Kiang càng lâu
« càng bị chèn lại.

« Núi hai bên bờ không mấy
« chốc đã cao lên từ 800 đến
« 1.000 mét. Mỗi lần dòng
« nước xoi vỡ những bờ đá đó,

« đá sỏi đổ mạnh xuống lấp
 « mất dòng sông và làm thành
 « thác... xuống một đoạn nữa,
 « tôi gặp một thác khác, người
 « chèo tôi nhất quyết không
 « dám vượt qua thác đó. Tại
 « đây, sông bị chèn lại hơn
 « ở chỗ nào hết, núi hai bên
 « bờ cao đến chừng 1.800 mét...
 « Tôi trèo lên một mỏm đá,
 « từ đó tôi có thể thấy bao
 « quát tất cả cảnh thế chung
 « quanh. Về Nam, một rặng
 « núi đá vôi làm như một bức
 « tường thành ngăn cách Bắc
 « Kỳ và Trung-Hoa, có những
 « đỉnh nhọn cao đến 4.000 mét
 « nhô lên ở chân trời. Gần tôi,
 « sông Hoti-Kiang rạch một
 « đường nước không lộ khi ẩn
 « khi hiện, ở ạt chảy về phía
 « đông nam sâu chừng 2.000
 « mét...

« Rất tiếc vì tình thế không
 « cho phép đi xa hơn nữa về
 « phía Đông. Người ta kể cho
 « chúng tôi rằng ở Mông-Xá,
 « cách Linh-An ba ngày đường,
 « có mỏ bạc và mỏ chì. Từ
 « Mông Xá ra đi chỉ chừng
 « 200 lý nữa là đến Mang-Ko
 « (Mang Hao), một chợ lớn trên
 « bờ Hoti Kiang, và ở chỗ đó,
 « theo như người ta cho biết
 « trong dịp xuất hành của tôi,
 « sông bắt đầu thông thương
 « được ».

Lần này Garnier phải bằng lòng
 với những điều kẻ khác cho biết
 về tình trạng sông Hồng-Hà, và
 phải hậm hực mang xác của De

Lagrée lần theo dòng Dương-Từ-
 Giang để xuống Thượng-Hải. Ông
 đến đây ngày 12 tháng 6, 1868,
 nghĩa là hai năm bảy ngày sau khi
 rời Saigon. Ông sẽ về Paris, sẽ ghi
 lại cuộc hành trình gian hiểm của
 ông, và đồng thời cũng sẽ không
 quên rằng con sông Hoti-kiang là
 con đường thủy tiện lợi nhất cho
 người Pháp vào Vân-Nam.

Hỏi Saigon đã biết về tình trạng
 sông Hồng-Hà bao giờ? Sau khi
 đọc được bộ *Vogage d'Exploration*
dans l'Indochine, xuất bản năm 1870,
 hay là đã biết trước? Để trả lời
 câu hỏi này, chúng ta có một tờ
 phúc trình của De Lagrée gửi về
 Sứ phủ Saigon đề ngày 8 tháng 1,
 1868, nghĩa là hơn ba tháng trước
 khi ông này chết. Trong tờ phúc
 trình, chúng ta thấy nói :

« Một vấn đề hết sức quan
 « trọng được đặt ra đây : Hỏi
 « sông Hồng-Hà (Sông Còi)
 « bắt đầu thông thương được
 « từ chỗ nào? Sông đó có thể
 « dùng làm đường thủy vận
 « giữa Bắc-kỳ và Vân - Nam
 « không ?

« Để giải quyết việc đó, khi
 « phái bộ đi thẳng lên Linh-
 « An, tôi đã gửi ông Garnier
 « đi dò thám, với sứ mệnh
 « thu lượm tin tức rồi trở
 « lại gặp chúng tôi ở Linh-An.

« Vì bụng xấu của dân chúng
 « ở đây, sĩ quan đó chỉ có thể
 « xuôi được một quãng chừng
 « bốn mươi dặm, nhưng tin
 « tức ông lượm được cộng với

« những điều chính tôi đã thâu
 « nhất, đã cho chúng tôi biết
 « đủ. Cách sáu ngày đường về
 « phía Nam-nam - đông Linh-
 « An, có một chợ gọi là Mong-
 « Kho (Mang-Hao), từ chợ đó
 « mà đi sông Hồng-Hà (Song
 « Coi) có thể thông thương
 « được cho đến biển. Nơi chợ
 « này, ở trong lĩnh thổ Trung-
 « Hoa, và ở mấy chợ khác phía
 « dưới, trong những dân hội
 « đến, thấy có người Lào,
 « người Quảng-Tây và Vân -
 « Nam, thổ dân miền núi và
 « dân Quảng - Châu, những
 « người này đem hàng hóa Âu-
 « châu từ biển lên bán. Biết
 « chắc được con đường đó
 « hẳn là một trong những kết
 « quả hữu ích nhất của cuộc
 « hành trình của chúng tôi.. ».

Nhưng, biết được ích lợi của sông Hồng-Hà là một nỗi mừng mà cũng là một mối lo cho người Pháp. Họ lo sợ người Anh, hay một cường quốc nào khác biết được bí mật đó. Đối với người Anh, chẳng hạn, sau bao nhiêu công trình đã bỏ ra để tìm đường lên Vân-Nam, chắc chắn không có khó khăn nào mà họ không cố vượt cho kỳ được để chiếm lấy mà dùng, khi họ biết có một đường thủy khác có thể dẫn họ đến đó một cách mau chóng và tiện lợi như đường sông Hồng-Hà. Và mối lo của suý phủ Pháp ở Saigon càng gia tăng kể từ khi họ chiếm thêm ba tỉnh miền tây Nam - kỳ. Từ đó, nghĩa là từ ngày 24 tháng 6, 1867 họ đã

cố sức thuyết phục triều Huế mong nhà vua bằng lòng ký nhượng lĩnh thổ họ vừa dùng võ lực để đoạt thêm, mà vẫn vô hiệu. Sự thất bại trong việc giao hòa với Việt-Nam đó có nhiều chỗ bất lợi cho Pháp. Trước hết là Pháp không chắc chắn được về chủ quyền trên đất đã chiếm. Rồi trong tình trạng bị đàn áp bất công, Việt-Nam rất có thể đi nhờ cậy lực lượng ngoại bang, nhất là lực lượng Anh. Sau hết, nếu họ để lâu không liệu cho ổn thỏa, chính nước Anh có thể lợi dụng tình thế để chen chân vào Bắc-kỳ.

Hơn nữa, chẳng những Việt-Nam không chịu hòa giải với Pháp, mà vua Tự-Đức vẫn không bỏ ý định chuộc lại đất đai đã bị mất. Khi được tin nước Pháp thua nước Đức năm 1870, vua Việt-Nam đã không ngần ngại nói to lên lòng mong muốn của vua, tức là thống đốc Pháp nên đem mau quân đội dưới quyền mình về để bảo vệ tổ quốc, và vì đó, nên thương lượng để giao tại tất cả sáu tỉnh Nam-kỳ ngõ hầu tình hữu nghị giữa hai nước được tốt đẹp.

Không thể thuyết phục được triều Huế bằng lời nói, Pháp tìm cách gây sự bằng võ lực như đã quen, và chỗ gây sự không đâu tiện bằng Bắc-kỳ. Bấy giờ Bắc-kỳ là một nơi Pháp chưa biết rõ lắm, nhưng ít ra họ đã biết hai điều : đất đó là một vùng quan trọng của nước Việt-Nam, và vùng đó có sông Hồng-Hà. Ra Bắc-Kỳ, người Pháp cũng thấy chắc được hai điều lợi, lợi về buôn bán, như mở đường thông thương

lên Vân-Nam và chiếm độc quyền đường đó, lợi về ngoại giao vì nếu không chiếm được đất Bắc-kỳ ít ra cũng dùng đó làm cớ để bắt triều Huế ký nhượng cả Nam-kỳ.

Đàng khác, với lối lý luận thực dân của họ, người Pháp không phải tự nhận thấy họ có quyền ra Bắc-kỳ đó sao? Chính họ không giữ hòa ước 1862, (rõ ràng nhất là trong việc chiếm ba tỉnh miền Tây Nam-Kỳ), nhưng ai cấm họ được khi họ vịn vào chính hòa ước đó để quấy rối, vì họ mạnh hơn. Nhìn vào hòa ước, họ thấy một số điều khoản mời gọi họ, chẳng hạn như khoản Năm. Theo khoản này, người Pháp có quyền vào buôn bán ở hai cửa bể Bắc-kỳ, cửa Ba-Lạt và Quảng-Yên và «nếu có một nước ngoài nào vào «buôn bán ở nước Nam, dân nước «đó không được nước Nam bảo vệ «chu đáo hơn dân Pháp và Tây và nếu «nước ngoài đó được hưởng một «quyền lợi nào trong nước Nam, thì «quyền lợi đó, không bao giờ được «hơn quyền lợi đã ban cho hai nước «Pháp và Tây». Thế nghĩa là gì? Nó sẽ không có gì hết, nếu không phải là người Pháp có quyền đi buôn bán khắp nơi trên đất Việt-Nam, vì người Trung-Hoa, — là người ngoại quốc đối với Việt-Nam — vẫn được đi buôn bán khắp nơi? Và nếu đi khắp nơi còn có quyền, thì ra Bắc-kỳ sao lại không được? Vì thế, người Pháp đã nghĩ đến việc đi dò thám vùng sông Hồng-Hà trong năm 1870, nhưng bỗng việc thua Đức đã làm cho họ dừng lại một lúc, và năm 1872 mới thi hành.

Tình hình Việt-Nam

Nhìn về phía Việt-Nam, Pháp lại còn có thêm một khích lệ trong thêm muốn ra Bắc. Bảy giờ triều Huế đang lâm vào một cảnh túng rối như tơ vò, tiến không dễ, mà thối cũng không. Đối với Pháp, các quan đã thương lượng xong một hòa ước (1862), nhưng ước thì có, mà đâu có hòa, vì cái đà của hai bên vẫn lồi cuốn ngược chiều nhau. Pháp, một khi nắm được bản văn ký kết trong tay, cho đó là một việc đã rồi, và dùng đó làm bàn đạp để bước thêm. Trong lúc đó, vì bị cưỡng bách bởi trường hợp, triều Huế chỉ cho việc ký hòa ước là một mưu lược nhất thời, một kế hoãn binh, chẳng khác gì đánh lùi một bước để mong tiến hai. Đã không đi song song với nhau, không thể nào hai bên khỏi chạm nhau, và nếu triều Huế không thể không vấp vung với lực lượng yếu đuối của mình, thì Pháp cũng không thể không đàn áp với lực lượng mạnh mẽ của họ.

Mà Việt-Nam lúc bấy giờ, càng vấp vung càng lòi ra yếu đuối.

Không cần nhắc lại sự yếu đuối của Việt-Nam đối với Pháp trước 1870. Ai cũng biết Việt-Nam đã thua Pháp năm 1862. Ai cũng biết Việt-Nam đã thua Pháp năm 1867, và lần này Pháp tiến quân chẳng khác nào uy vệ đi vào một cánh đồng trống. Nếu Pháp lấy ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ trong vòng hơn ba năm, thì họ chỉ mất hơn ba ngày để lấy ba tỉnh miền Tây. Pháp

chăng đó là chứng cớ của một tiến bộ lớn về phía người Pháp và một suy yếu lớn về phía người Việt? Cứ nhìn vào tỷ lệ thời gian trong việc thành công đó, Pháp cũng đã có thể tự hào rằng họ làm gì mà chẳng được.

Cái yếu của Việt - Nam đã đến thế vì nó phát sinh từ một căn bệnh bên trong: nội biến. Chính nội biến — loạn Lê-Phụng — đã là một trong những động cơ bắt triều Huế phải ký kết hòa - ước 1862. Rồi nội biến trong mấy năm trời liên tiếp làm cho quân đội Việt - Nam hao sức kiệt hơi. Khi loạn Chày-vôi nổi lên ngay ở Kinh-thành (1866), ai cũng thấy được rõ ràng chẳng những trong nước bất an, mà chính hoàng gia cũng chia rẽ và uy tín nhà vua không còn nguyên toàn. Tình thế đó đã làm cho người Pháp đánh bạo chiếm lấy ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ. Về sau, khi những kẻ bất mãn không còn nổi dậy công khai nữa, lòng dân ấm ức vẫn chẳng kém gì trước bao nhiêu, phần thì bị đói khổ, phần thì vì bị kẻ cướp phá phách.

Nhưng nếu có lúc nào dân không nổi loạn chống vua, thì dân lại lên mặt bắt bớ lẫn nhau, người ta buộc tội cho nhau vì đã a tòng, loạn quân cũng có, nhưng nhất là sĩ phu muốn trả thù Pháp bằng cách giết hại những người Việt - Nam theo Thiên-Chúa giáo. Nhiều lần cảnh nổi da xáo thịt đã diễn ra sau khi triều đình ký kết với Pháp và Tây cho dân Việt-Nam được tự

do tín ngưỡng. Sĩ phu — hay Văn thân — với mặt lệnh của triều Huế, huy động dân chúng xông vào các làng theo Thiên-Chúa giáo, cướp của, giết người, ở các vùng như Quảng-Nam, Nghệ-An, Nam-Định. Đang sốt ruột tìm một cơ để gây hấn, hỏi người Pháp không thể cho việc hành hung đó là một trường hợp vi phạm hòa ước năm 1862 hay sao?

Một trường hợp khác, càng có thể xúc động lòng ham muốn ra Bắc của người Pháp hơn nữa, đó là sự chính quyền Việt-Nam cầu cứu với Trung-quốc để đánh dẹp giặc cướp Tàu. Bấy giờ là lúc loạn Thái-bình ở vùng Quảng-Tây, Vân-Nam, đang đến ngày tàn. Thua ở đất nước họ, họ tràn sang đất Việt-Nam. Tướng giặc Ngô-Côn làm chủ miền cao nguyên Bắc-kỳ, cho đồ đảng sinh sống bằng cách phá phách các tỉnh Cao - bằng, Tuyên - Quang, Lạng - Sơn, Thái-Nguyên, Sơn-Tây. Năm 1867, Ngô-Côn tiến đánh Bắc-Ninh, tàn phá rất là hung dữ. Trong những người anh dũng chặn đường quân cướp, có tri phủ Triều-Dương là Đoàn-Công-Trình, nhưng vì thế cô, ông này phải tự tử.

Triều Huế vội vàng sai Trung quân Đoàn-Thọ ra đánh dẹp, không may Đoàn-Thọ thua to. Một người khác, Võ-Trọng-Bình, được cử ra thay thế, với một chức vị to hơn — khâm sai đại thần —, nhưng không may mắn gì hơn (1868). Bình bèn cầu cứu với tổng đốc Lương - Quảng, lấy lẽ rằng quân

cướp là người Tàu, cần phải có quân Tàu đánh dẹp. Nhà cầm quyền Trung-quốc liền sai đề đốc Phùng-Tử-Tài đem lực lượng cần thiết Bắc kỳ. Tài đánh dư đảng sang Thái bình mấy trận rồi đóng ở Bắc-Ninh.

Năm 1870, Ngô-Côn chết, làm cho đảng ông mất người chỉ đạo duy nhất. Nhiều toán nhỏ thành lập, trong đó đáng kể nhất là toán Cờ Đen của Lưu - Vĩnh - Phúc, và toán Cờ Vàng của Hoàng-Sùng-Anh (hay là Lý-A-Sinh). Quân Cờ Đen đóng ở Bảo Thắng và quân Cờ vàng đóng ở vùng Hà-Giang. Cũng năm đó, Hoàng-Kế-Viêm ra thay Võ-Trọng-Bình và Viêm xin quân đội chính qui Trung-quốc phải triệt thoái. Trên đường về, một số binh sĩ Tàu đã lần trốn ở lại và gia nhập các toán loạn quân, làm cho chúng càng mạnh thế hơn. Và quân đội chính qui Trung-Hoa lại phải đóng lại ở Bắc-Ninh.

Hai toán Cờ Đen, Cờ Vàng, lúc đầu còn tử tế với nhau. Họ chia nhau khu vực hoạt động, có ý chia đều lợi tức với nhau. Quân Cờ Đen chiếm vùng Lao Kay, lấy thuế những thuyền buôn bán trên sông Hồng-Hà. Quân Cờ Vàng chiếm vùng Hà-Giang, lấy thuế những kẻ buôn bán ngược xuôi sông đó. Không mấy chốc, hai toán đã kinh địch nhau. Lao Kay buôn bán mạnh, được nhiều tiền thuế, trong khi Hà-Giang không có lợi tức bao nhiêu. Vì lợi tức không đều, nên quân Cờ Đen không đại gì đem của cải họ thu được để chia đều. Để trả thù,

quân Cờ Vàng dõng ra chiếm lưu vực sông Hồng-Hà, chặn đường thuyền bè ngược Lao-Kay. Chính quyền Việt-Nam bấy giờ chỉ kiểm soát đến Đảo-Lạc.

Hỏi người Pháp phản ứng thế nào trước những việc xảy ra như thế ? Họ thấy được ít ra hai chỗ có dính líu với họ : sự Việt-Nam cầu cứu Trung-Hoa, và sự giặc cướp hoành hành ở Bắc-kỳ, Thực ra người Pháp không sợ mấy sự Trung-quốc can thiệp, nhưng họ rất sợ người Anh có thể nhân cơ hội đó để chen chân vào. Còn giặc cướp ? Nếu đó là một dịp để Phùng-Tử-Tài đem quân đến đóng ở Bắc-Ninh, thì đó cũng là một nguyên nhân để người Pháp ra dõng ngó Bắc kỳ. Đi dẹp giặc cướp cho một nước bạn không phải là một cử chỉ nhân đạo sao ? Mà Pháp vẫn nổi tiếng về những cử chỉ nhân đạo như thế.

Và Pháp ra dò thám Bắc-kỳ

Bấy giờ vị thông đốc Nam-kỳ là thiếu đô đốc Dupré. Ông nhậm chức tại đây ngày 1 tháng 4, 1871, đến ngày 4, tháng 3 năm sau về nghỉ một thời gian ở Pháp, giao quyền xử lý thường vụ cho tướng D'Arbaud, rồi trở lại Nam-kỳ ngày 16 tháng 12, 1872 và làm việc cho đến ngày 16, tháng 3, 1874. Có nhiều tham vọng và quả cảm, ông nhận thấy thời cơ đã đến để bắt đầu cuộc tiến ra Bắc, Trung tá hải quân Senez được lệnh chỉ huy tuần dương hạm *Bourayne* đi dò thám bờ biển Bắc

kỳ. Từ Saigon ra đi ngày 23 tháng 1 1872, Senez đến Đà-Nẵng ngày 26, gửi một văn thư tin báo cho Triều Huế biết về ý định của Dupré, rồi cứ thế mà tiến. Ông dừng lại ở Trảng Cánh, tại Thanh-Hóa, và ở Phát Diệm. Sau đó ông đến Đồ-Sơn, qua cửa Ba-Lạt, ra đảo Các Bà. Tại đây ông gặp đột toán tàu ô, chừng hai trăm chiếc thuyền có trang bị một số đại bác và có chừng tám nghìn người. Thật là cả một lực lượng, nhưng lực lượng đó không dám cướp tàu Âu và đành khác tàu Âu cũng không dám gây sự. Ngày hôm sau, Senez lại trở vào bờ bễ, dò ở Lạch Huyện, gặp được cửa Cấm, rồi ra Các Bà lần nữa, nhưng lần này tàu ô đã biến mất. Ông về đến Saigon là ngày 16 tháng 2.

Cuộc hành trình không lâu — chỉ hai mươi bốn ngày — này đã mang lại cho người Pháp nhiều kết quả tốt. Họ quan sát được nhiều điều về địa thế, họ nghe được nhiều điều về tình hình xã hội và chính trị, như những toán quân Cờ Đen, Cờ Vàng, như việc quân Tàu sang dẹp loạn và quấy nhiễu dân, như trạng thái bất an chung, như sự bất lực các quan lại Việt-Nam. Họ cũng đã của gặp được quân tàu ô, nhưng có lẽ điều làm cho họ thoả mãn hơn cả đó là họ đã thấy được cửa sông mà họ nghĩ là cửa Hồng-Hà, con sông có thể đem họ lên buôn bán với Vân-Nam. Những nguồn kiến thức mới này, hợp với bao nhiêu điều biết được về trước, đã kết tinh lại trong trí óc người Pháp, nhất là trong trí óc Senez, thành một vài quyết

định. Rõ hơn cả trong những quyết định đó, người ta thấy được sự tiếp tục ra Bắc, và cách đối xử với quan lại Việt-Nam. Cả hai quyết định đó đều được Senez, rồi Francis Garnier, thi hành. Về sự Pháp tiếp tục ra Bắc, thiết tưởng không cần phải nói dài ở đây, vì lịch sử làm chứng một cách quá ư đầy đủ. Còn cách cư xử với với nhà cầm quyền của triều Huế, thì ý của người Pháp là từ nay, hễ thấy gì nên làm họ cứ tự thị làm, coi quan lại Việt-Nam hầu như không có vậy.

Với những tư tưởng rành mạch như vậy trong óc, ngày 5 tháng 10, 1872, Senez lại chỉ huy chiếc *Bourayne* ra đi. Không cần phải báo trước gì hết, ông ghé thăm tỉnh đường Nha - Trang, Bình - Định. Không còn cần phải có thư của Thống đốc Saigon tin báo cho triều Huế như lần trước, lần này chính Senez, khi đến Đà - Nẵng, viết thư cho quan Thương bạc về việc ông ra Bắc. Dọc đường, ông có gặp thuyền của bọn tàu ô và đánh đắm được một số, rồi đến đảo Các-Bà vào cuối tháng 10. Tại đây, Senez gặp một điều không vừa lòng ông là bao. Bên cạnh quan huyện Việt-Nam, ông thấy có một viên quan Tàu đến để bảo vệ Hoa-Kiều trên đảo. Ông hiểu rằng, triều Huế đã mời lực lượng Trung-quốc sang để đánh dẹp tàu ô ở vịnh.

Ngày 1 tháng 11, chiếc *Bourayne* vào cửa Cấm, đậu ngay trước chợ

Hải-Phòng. Các quan địa phương thấy tàu lạ đến, xuống chất vấn, thì Senez điềm nhiên tuyên bố ngày mai ông sẽ lên đường đi Hà-Nội. Thực sự, ngày 2, ông cũng đoàn tùy tùng đi xuống đến tỉnh lỵ Hải-Dương. Ông sừng sỏ vào gặp Tổng đốc Lê-Trần-Thường, ở lại đó 24 giờ đồng hồ để thâu lượm tin tức rồi ra đi. Trong cố gắng ngăn trở viên sĩ quan Pháp, các quan Việt-Nam chỉ cho Senez một con đường quanh. Theo họ, Senez phải lên Bắc-Ninh đã, và bỏ thuyền xuống lại đó để đi bộ qua « Kê chợ », và cuộc hành trình như vậy sẽ mất sáu ngày. Nhưng may cho viên sĩ quan Pháp, vì khi ông lên đến Kê-Một và ghé vào thăm Giám mục Colomer, Senez đã biết được đường sông Chi, nên ngày 6 tháng 11, đoàn thuyền xuống của ông đã đậu ở bến Hà-Nội.

Ở đây, tất cả thái độ bỉ ổi của thực dân phơi bày một cách trắng trợn. Vì thấy ra đón cuộc viếng thăm đường đột này, chỉ có các quan võ, Senez bắt đầu hăm dọa. Ông tin cho quan Tổng đốc biết rằng nếu các nhà cầm quyền hành chánh không đến chào ông, ông sẽ không giao những quà tặng ông đã mang tới. Không biết vì sợ mất quà tặng hay vì một lý do nào khác, chiều hôm đó quan bố Võ-Thường đến gặp Senez, và sáng hôm sau, quan Tổng đốc Bùi-Thúc-Kiên, mặc dầu trước đó đã nói là đang bị bệnh, cũng đến. Quan Tổng đốc đến cũng là có ý để cho Senez khỏi vào thành. Trong câu

chuyện với khách, quan Tổng đốc trách sao không báo trước, và sao lại đến Hà-Nội trái với hòa ước 1862. Senez liền đáp rằng ông có quyền đến Hà-Nội chiếu theo hòa ước 1862, vì hòa ước cho đến Ba-Lạt, mà Hà-Nội cũng ở trên sông Hồng-Hà như Ba-Lạt, và lại nếu người Trung-Hoa đến đây được thì sao ông lại không có quyền đến? Nhưng câu chuyện đến đây chưa hết, vì mục đích dò thám của Senez ở Hà-Nội vẫn chưa hết: Senez tuyên bố ngày mai sẽ vào thăm quan Tổng đốc ở trong thành để đáp lễ. Quan tổng đốc kịch liệt phản đối việc đó rồi ra về, nhưng viên sĩ quan Pháp vẫn không chịu đổi ý. Trưa hôm sau, khi một viên lục sự ra tin cho Senez biết là quan Tổng đốc ốm không tiếp ông được, ông đáp lại rằng nếu ba giờ chiều mà không có thư từ tay quan Tổng đốc viết nói là vì ốm không thể tiếp khách, thì ông ta sẽ vào thành ngay. Gần ba giờ, Senez đem quân lính và khí giới đến cửa thành, chực phá cửa vào. Bấy giờ một lính mục Việt-Nam can thiệp xin điều đình với quan tổng đốc. Senez đành phải ra đi, không thấy được bên trong của thành Hà-Nội.

Đến Bắc-Ninh, Senez cũng giữ một thái độ hống hách như mấy lần gặp quan Việt-Nam về trước. Ông lên công quán với 4 sĩ quan khác, 10 tên lính thủy mang khí giới và 270 ống đạn. Ở đây các quan Việt-Nam tiếp đãi từ tể vì đã biết trước và có lẽ vì đã có mưu. Thật vậy, ở đây, nếu người

Việt yếu, thì đã có người Tàu mạnh. Quân Tàu của Phùng-Tử-Tài đang đóng gần đó. Trong bộ đội Trung-Hoa có người lên tiếng xỉ mạt người Pháp và đánh một sĩ quan. Senez bắt giữ lại. Tức thì quân Tàu tuân đến vây công quán và bắn đá vào. Sau hai giờ cầm cự, Senez phải thả người Tàu ra và quan tuần phủ Nguyễn-Oai can thiệp để người Tàu rút đi. Để tránh đụng độ thêm với người Tàu, quan tuần phủ mời người Pháp vào thành, và Senez quan sát rất kỹ địa thế. Chiều tối, khi dùng bữa, quan tuần phủ cho Senez biết là có tàu Pháp đến ở cửa Bạch-Đằng đang muốn gặp ông ta tại đó. Đó là Jean Dupuis, và

Senez vội vàng xuôi, để giới thiệu tên phiếu lưu này với các quan Việt-Nam.

Với Senez, người Pháp đã thấy Bắc-kỳ. Dựa theo những gì viên sĩ quan này đã thấy, người Pháp sẽ sắp đặt một chương trình hoạt động. Để công khai đặt chân lên Bắc-kỳ, họ cần phải có một nguyên cớ, và nguyên cớ đó họ đang có với Jean Dupuis. Lịch sử của việc Pháp đánh Bắc-kỳ lần thứ nhất bắt đầu...

NGUYỄN-PHƯƠNG

Kỳ tới : « Jean Dupuis : một cơ hội tốt để thực dân Pháp ra Bắc ».

**TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
HÒA HOÀN**

TẠI HẢI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LÃNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LÃNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliards de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP A

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH
VỐN 8.750.000.000 PHẬT LÃNG
Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VA ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP
CHI NHÁNH TẠI SAIGON**

26, đường Tôn-thất-Đàm (tên cũ C aigoan)

Giấy số : 21.253 — 23.913

Đã phát hành toàn quốc :

NỮ SINH và GIAO SƯ

TRUYỆN NGẮN QUỐC TẾ

của LƯƠNG TRỌNG MINH dịch

Những bạn đọc đã theo dõi các tác phẩm của văn hào Stefan Zweig, hãy tìm đọc 3 thiên truyện kỳ dị nhất của ông :

NGƯỜI CUỒNG MÃ LAI

bản dịch của TRẦN ĐÌNH KHẢI

do THỜI MỚI xuất bản

200 trang. Giá 50 đ

Bạn có thể ngờ, bạn có thể không tin, nhưng bạn không thể không đọc

KẾ THẾ

của HỒ-KỮU-TƯỜNG

vừa phát hành — Giá 18 đ

Để tự hỏi : Giữa Bạch-Liên giáo bên Tàu với Quang-Trung, Nguyễn-Huệ ở Nam, và từ người anh hùng áo vải ấp Tây-Sơn đến Chúa Tiên Chúa Ngọc miền Nam, đến họ Hồ, có cái gì liên hệ với nhau chăng ?

Sắp xuất bản

Vùng trú ngụ

thơ Sông-Nguyên-Hoài Thảo

Mẫu bìa Nguyễn-Thị-Bình

Phụ bản chân dung Phạm-Nguyễn-Yêm

Giao điểm không gian

● CÔ-LIÊU

KHOA học không gian là *giao điểm khoa học* có tính cách huy hoàng và vĩ đại hơn cả, qui tụ những ngành khoa học xa xôi và khác biệt tượng trưng cho kiến thức nhân loại, huy động những phương tiện khổng lồ và phong phú, đã đạt tới mức hiệu lực về nghiên cứu, mức tinh vi và chuẩn xác về thực hiện chưa từng có trong lịch sử khoa học xưa nay.

Khoa học không gian dùng nhiều ngành khoa học làm phương tiện thăm dò và quan sát: như khoa thiên văn quang học (astronomie optique) nghiên cứu hình thể những tinh tú thấy được bằng mắt hay bằng viễn kính, thiên văn vô tuyến (radio astronomie) nghiên cứu những sóng từ điện của tinh tú, thiên văn gama (astronomie gamma) phân tích những quang xạ có luồng sóng ngắn. Nhiều ngành khoa học chỉ liên hệ đến Khoa học không gian về một vài phương diện hoạt động như toán học, sinh vật học — sinh vật học nghiên cứu xem sinh vật ở trái đất có thể sống được ở ngoài không gian hay ở các hành tinh khác với những điều kiện nào — lý học hạch tâm nghiên cứu cách cung cấp

tính lực cho các xe không gian, ngành này đã khám phá ra các ngôi sao có thể tỏa ra ngoài không gian những số tính lực kinh khủng mà không suy yếu. Khoa khí tượng học dùng những vệ tinh nhân tạo để nghiên cứu thời tiết và dựa vào kết quả những cuộc nghiên cứu mặt trời để cắt nghĩa nhiều hiện tượng thời tiết. Có hai cách thám hiểm vũ trụ: cách thứ nhất dùng căn cứ dưới mặt đất để quan sát, cách thứ hai dùng những máy móc phóng ra ngoài không gian. Nhờ máy móc và dụng cụ phóng đi như vậy, kiến thức của người ta về vũ trụ thêm phong phú gấp bội. Mới biết sử dụng những phương tiện ấy vào khoảng 10 năm nay, mà mỗi ngày người ta hiểu biết thêm về vũ trụ bằng cả trăm năm nghiên cứu thuở trước.

Trong một vài trang báo không thể trình bày được đầy đủ những khám phá của khoa học về vũ trụ, chúng ta chỉ có thể thu hẹp sự tìm hiểu trong phạm vi một trường hợp đặc biệt: sự nghiên cứu hàng không gian. Tuy nhiên trong giới hạn ấy vẫn đề cũng vẫn còn mênh mông rộng rãi quá. Ta

phải lựa một trong hai chương trình chinh phục không gian, hoặc của Mỹ, hoặc của Nga. Trên thực tế ta chỉ có thể lựa chương trình Mỹ, tức là chương trình NASA vì Nga giữ hoàn toàn bí mật những công cuộc khảo cứu của họ. Như vậy, trình bày *giao điểm không gian* tức là trình bày chương trình NASA, một việc làm không có hoài bão đưa ra một ý niệm đầy đủ về các cuộc thám hiểm vũ trụ, mà chỉ có ý trình bày những phương tiện quan trọng đã được huy động và những mục tiêu có thể đạt tới.

Sửa soạn cuộc đồ bộ lên cung trăng

Muốn mô tả được đúng cách cuộc phiêu lưu vào không gian vĩ đại nhất của loại người xưa nay người ta phải là kỹ thuật gia. Ông Julien Werner đã quan sát đủ 21 trung tâm kỹ thuật ở Cap Carveral nên có thể phác họa một hình ảnh khá trung thành về những hoạt động của cơ quan NASA, mà nhiều sự kiện đối với con mắt phàm nhân của chúng ta gần như là cảnh tượng phóng tác khoa học. Trên bãi hoang vu ấy mọc lên những cột sắt sơn đỏ cao vút tận mây xanh, ở trong là những điều xi gà khổng lồ dài hàng năm sáu chục thước, đó là những hỏa tiễn Titan, Jupiter Thor, Atlas và Saturne sẽ chở máy móc hay người đi thám hiểm. Mười lăm năm trước đây, chưa có phi cơ siêu âm thanh, nhưng bây giờ người ta đã tiến đến giai đoạn quyết định dùng tinh lực hạch tâm hay tinh lực mặt trời để cho chạy thứ xe đạp xuống Hỏa Tinh.

Vệ tinh Explorer I phóng đi cách đây chưa tới 5 năm; từ đây một loạt máy

móc khác được phóng ra ngoài không gian, từ những hỏa tiễn thám thính đến ca-bin Mercury chở phi công Glenn và Carpentier. Giữa hai giai đoạn tiến triển mau chóng của kỹ thuật phóng hỏa tiễn ấy, người ta đã thực hiện nhiều loại vệ tinh để thám hiểm không gian kể cận trái đất, mặt trăng, các hành tinh khác, hay những vệ tinh quan sát khí tượng và dùng làm trạm viễn thông.

Trên bãi hoang vu bên bờ Đại-Tây Dương ấy san sát những công xưởng mộng mên, những bộ óc điện tử tối tân nhất, những hỏa tiễn kiểu Ranger và Mariner đứng lên những hỏa tiễn kiểu O.S.O. (Orbiting Solar Observatory), một phần lớn những hỏa tiễn ấy rồi sẽ phóng vào chỗมืด mù không biết đi tới đâu.

NASA là gì? NASA có tiêu biểu cho trung tâm không gian học của Hiệp Chúng Quốc không? Thực ra trong số 52 vệ tinh phóng đi năm 1962, chỉ có non một phần ba thực hiện bởi trung tâm NASA mà thôi. Trước năm 1958 việc phóng hỏa tiễn là độc quyền của quân đội, từ 1958 trở đi Hoa Thịnh-Đốn mới quyết định dành việc nghiên cứu không gian cho một tổ chức dân sự, nhờ vậy công chúng mới được biết những thực hiện của NASA, mới được theo dõi cuộc phiêu lưu ra ngoài trái đất có một không hai trong lịch sử. Được như vậy là vì chính phủ Hiệp-Chúng-Quốc hiểu rằng chính trị có những lý lẽ mà chính lẽ phải cũng không biết đến, chính phủ quyết định giao cho dân sự đảm nhiệm những phần nghiên cứu không gian có tính cách học thuật thuần túy, không liên hệ đến quốc phòng. Bởi vậy, trong khi Không-

Lực Mỹ bí mật phóng những vệ tinh Transit 5A, Anna IB hay TRAAC, trung tâm NASA đảm nhiệm việc xúc tiến khoa học và kỹ thuật không gian thuần túy, quyết định thắng cuộc thách đố Kennedy phóng người lên mặt trăng trước năm 1970.

Cuộc thách đố với Nga-Sô của vị Tổng thống Hoa-Kỳ là nguyên nhân thúc đẩy trung tâm NASA dốc hết lực lượng nhân sự và kỹ thuật trong mấy năm nay. Con người thời đại không khỏi ngạc nhiên rằng nước Mỹ đã huy động những phương tiện khổng lồ của quốc gia để thực hiện một cuộc phiêu lưu không có mục đích gì thiết thực, làm người ta phải nghĩ đến những công cuộc xây cất vĩ đại thuở trước như Vạn-Lý-Trường-Thành hay Tháp-Ai-Cập.

Năm 1961, cố tổng thống Kennedy đã cả quyết rằng người Mỹ sẽ đến mặt trăng trước. Trong chương trình của Mỹ người ta công bố hầu hết những công việc nghiên cứu và thực hiện, trái lại chương trình của Nga giữ rất bí mật, như vậy làm sao biết được bên nào thắng, bên nào đến đích trước? Đó là điểm thắc mắc của mọi người. Nhưng nếu quan sát các cơ cấu của trung tâm NASA và suy ngẫm về các chương trình hoạt động, ta sẽ thấy cuộc thi đua này không phải chỉ có ý nghĩa đạt tới đích là lên mặt trăng, ý nghĩa của nó đã vượt mục tiêu ấy. Cuộc chinh phục không gian đúc kết những chương trình táo bạo và rộng rãi, sẽ thúc đẩy khoa học và kỹ thuật tiến gấp, đào tạo những thanh niên thông minh và hoạt động nhất thành bác học và kỹ thuật gia, như vậy cuộc

phiêu lưu này tác động như một chất men để phát triển khoa học theo một nhịp gấp, một yếu tố quan trọng đã giúp ích cho nước Mỹ đóng vai trò đệ nhất cường quốc trên thế giới ngày nay. Có lẽ nếu Nga-Sô thắng cuộc, uy thế nước Mỹ cũng không vì thế mà phải sút kém, vì nước Mỹ đã độc quyền một ưu thế khác nhờ hoạt động của trung tâm NASA: nước Mỹ vẫn là nước có sự hiểu biết sâu rộng nhất về không gian.

Bây giờ ta thử đi một vòng chung quanh một trung tâm kỹ thuật khổng lồ, từ năm năm nay, mỗi năm tăng các chương trình hoạt động lên gấp đôi. Trong số 30 mỹ-kim mỗi năm của mỗi người Mỹ tung ra ngoài không gian, 4 phần 5 được chi phí vào dự án Apollo, tức là dự án đổ bộ lên cung trăng. Trung tâm NASA trước hết là dự án Apollo.

Trong 18 tháng gần đây, trọng tâm công tác của trung tâm NASA là phải quyết định chọn lấy một trong ba đề nghị:

— Trực tiếp đưa thẳng người từ trái đất lên mặt trăng, như vậy phải chế những hỏa tiễn có sức mạnh kinh khủng.

— Đưa người lên một vệ tinh trên quỹ đạo trái đất, từ đó sẽ bay lên mặt trăng.

— Đưa người lên quỹ đạo mặt trăng, rồi sẽ từ đấy đáp xuống mặt trăng.

Người ta đã lựa đề nghị cuối cùng.

Trong một năm trời, trong trung tâm có hàng vạn người tranh luận sôi nổi về cuộc hành trình này để dự một

phần công tác. Cơ quan mà họ đại diện đóng vai trò quan trọng hay không trong cuộc hành trình ấy là tùy quyết định của trung tâm. Vậy trung tâm sẽ giới hạn những tài liệu công bố cho dân chúng biết hay cho phổ biến hết các tài liệu? Trong cuộc chinh phục không gian, vai trò của quân đội hay của dân sự quan trọng hơn? Trong số những chương trình nghiên cứu khoa học mâu thuẫn nhau, phải chọn những chương trình nào? Nhiên liệu dùng cho hỏa tiễn sẽ là nhiên liệu đặc hay lỏng? Vấn đề gay go hơn cả là ấn định và cấp phát ngân quỹ. Nhiều người phản đối Trung tâm đã dành tới 80% ngân quỹ để thực hiện những hỏa tiễn chở theo người, đáng ra nên chú trọng đến những vệ tinh chỉ mang theo dụng cụ khoa học, như vậy, sẽ mau đạt được những mục tiêu khoa học.

Nhưng dự án Apollo có mục đích đưa người lên mặt trăng trước 1970, bởi vậy Holmes, người tình của chị Hằng vẫn được quyền ưu tiên sản xuất hỏa tiễn chở theo người.

Chương trình hỏa tiễn chở theo người khởi sự từ năm 1961 với cuộc bay của Alan Shepard theo quỹ đạo trái đất trong 5 giờ. Về sau có những cuộc bay theo quỹ đạo rộng hơn trước. Bây giờ đã đến giai đoạn bay theo quỹ đạo trong 24 giờ của Gordon Cooper. Nhờ những cuộc bay thử ấy người ta biết được sức chịu đựng của những kim loại thích hợp, nhất là sức chịu đựng của người trong không gian không có trọng lực. Rồi đây dự án Gemini sẽ nghiên cứu việc tháo và ráp hỏa tiễn đang bay trong không gian. Chúng ta biết rằng Nga đi trước Mỹ vài tháng, đã

thành công trong việc phóng hai vệ tinh vào cùng một quỹ đạo. Trong dự án Gemini, một vệ tinh sẽ được đặt vào quỹ đạo quanh trái đất, sau đó sẽ phóng lên một ca-bin chở theo hai người. Các phi công sẽ điều khiển hai vệ tinh ấy cho ráp vào nhau rồi lại gỡ rời ra. Đến năm 1965 hỏa tiễn Saturne tám máy, sức đẩy 1 triệu rưỡi cân Anh, sẽ đặt 3 người lên quỹ đạo trái đất trong nhiều tuần lễ.

Tiếp theo đây là cuộc bay vòng quanh mặt trăng.

Dự án Apollo đòi hỏi một số kinh phí từ 20 đến 30 tỷ Mỹ kim, nghĩa là gấp một lần rưỡi ngân quỹ quốc gia Pháp. Dự án này rất khó khăn vì phải nhắm một vòng tròn chỉ rộng 12 cây số bề ngang, ở xa tận 400.000 cây số làm đích, hỏa tiễn bay với tốc lực 40.000 cây số giờ phải đến trúng đích, nếu không sẽ lạc vào không gian vô tận và mất tích luôn.

Muốn đặt một vệ tinh vào quỹ đạo mặt trăng, trước hết phải thực hiện được một hỏa tiễn khổng lồ, sức mạnh kinh khủng, cho tới ngày nay chưa từng thí nghiệm bao giờ. Người ta dự định dùng hỏa tiễn Saturne C5 có ba tầng: tầng thứ nhất, 5 máy F1 chạy bằng dưỡng khí và Kérosène, sức đẩy 7,5 triệu cân Anh, do Công ty Boeing Co ở Huntsville đóng. Tầng thứ hai 5 máy J2 chạy bằng dưỡng khí và khinh khí lỏng do hãng North American Aviation đóng. Tầng thứ ba chỉ có một máy J2 do công ty Dougla Co đóng.

Vệ tinh do hỏa tiễn chở đi thì chính trung tâm NASA ở Houston (Texas)

đảm nhiệm việc thực hiện, vệ tinh cũng có ba phần có thể tháo rời ra được : một phòng điều khiển trong có đủ máy móc kiểm soát và điều động, ba phi công sẽ ngồi trong phòng này ; một phòng máy ; sau hết là một thứ xe có bánh gọi là xe trực thăng (hélicoptère). Trực thăng là bộ phận đáp xuống mặt đất.

Hai ngày thám hiểm mặt trăng

Trong khoảng năm sáu năm nữa cuộc khởi hành lên Cung Quảng sẽ diễn ra như sau :

Hoả tiễn Saturne nặng 3000 tấn sẽ phóng đi từ mũi Caravel. Tầng thứ nhất và tầng thứ hai lần lượt rời ra, rớt xuống biển, tầng thứ ba đẩy vệ tinh vào quỹ đạo trái đất trong chốc lát để kiểm soát lại, rồi phóng vệ tinh thăng lên mặt trăng với tốc độ 40.000 cây số giờ. Vệ tinh phân ra làm hai đoạn : phòng máy và xe trực thăng. Phòng máy sẽ ráp đầu vào đuôi xe trực thăng, tầng thứ ba của hoả tiễn trở nên vô dụng sẽ tự động rời ra.

Hai ngày rưỡi trôi qua, chiếc xe không gian ấy giảm bớt tốc lực dần dần. Khi đến cách mặt trăng 90 cây số, phòng máy bắt đầu hoạt động để đặt xe không gian vào quỹ đạo mặt trăng. Bảy giờ hai phi công leo qua một ngõ hẹp bước sang xe trực thăng. Người thứ ba ở lại phòng máy, và phòng máy tiếp tục xoay quanh quỹ đạo. Xe trực thăng rời khỏi phòng máy, một hoả tiễn nhỏ bùng cháy đẩy xe trực thăng hướng xuống mặt trăng. Hai phi công quan sát Cung Quảng lạnh lẽo và tìm chỗ để đáp xuống, họ mặc áo làm bằng cao-xu và lát-tích, lưng đeo máy điều

hòa nhiệt độ và cung cấp dưỡng khí. Họ dùng những hoả tiễn phản hồi để chuyển dịch. Họ vừa là phi công, kỹ sư, lại có kiến thức thiên văn học, địa chất học, họ có đủ máy móc, dụng cụ để chụp hình, vẽ địa đồ, đo lường và phân tích.

Hai ngày sau, công việc thám hiểm hoàn tất, họ cho chạy chiếc hoả tiễn thứ hai của xe trực thăng để trở về căn cứ. Nhờ công việc thí nghiệm máy bay X-15 và vệ tinh Dyna Soar ở Edwards Base gần Los Angeles, người ta có thể thực hiện được những thứ vệ tinh vừa bay như một vệ tinh thường, lại vừa dừng lại và khởi hành theo sự điều khiển của phi công như một cỗ xe.

Vừa lúc xe trực thăng tiến lên cao thì viên phi công thứ ba vẫn xoay quanh quỹ đạo mặt trăng bắt đầu hiện ra ở chân trời. Họ dùng ra đa để chào nhau, rồi điều động cho xe trực thăng ráp liền vào với vệ tinh của viên phi công thứ ba một cách êm nhẹ ; hai phần của vệ tinh lại dính liền làm một. Hai phi công trong xe trực thăng lại chui qua cửa hẹp về phòng máy với viên phi công thứ nhất. Thôi, hãy bỏ qua giai đoạn hàn huyên của ba người để nói đến cái xe trực thăng vừa chấm dứt nhiệm vụ đã trở thành vật vương vãi nên bị gạt bỏ ở lại xoay quanh mặt trăng có lẽ vĩnh viễn cũng như mặt trăng vậy. Bay về đến trái đất, vệ tinh cho chạy máy móc để đáp xuống. Vệ tinh bay với tốc lực 40.000 cây số giờ phải nhằm đúng một lớp không khí cách mặt đất 60 cây số, lúc bay vào phải theo một chiều thoải thoải đúng góc cạnh tính trước, nếu xuống chúc quá vệ tinh sẽ nổ tung, nếu thoải quá

vệ tinh sẽ bị gạt ra để mất tích trong không gian. Vì nguy hiểm như vậy nên vấn đề trở về trái đất của dự án Apollo đặt ra những con tính khó khăn gấp 10 lần vấn đề trở về của ca-bin Mercury đã dùng trong công cuộc bay đầu tiên lên không gian.

Hẳn là mọi người phải sửng sốt khi nghe nói có thể ráp nối những bộ phận xe không gian trong lúc đang bay với tốc lực kinh khủng, có thể nhằm đúng một cái đích chỉ rộng bằng 12 cây số đang di chuyển ở xa 400.000 cây số. Sự tổ chức công việc ở trung tâm NASA cũng không phải giản dị. Hàng ngàn hàng vạn vấn đề nhỏ nhất đặt ra. Trắc nghiệm một bộ phận máy phải dùng hàng ngàn dụng cụ đo lường, tính toán, ghi chú. Mỗi bộ phận máy đúc ở một nơi rải rác khắp nước Mỹ. Phải chờ những mảnh thép khổng lồ có khi ở rất xa đến nơi ráp, và phải ráp cho kịp thời để đợi những bộ phận khác đến mới có chỗ chứa. Nguyên một hỏa tiễn Saturne phải cần sự tham gia của 9 000 xí nghiệp ở rải rác khắp 50 tiểu bang nước Mỹ.

Sự thành công của dự án Apollo tùy thuộc ba điều kiện :

1) Bảo đảm được hỏa tiễn Saturne C5 toàn thiện về phương diện kỹ thuật. Cách đây mấy tháng bộ máy F1 có nhiều trục trặc về phương diện nhiên liệu.

2) Loại kim khí dùng làm xe không gian chịu đựng được điều kiện hoàn cảnh trong không gian.

3) Lúc đáp xuống mặt trăng xe trực thăng không hư hại vì hình thể đất gồ ghề. Như vậy phải có những bức hình

chụp mặt trăng. Hỏa tiễn Ranger phóng đi với mục đích ấy đã đi trật đường, còn hỏa tiễn Centaure bị nổ ở giữa đường.

Mặc dù có thất bại nữa, dự án Apollo không đến nỗi vì thế mà phải chậm trễ. Những chuyến bay thử của hỏa tiễn Saturne vào khoảng 1967 sẽ đảm nhiệm công việc chụp hình mặt trăng.

Ý nghĩa cuộc thách đố Kennedy

Ngoài dự án Appollo, trung tâm NASA còn chú trọng đến ba loại hoạt động khác : nghiên cứu khoa học không gian áp dụng kỹ thuật không gian và nghiên cứu kỹ thuật tân kỳ. Theo một vài bác học gia thì hoạt động của NASA gồm 95% kỹ thuật, khoa học thuần túy chỉ có 5% mà thôi. Trên bình diện khoa học người ta theo đuổi những mục đích nào ? Vén màn bí mật ở ngoài trái đất, tìm hiểu nhật thống hệ trong những khu vực cách mặt đất từ 100 cây số đến vài chục triệu cây số. Sự thu góp những tài liệu mới mẻ đó tùy thuộc điều kiện dụng cụ và máy móc chế ra lúc cần đến nhưng không thể nào nghĩ đến trước được. Trước đây bốn năm không ai có thể quan niệm được nhiều dụng cụ mới chế ra tại trung tâm N.A.S.A.

Ta có thể nói rằng trí thông minh của người ta một phần nào biểu lộ bằng cách thích ứng với những hoàn cảnh mới và sáng tác ra điều kiện để thích ứng. Trong 300 trường đại học lớn ở nước Mỹ, biết bao bộ óc không ngừng suy nghĩ và sáng tác, trong khi hàng ngàn xưởng cơ khí, điện tử

sản xuất biết bao máy móc và dụng cụ mới.

Có lẽ ý nghĩa chính của cuộc thách đố Kennedy là ở đây, ở sự huy động được những phần tử tuần tử và hoạt động nhất để thúc đẩy cuộc tiến hóa lên một nhịp mau chóng gấp mười lần hồi tiền chiến.

..

Mỗi người có thể đặt làm một vệ tinh riêng hợp ý muốn của mình

Thực hiện trung tâm N.A.S.A., người ta đã vượt rất xa giai đoạn nghiên cứu lẻ tẻ của một nhà bác học trong phòng thí nghiệm riêng. N.A.S.A. là một tổ chức khổng lồ với một ngân quỹ lớn hơn ngân sách quốc gia của một cường quốc bậc trung (gần một lần rưỡi ngân sách nước Pháp). Đó là một hình ảnh của những tổ chức tân tiến của thời đại, đặc biệt về tính cách đồ sộ và huy hoàng. N.A.S.A. đưa rẽ ăn sâu vào các ngành kỹ nghệ trong toàn cõi nước Mỹ.

Từ năm 1958, phân bộ « Khoa học không gian » của Trung Tâm đã phóng đi hàng trăm hỏa tiễn thăm dò và những vệ tinh thuộc loại Pioneer và Explorer, với mục đích tìm hiểu các lớp của vùng khí quyển. Nhờ vậy người ta biết được: có những tia Gamma tự ngoài nhật thống hệ bắn tới khí quyển, có một cái đai tia xạ gọi là đai Van Allen, có một lớp hélium trên cao từ 800 đến 1500 cây số, có một từ trường rất mạnh ở ngoài không gian giữa các hành tinh trong nhật thống hệ, có những quang tuyến cực tím phóng ra từ các ngôi sao « nóng »,

có ảnh hưởng của chất plasma ở mặt trời phóng ra v.. v..

Kỹ thuật chế nhiên liệu và vận tốc các hỏa tiễn tiến rất mau, người ta có thể tăng sức nặng và khối lượng những xe không gian để chở đi nhiều máy móc dụng cụ khoa học, nhờ vậy số tài liệu thu thập được cũng tăng gia.

Các chuyên gia của trung tâm NASA, các cơ quan trong chánh phủ, các viện, đại học, các xí nghiệp đều có thể thông báo cho Trung tâm biết những điểm cần phải chứng nghiệm như nhiệt độ của vùng không gian bao bọc các hành tinh, từ trường của trái đất, bình thể và cường độ của đai Van Allen v.. v.. Trung tâm sẽ cứu xét thứ bậc ưu tiên của các sự kiện ấy tùy theo tầm quan trọng của chúng đối với mục tiêu của trung tâm (lên mặt trăng trước 1970), chứ không phải tùy theo sở thích riêng của người đề nghị. (Dĩ nhiên quyền ưu tiên sẽ dành cho những hiện tượng vũ trụ ảnh hưởng đến chiếc xe lên mặt trăng). Trung tâm sẽ căn cứ vào những sự kiện trên đây để thực hiện những vệ tinh kiểu mới mang theo những dụng cụ mới. Bây giờ đến lượt các nhà toán học tính xem quỹ đạo nào thích hợp với cuộc bay của vệ tinh. Công việc không phải dễ dàng, vì người này yêu cầu một quỹ đạo hình tròn, người kia hình bầu dục, người khác yêu cầu cho quỹ đạo đi qua hai cực trái đất hay theo đường xích đạo. Người này nói: « Tôi có 3 kí dụng cụ, cần phải để cho lúc nào cũng hướng về mặt trời », người kia nói: « 3 kí dụng cụ của tôi lúc nào cũng cần khuất trong bóng tối ». Phần nhiều, tôi ba phần tư đề nghị bị bác bỏ. Qua được

giai đoạn ấy, người ta ấn định khối lượng của vệ tinh và đường quỹ đạo thích hợp để nó thu được nhiều kết quả. Sau cùng là giai đoạn chọn loại hỏa tiễn để phóng vệ tinh đó.

Vấn đề chọn hỏa tiễn thích hợp với mục đích cuộc bay cũng đặt ra nhiều bài toán gay go, có khi phải bỏ những kinh nghiệm cũ mà trở lại thí nghiệm từ đầu, như khi quyết định đưa người lên mặt trăng, người ta nhận thấy những kiểu hỏa tiễn của quân đội đã thực hiện đều yếu quá. Bởi vậy phải đặt làm hỏa tiễn khổng lồ Saturne.

Loại hỏa tiễn Ranger là một loại đặc biệt, có cánh, hình con nhện, sẽ mang theo những dụng cụ thí nghiệm của sinh vật học gia và sinh vật lý học gia, những dụng cụ ấy đựng trong những cái vỏ bằng gỗ, vệ tinh sẽ thả ra cho rớt xuống trái đất khi đã xong công tác; các địa chất học gia gửi đi những máy đo chấn ba (động đất) để biết có những vắn thạch đựng vào vệ tinh. Tuy gặp nhiều thất bại nhưng công việc thí nghiệm hỏa tiễn Ranger vẫn tiếp tục. Sau này sẽ thí nghiệm loại hỏa tiễn Surveyor có thể đáp xuống mặt trăng được không bị phá hủy, nó sẽ mang theo dụng cụ để thăm dò xem mặt trăng có vùng khí quyển hay không. Loại hỏa tiễn Prospector sẽ lấy thêm tài liệu bổ túc.

Hầu hết các nước trên thế giới hợp lực để thám hiểm vũ trụ

Kim tinh ở xa hơn mặt trăng nhiều mà vệ tinh Mariner 2 đã bay gần sát bên sườn, chỉ cách có 34.560 cây số, và đưa về trái đất những tài liệu đặc biệt như nhiệt độ Kim tinh nóng hơn

chỉ lỏng (426 độ bách phân), từ trường rất yếu, từ 5 đến 10% từ trường trái đất. Sở dĩ đạt được kỳ công ấy là nhờ kỹ thuật điện tử. Các nhà bác học đã ngồi ở đài chỉ huy California sửa chữa được quỹ đạo của Mariner 2 lúc nó đã đi xa hàng chục triệu cây số.

Người ta có thể nói rằng hoạt động của trung tâm N A S A có tính cách quốc tế, và hoạt động ấy muốn như trở thành một nhu cầu chính trị cũng như nhu cầu khoa học và kỹ thuật. Một phần ba những căn cứ phóng hỏa tiễn nghiên cứu khoa học đặt ở ngoại quốc, tại Ý, Ấn-Độ, Thụy-Điển, Hồi-Quốc. v.v.. Trong số 12 vệ tinh phóng đi năm ngoái, có hai vệ tinh quốc tế: Vệ tinh Allouette của Gia-Nã-Đại và Ariel của Anh. Theo đề nghị của Pháp, chắc sẽ phóng một vệ tinh thứ nhất của Pháp vào quỹ đạo, đó là vệ tinh F. R. 1 để thăm dò thượng tầng khí quyển và nghiên cứu điều kiện truyền sóng V. T. Đ. Trong sự hợp tác quốc tế này, Nga-Sô cũng có mặt trên nhiều lãnh vực, như đo từ trường, phóng một vài vệ tinh phụ. Khi trung tâm NASA chú trọng đến loại hoạt động thứ hai tức là phóng những vệ tinh khí tượng và viễn thông, chắc là sự hợp tác quốc tế sẽ sâu rộng hơn.

Để nghiên cứu khí tượng trung tâm NASA đã phóng đi 6 vệ tinh Tiros hình chao đèn để truyền về trái đất hàng trăm ngàn bức hình chụp mây. Nhờ những hình ấy có thể biết trước những nơi nào sắp có bão. Kế tiếp vệ tinh Tiros sẽ là loại vệ tinh Nimbus xoay quanh trái đất và cho biết luôn luôn tình trạng khí tượng ở bất cứ nơi nào. Mỗi vệ tinh Nimbus sẽ hoạt

động được trong 6 tháng. Hiện nay công việc tiếp nhận và suy diễn những dấu hiệu của vệ tinh khí tượng chuyển xuống đều do những đài tiếp nhận của Mỹ phụ trách, các đài ngoại quốc đều phải lấy tin của đài Mỹ. Vệ tinh Nimbus sẽ được trang bị bằng thứ Camera riêng chuyển vận thẳng những hình ảnh chụp được xuống cho bất cứ đài nào có máy ghi nhận. Công việc sẽ mau chóng hơn trước. Đó là điểm cách mạng quan trọng về khí tượng học thực hiện được nhờ vệ tinh Nimbus.

Với hai vệ tinh Relay và Telstar ngành viễn thông quốc tế bước vào một giai đoạn mới và chuẩn bị cho sự chuyển vận Vô tuyến Truyền hình đến khắp nơi trên thế giới. Những loại vệ tinh này bay theo quỹ đạo ở gần trái đất, nó tiếp nhận V.T.Đ., khuếch đại, rồi tiếp vận đi.

Sau một thời gian thí nghiệm cho biết ưu điểm của sự tiếp vận bằng vệ tinh là hình ảnh và âm thanh không bị ảnh hưởng những xáo động xảy ra trong thượng tầng hay hạ tầng khí quyển.

Người ta còn đi xa hơn trong việc thí nghiệm những vệ tinh viễn thông. Vệ tinh Syncom là một loại vệ tinh nhỏ phóng lên thật cao, đặt vào quỹ đạo trái đất. Tốc lực của nó tương đương với tốc lực trái đất xoay, thành ra nó vẫn đứng nguyên một chỗ để các đài dưới đất luôn luôn trông thấy. Phải dày công nghiên cứu mới thực hiện được một hệ thống tiếp vận như vậy, bây giờ chưa biết rõ khai thác một hệ thống như vậy có lợi hay không.

Loại hoạt động thứ ba của trung tâm NASA sửa soạn những chương trình vĩ đại tương lai, như chương trình thám hiểm Hỏa Tinh. Muốn lên Hỏa Tinh có thể dùng tinh lực hóa học, hành trình đi và về mất 920 ngày nhưng nặng nhọc và đắt đỏ. Có thể dùng nguyên tử lực; máy Rift chạy bằng nguyên tử lực sẽ thí nghiệm vào năm 1967, cuộc nghiên cứu tiến hành chậm chạp. Sau hết, có thể dùng điện lực. Bác học gia Ernst Stuhlinger nghiên cứu điện lực. Theo ông, có thể dùng arc (tia lửa điện), *ions* hay *plasma*. Ông nghiên cứu *ions*. Muốn phóng một vệ tinh 100 tấn lên Mộc Tinh, hỏa tiễn dùng tinh lực hóa học phải nặng 100.000 tấn. Nếu dùng nguyên tử lực thì hỏa tiễn chỉ nặng 3.000 tấn, còn nếu dùng điện lực, chỉ cần một hỏa tiễn nặng 300 tấn. Vấn đề là làm cách nào để đặt được máy phát điện mạnh như thế trên một vệ tinh nhỏ. Hiện nay người ta đang nghĩ đến hệ thống máy: phản lực — tuyền-bin — máy phát điện.

Tại Goddard Center, một nhánh khác của Trung tâm N.A.S.A. gần Hoa-Thịnh-Đồn, người ta nghiên cứu nguyên tử lực để dùng cho vệ tinh. Máy nguyên tử lực sẽ phát ra nhiệt độ kinh khủng nên phải dùng những máy lạnh khổng lồ để trừ nhiệt độ đó. Vệ tinh bay sẽ gặp nhiều Ván Thạch, vậy vệ tinh phải dày bao nhiêu để chịu đựng được sức tàn phá của ván thạch?

Căn cứ vào những cuộc nghiên cứu trên đây, người ta có thể dự đoán rằng hành trình không gian, mai sau sẽ dùng nguyên tử lực và điện lực. Sự tiến bộ của hai ngành này tùy thuộc kỹ

thuật tạo nhiệt độ cực cao và kỹ thuật chế tạo những loại kim khí cực rắn. Vấn đề chính yếu là làm cách nào để chuyển hoá được thật nhiều nhiệt lực thành điện lực trên một vệ tinh bay trong không gian. Như vậy, người ta biết được trên Hỏa Tinh có người ở hay không là thuộc vấn đề vượt nổi những khó khăn về kỹ thuật ngày nay.

Cũng trong khu vực hoạt động thứ ba của Trung tâm N.A.S.A., người ta đang thực hiện một thứ máy phát điện chạy bằng máu huyết và dưỡng khí ta hô hấp vào phổi. Thứ máy này dùng để điều hòa trái tim những phi công đầu tiên bước chân xuống Hỏa Tinh. Trong khi ấy người ta cũng nghiên cứu tường tận sức chịu đựng của con người về nhiệt độ, về sự biến đổi thời tiết và trong khoảng trống không có trọng lực.

Một số bác học gia và kỹ thuật gia không lồ

Bảng sơ lược những hoạt động của Trung tâm NASA trên đây cho ta một khái niệm về sự tổ chức công việc của bác học gia và kỹ thuật gia tại Trung tâm, cùng những mục tiêu họ theo đuổi. Đối với một trung tâm tiêu xài hết 6 triệu Mỹ kim trong năm 1963 và dùng tới một số bác học gia và kỹ nghệ gia lớn như vậy, vấn đề tổ chức rất là quan trọng. Nói đến số ba hay bốn người đầu não của Trung tâm, một quan sát viên đã phải thốt ra câu này: « Trong khắp nước Mỹ, số người tài ba như họ không có đến 10 người. Chính phủ phải trưng dụng họ của các xí nghiệp kỹ nghệ tư, các xí

ngiệp ấy đã phải mượn họ bằng số niên bổng trên 100.000 Mỹ kim.

Brainerd Holmes, người chỉ huy chương trình Apollo, trước đây đã điều khiển hãng RCA trong 8 năm, tài cán và linh hoạt không ai bì kịp.

James Webb, nhân vật số một của Trung tâm NASA, thật là một sản phẩm đặc biệt của nước Mỹ, không thể có được một mẫu người như thế ở nước khác. Ông là người nhanh nhẹn, sáng suốt, nghị lực phi thường, có thể làm việc mỗi ngày 15 giờ hay đứng nói trước công chúng trọn một ngày để khuyến khích dân chúng ủng hộ chương trình không gian.

Tại đây, người ta muốn luyện những kỹ nghệ gia Mỹ thành kỹ thuật gia không gian, nâng cao trình độ kiến thức khoa học của nước Mỹ theo gương tiểu bang California, tạo cho nền đại học trở thành chìa khóa để mở những cửa bí mật trong cuộc thi đua với Nga-Sô.

Nhờ có những người như Webb, chương trình nghiên cứu không gian của nước Mỹ đã phát triển đến mức độ ngân khoản dành cho Trung tâm NASA tương đương cho 170/0 ngân sách liên bang. Số ngân khoản ấy đã tăng gấp đôi trong 10 năm. Có người đã lo ngại rằng cứ đà này thì chẳng bao lâu tài nguyên nước Mỹ sẽ dùng hết để nghiên cứu khoa học và kỹ thuật. Nước Mỹ sẽ nghèo đi chăng? Chưa ai biết chắc, nhưng điều người ta có thể đoán biết là nước Mỹ sẽ tạo ra một số bác học gia và kỹ thuật gia khổng lồ.

Về một quan điểm văn hóa của J. P. Sartre

TRANG-THIÊN

PHÓ thủ tướng Đờ-Mậu đã có ý tổ chức một đại hội Văn-hóa và thành lập một Viện Văn-hóa. Trong buổi thuyết trình về đề án chuẩn bị đại hội này người ta nghe nhắc nhiều lần đến « hai khuynh hướng » : một bên chủ trương văn hóa thuần túy, một bên chủ trương văn hóa phục vụ chính trị ; một bên chủ trương văn hóa tự do, một bên chủ trương văn hóa chịu lãnh đạo ; một bên chủ-trương buông văn hóa, một bên chủ-trương phải nắm lấy nó.

Kinh nghiệm cho thấy rằng giới văn hóa như nước, muốn nắm không thể được ; nhưng quan niệm về trách nhiệm của giới chính trị lại cho rằng không nắm nó thì cũng không thể được ! Do đó, sinh ra một giải pháp dung hòa : nắm vừa phải.

Nắm vừa phải, trên lý thuyết, có lẽ là nắm khe khe, nhẹ nhẹ, là cử chỉ như vuốt ve như mơn trớn mà kỳ thực... là nắm. Thật là một lối nắm cực kỳ khó khăn của những bàn tay

điều luyện. Nhưng, trên thực tế, thì hành giải pháp ấy ra sao ? Đặt tổ chức văn hóa dưới sự « giám hộ » của các vị tổng trưởng chẳng ? Nắm như thế là thiếu sự nhẹ tay rồi, e rất đau cho văn hóa. Không giám hộ nữa mà cho kẻ thân tín, có lập trường, chen vào trà trộn trong tổ chức văn hóa để coi chừng đường lối chẳng ? Như thế lại thiếu đi sự quang minh chính đại, thiếu đi sự trung thực đứng đắn trong quan hệ giữa đôi bên chính trị và văn hóa.

Tình trạng lúng túng ấy tiêu biểu cho mối mâu thuẫn rất khó giải hòa vẫn có từ lâu giữa văn chương và xã hội, giữa tính chất giữa tính chất của văn nghệ và nhu cầu của chính-trị, đạo đức. Trong lúc chúng ta đang phân vân về một lối nắm khéo tay như thế thì ngẫu nhiên ở bên Pháp lại xảy ra một cuộc tranh luận về vấn đề văn nghệ và xã hội. Vấn đề thật cũ kỹ, nhưng bất cứ lúc nào cũng có thể gợi nên những cuộc xung đột tư tưởng

mới. Chúng tôi nghĩ trình bày sơ lược ý kiến của các nhà văn Pháp nọ cũng là một cách làm phong phú thêm quan niệm của « hai khuynh hướng » chuẩn bị đại hội văn hóa ở ta hiện nay.

Nguyên tạp chí *Le Monde* mới rồi có đăng một bài phỏng vấn nhà văn J.P. Sartre, do lời Jacqueline Piatier viết. Bài phỏng vấn gây xúc động trong giới văn nghệ Pháp, vì những câu tuyên bố như sau : « Cái quan trọng trước hết ấy là sự giải phóng con người ». « Trong một thế giới đang đói khát thì văn chương còn có ý nghĩa gì ? Cũng như đạo đức, văn chương cần phải có tính cách phổ quát. Như vậy nhà văn phải đứng về phía đa số, phía hai tỷ người đói khát, nếu họ muốn nói cho mọi người và được mọi người đọc họ. Không thế thì họ chỉ phục vụ cho một giai tầng được ưu đãi và họ cũng bóc lột như giai tầng nọ... »

Lời lẽ của nhà triết học hiện sinh lần này y hệt của một ủy viên chính trị cộng-sản. Do đó, trong các bài đáp lại, các người đối thoại với J.P. Sartre đều liên hệ quan niệm của Sartre với quan niệm lãnh đạo văn nghệ trong xã hội cộng-sản mà họ coi là nguyên do làm cho tình hình sáng tác ở các xã hội ấy hóa suy đồi nghèo nàn.

Tạp chí *L'Express* số ra ngày 28-5-1964 đăng ý kiến của Yves Berger và Claude Simon. Yves Berger (1) là một nhà văn trẻ mới đoạt giải Femina năm 1962, còn Claude Simon (2) thì năm nay đã trên năm mươi tuổi, danh tiếng đã lừng lẫy, sự nghiệp trước tác đã nhiều, kinh nghiệm đã dày. Cả

hai đều chịu rằng 'trước số phận những tầng lớp nghèo đói, J.P. Sartre là người đa cảm và giàu lòng từ bi, nghĩa hiệp (cũng như hết thảy các nhà đạo đức khác), nhưng những ý kiến cao đẹp của ông không ích lợi gì cho sự phát triển văn nghệ, và khi nào J.P. Sartre làm nên tác phẩm văn nghệ có giá trị thì chính ông ta cũng không hề cố ý nhắm vào dạ dày của những người đang đói khát. (Cuốn *La Nausée* được nhắc đến nhiều lần).

..

Trong hai bài báo đăng ở số *l'Express* kể trên, chúng tôi thấy Claude Simon độc đáo hơn.

Theo nhà văn này thì không thể trao cho văn nghệ nhiệm vụ cứu đói, hay bất cứ một nhiệm vụ nào khác đòi hỏi kết quả ích lợi thiết thực, tức khắc, cho xã hội. Như vậy trước hết là vì bản chất của tác phẩm văn nghệ. C. Simon đồng ý với Roland Barthes chia các người cầm bút ra làm hai hạng : một hạng gọi là *écrivain*, và một hạng gọi là *écrivain*. Đối với người *écrivain* cách viết (nói theo lối bây giờ : « chữ viết ») là chính ; người ấy hi hục vật nhau với ngôn ngữ để làm ra một mỹ phẩm. Thái độ người ấy đối với đời, với người, ra thế nào biểu hiện trong cái thể cách sử dụng ngôn ngữ, ấy trong « chữ viết » ấy. Còn người *écrivain* thì lại dùng ngôn ngữ vào những

Chú thích của tòa soạn :

(1) Xin xem BK 145 trang 270 « Mùa giải thưởng văn chương ở Pháp năm 1962 » của Trùng-Thiên.

(2) Xin xem BK 138 : « Viết và nghĩ theo Claude Simon » của Trùng-Thiên.

mục phiếu chánh trị, đạo đức v.v... Người này tha hồ lấy ngôn ngữ làm phương tiện để mặc tình phục vụ thứ gì mình muốn. Đến đây ta đã thấy rằng cái điều đáng lẽ chỉ có thể đòi hỏi ở người *écrivain*, J.P. Sartre lại đi đòi ở người *écrivain*, thế là sai!

Để nhận thức rõ sự sai lầm ấy quan trọng đến chừng nào, cần biết qua quan niệm của C. Simon về cách thức sáng tác của người *écrivain*. Chúng ta vừa dùng ở đoạn trên chữ « vật nhau ». Sáng tác, theo C. Simon, quả có phần nào vất vả như thế. Bởi vì ông không cho rằng ngôn ngữ là một thứ gì bất động, ngoan ngoãn, để cho mình làm gì tùy ý. Dĩ nhiên là nếu cứ cưỡng bức mà xài ngôn ngữ một cách ngang tàng để thuyết minh cho lập trường chính trị này, cho quan niệm đạo đức kia v.v... như người *écrivain*, thì ngôn ngữ nó cũng đành chịu vậy. Nhưng như thế thì chỉ còn là một thứ ngôn ngữ bất động, lặt lẻo, vô vị. Bấy giờ nó ví như thể một cô con gái bị hiếp dâm, thất thế, đành chịu nép một bên, hoàn toàn thụ động. Sự trượng mà đến nỗi ấy thì còn ra cái gì nữa, còn có gì lý thú nữa. Nó phải tỏ ra linh động, có những phản ứng, hưởng ứng của nó mới được.

Sự hưởng ứng của ngôn ngữ? Vâng, chuyện ấy có thực. C. Simon bảo rằng cách viết tiểu thuyết của ông có phần giống như cách chơi quần vợt: tác giả đánh một cú, ngôn ngữ dội lại một cú (có khi rất bất ngờ), rồi tùy cú banh bị ngôn ngữ dội lại ấy mà tác giả lựa thế quật trả, cứ thế mãi... Ngôn ngữ, tiếng nói, nó cũng có những nhu cầu của nó, « ý muốn » của nó: sự

sắp xếp âm thanh, sự hòa hợp giọng điệu, kiến trúc của câu ngắn câu dài, chữ nặng chữ nhẹ v. v. . . Người *écrivain* với ngôn ngữ chơi quần vợt với nhau như thế rồi kết quả sẽ ra sao? Cổ nhiên là nó không hoàn toàn giống với ý định ban đầu của tác giả. Trước khi đặt bút xuống mở đầu một tác phẩm, tác giả tất phải có một ý định sơ khởi; nhưng điều quan trọng là tác giả đừng làm lộn lây khởi điểm làm chung cục. Chung cục, tác phẩm hoàn thành, với sự cộng tác đầy sáng kiến của ngôn ngữ, sẽ phong phú gấp mấy lần so với ý định khởi điểm của tác giả. Về vấn đề này, C. Simon vui lòng kể cho ta một thí dụ nữa: tác giả gặp tác phẩm mình cũng như trường hợp Christophe Colomb gặp châu Mỹ: Colomb có quyết định tìm gặp châu Mỹ đâu, ông ta định đi tìm xứ Ấn-Độ đấy chứ! nhưng từ ý định khởi điểm là xứ Ấn-Độ ông ta đi đến chung cục là châu Mỹ. Và châu Mỹ phong phú hơn Ấn-Độ biết bao nhiêu!

Đến đây, chắc không khởi có người ngờ là C. Simon lập dị. Chính ông cũng ngại vậy, cho nên ông liền bảo rằng cách thức sáng tác của ông không có gì là kỳ cục đâu, trái lại, xưa nay những danh gia trong các ngành nghệ thuật nhiều người cũng làm như ông. Picasso nói: « Tôi chưa bao giờ vẽ ra bức tranh mà tôi định vẽ », còn Raoul Dufy thì khuyên tác giả nên « biết bỏ bức tranh mà mình bắt đầu để chọn theo bức tranh mà mình đang thực hiện. »

Sau khi theo dõi một quá trình sáng tác như thế, nhất định không ai còn

có thể ước mong ở tác phẩm văn nghệ một ích lợi thiết thực và tức thì, một tác dụng cứu đói chẳng hạn. Một văn kiện lên án tội nghiện rượu, một bài báo bài xích tục mại dâm... bao giờ cũng rành mạch, cũng đi phăng phăng đến đích; chứ còn một cuốn truyện của C. Simon, một bức vẽ của Picasso, nó có chịu kết tội cái gì, cổ võ cái gì rõ ràng đâu, nó chiều theo những đòi hỏi của ngôn từ và màu sắc, nó đi lang thang không đến đích.

..

Trình bày bản chất đặc biệt của tác phẩm văn nghệ như thế xong, C. Simon quay lại công kích dữ dội sự can thiệp của các nhà đạo đức vào lĩnh vực nghệ thuật. Vung cao cái « sứ mệnh » lớn lao của mình lên như một khí giới, các nhà đạo đức, các người thiện chí cách mạng, lúc nào cũng đâm chiêu, khó khăn, xoi mói nhìn vào sinh hoạt nghệ thuật với đôi mắt ngờ vực, để kết tội mạt sát những công trình giá trị và đề cao một cách mù quáng những bức vẽ lem luốc bản thiếu mang tên « Cách mạng tháng mười », những bài ca ngô nghê nhan đề « Ngày mai tươi sáng » v. v.. Lúc nào ở đời cũng có những kẻ bất tài, bất lực, tự cảm thấy cạn nguồn sáng tác, và sẵn sàng chịu « hy sinh » nghệ thuật cho chánh nghĩa lớn lao. Sự « hy sinh » đó thật tiện việc cho họ, miễn là họ đừng ép buộc mọi người phải « hy sinh » như thế.

Và lại cái đạo đức mà họ căn cứ để phẩm bình nghệ thuật, cái đạo đức ấy cũng bất thường, đổi tính luôn luôn. Trước, các nhà phê bình cộng

sản tấn công Kafka như điên như cuồng, gần đây họ lại đổi giọng tán thưởng. Trước, nhu cầu cách mạng bắt phải ca tụng chế độ Staline, sau này cũng nhu cầu ấy bắt phải chê bai chế độ Staline (làm trái lại tức là phi đạo đức vì a tòng theo tội lỗi). Nghệ thuật mà đuổi theo cho kịp những huấn thị như thế sẽ mất bỏ hơi tài, còn đâu là giá trị?

Các nhà đạo đức cách mạng, coi nghệ thuật là một món không quan trọng, luôn luôn nó phải phục vụ một cái gì. C. Simon nghĩ rằng nó cũng là một yếu tố trong cuộc sống xã hội, ngang hàng với những yếu tố khác, nó cũng như hội hè, như cơm ăn, áo mặc, như nhà ở. Thứ này không thay thế thứ kia được. J. P. Sartre bảo một người đang đói thì không thiết gì đến sách vở tranh ảnh nữa; C. Simon đáp rằng trong thực tế ông đã có phen lâm vào cảnh đói cùng cực, và khi ấy cả ông, cả những người bạn đồng cảnh ngộ (trong đó có những bạn ít học) đều đọc sách ngẫu nhiên, mà không phải là đọc để quên đói, quên đau tranh, vì họ vẫn toan tính và tiến hành âm mưu vượt trội. J.P. Sartre hỏi: ở cái xứ Guinée chậm tiến, thất học, tại sao những người trí thức lại nỡ đi làm nghề viết văn mà không làm nghề dạy học để cứu vớt đồng bào? C. Simon thắc mắc: nếu trong đám người trí thức có một vài kẻ viết văn được mà bắt họ dạy học, rồi mai đây dân Guinée được khai hóa họ sẽ lấy gì đọc? bấy giờ họ sẽ đọc sách dịch của J.P. Sartre chăng? C. Simon không cho là nên cắt đứt hoạt động nghệ thuật — dù là tạm thời — bởi vì một xã hội

gồm những người có cơm ăn no, có chân đắp ấm, mà không có sinh hoạt văn nghệ thì nghĩ đến cũng rất nản lòng.

(Về điểm này, Yves Berger tỏ ra dễ dãi hơn. Ông bảo với các nhà cách-mạng và đạo đức: Trẻ con chết đói ư? Thế thì các ngài cứ việc nai nịt binh phục vào, vác súng vác ống lên, các ngài gọi chúng tôi theo với, cùng với các ngài đi đánh nhau để lật đổ cái xã hội làm chết đói trẻ con đó. Xong rồi, xin các ngài để yên cho chúng tôi viết lách, đừng có hành hạ chúng tôi về chuyện văn chương nữa.)

Suy nghĩ về tính khát khe của giới chính trị, C. Simon cho rằng đó chẳng qua là một hiện tượng sợ hãi truyền kiếp.

Giai cấp tư sản trước kia cũng như giai cấp vô sản bây giờ, trước khi lên nắm quyền đã từng trải qua thời kỳ bị áp bức bị hành hạ, ngược đãi. Khi chiếm đoạt được quyền hành rồi, những giai cấp ấy mãi về sau này vẫn còn chưa gột bỏ được mối sợ của con thú bị săn đuổi. Những con thú ấy, mỗi

khí thoáng nghe khua động, thoáng thấy một bóng lá khả nghi trong bụi rậm, thì nó phản ứng lập tức theo bản năng để cho được chắc ăn! Nó đá lung tung lên. Chính quyền tư sản, chính quyền vô sản, cùng với những tay lý thuyết gia của họ, cũng thế: nghe có gì khả nghi trong bóng tối họ liền quật, đánh, chạt, chém vung vút lên như điên. Đến lúc hoàn hồn lại, đánh một que diêm lên soi, thì lắm khi là xác bạn bè! Lúc bấy giờ bên có việc phục hồi danh dự: những Ubu, Rajk, Kafka v.v. .. đều gặp trường hợp như thế. Biết đâu mai kia Robbe-Grillet (đang bị Sartre công kích) lại chẳng được như vậy?

So sánh việc xã hội tư sản kết tội Flaubert, Lawrence, với việc cộng sản kết tội Kafka, Robbe-Grillet, tác giả cho rằng phản ứng sợ hãi của bên nào cũng ngu xuẩn và tàn bạo như nhau.

Cuối cùng C. Simon ước ao là những người tự coi mình có sứ mệnh soi sáng cuộc đời hãy đánh lên một que diêm trước khi vung tay quật bậy.

TRÀNG-THIÊN

nhà in **VĂN-HÓA**

412-414 Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn — Đ.T. 20.161

MỘT NHÀ IN LÂU NĂM ĐƯỢC NHIỀU TÍN NHIỆM



● ẤN LOÁT MỸ THUẬT

● CÔNG VIỆC NHANH CHÓNG, GIÁ HẠ

● CÁC GIAI PHẨM, SÁCH BÁO, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT

(xin xem BK từ các số 173, 174, 178, 179)

Lá thư Bruxelles

Xe vào đường rừng đã lâu mà tôi không buồn lau hơi nước đóng mờ trên cửa kính xe để tìm một lỗm sáng nhìn ra ngoài xem những 35.000 cái nhà kính có đủ nhiệt độ trồng được nho, dâu (fraise) và cà chua cho toàn dân nước Bỉ dùng vào mùa đông và cho xuất cảng đi các nước lân cận, cũng không mong cho xe ra khỏi nơi này, mặc dầu rừng cây dài những 14 cây số. Tôi chờ đợi ánh sáng làm chảy tan sương mù để tôi có dịp ngắm rừng Soignes trước rồi, xem chiếu trường Waterloo sau (1). Lòng tham con người xưa nay không có đáy, « được voi còn đòi tiên » là cổ tặc tự nhiên của phần đông, phải không bạn ? Nhưng tham như vậy mà trời vẫn chiếu, thảo nào anh Trần thường bảo tôi là con trời : Tôi ước cái gì thì hình như đâu có muộn màng hay gian khổ rồi điều ấy cũng sẽ đến với tôi.

Không ai có thể tưởng tượng được trời đang u ám mà một tia nắng từ đầu bông phóng ra xé vùng sương đặc ! Du khách này giờ buồn bã lặng im, bông xi xào bằng đủ thứ tiếng. Đã hơn bốn giờ chiều mà trời mới bắt đầu rưng sáng. Những sợi nắng tươi tuôn ra mỗi lúc một nhiều và len qua rừng nhảy vào lòng vạt tròng lá đang ve vẩy rợn rợn với gió. Giữa rừng thu im phăng phắc, dài thăm thẳm, tầng lớp cây cao, thấp, lớn, nhỏ cho đến vô số Fougère là đã rợp cả lũng sâu, nương cạn, mỗi giống cây mang một màu vàng khác hẳn nhau.

Hai bên đường những chiếc băng đá xanh trắng lạnh sàu chời-vời chờ nghe tiếng người. Cảnh đẹp huy hoàng và hoang vắng quá làm tôi lẫn

thần nghĩ đến con nai vàng ngo ngác của Lưu-Trọng-Lưu thì xe bắt đầu vượt khỏi rừng quanh qua đường đi vào làng Waterloo, nơi hoàng đế Nã-Phá-Luân cùng 125.000 binh tướng đã chiến bại trước 6 đại đội binh mã liên minh tổng cộng 630.000 người dưới quyền lãnh đạo của công tước Anh-cát-lợi Wellington.

Cái làng lịch sử tí hon này chỉ có ngót 10.000 dân cư, nhà cửa thưa thớt mà chỗ nào cũng có kỷ niệm của chiến trận cả. Có lẽ cuộc phân tranh vô cùng dữ dội và bi đát này tuy đã qua hơn trên một thế kỷ mà vẫn chưa nguôi trong lòng người nên hiện thời nơi đây mỗi ngày đều có du khách tứ phương tìm đến viếng và những khách sạn, hiệu ăn ở chung quanh chiến trường mang những cái tên có dính dáng phần nào tới chiến cuộc rất khó phai trong trí nhớ du khách ví dụ như « Khách sạn Sư Tử » (Hotel de Lion) có dính dáng đến đài kỷ niệm « Butte de Lion » ; khách sạn Hòa Bình (À la Paix), « Lộ dinh của Hoàng đế » (Au Bivouac de l'Empereur), « Quân đội đồng minh » (Les Alliés) v.v... Nằm đối diện với nhà thờ Saint Joseph nơi có khắc tên bao nhiêu chiến sĩ vong thân trong trận giặc này là ba căn nhà trệt sơn trắng, chỗ công tước Wellington nghỉ ngơi đêm 17 và 18 tháng 6, năm 1815, sau khi bị Nã-Phá-Luân đánh bại trận đầu. Nay nhà này là bảo tàng viện, trong ấy còn cái giường ngủ của công tước Wellington và các vật dụng ông dùng đánh trận Waterloo.

Trung tâm làng Waterloo cách chiến trường những 5 cây số nhưng chiến địa bốn bề trống rỗng nên dẫu đứng xa mình vẫn thấy rõ ràng đài kỷ niệm Waterloo lồ lộ cao vút giữa vùng trời xa. Người ta đã lựa một cuộc đất ngay chỗ ông hoàng Orange tử trận để dựng lên đài kỷ niệm vô cùng to lớn này. Một tượng sư tử do Van Geel đúc bằng gang nặng 28.000 kilos, dài 4 thước 50, cao 4 thước 45, đứng hướng mặt về đất Pháp, trên chót vót một cái đài bằng đất do chánh phủ Hòa-Lan (thuở đó nước Bỉ còn thuộc về nước Hòa-Lan) đã thuê toàn công nhân giới phụ nữ vác đất bằng giỏ mây mỗi ngày đắp đài lên cao lần đến 186 thước từ năm 1823 đến 1827 mới xong. Trong bốn năm trời chắc bạn không khỏi tự hỏi cái đài kỷ niệm ôm trọn hồn xác ngót 50.000 chiến binh đã tử trận trong một ngày của cuộc sát phạt thảm khốc này được dựng lên với bao nhiêu tổn phí ? Nhưng ai dám và nỡ đem nó mà cân với kim ngân khi nó được xây đắp bằng giá hạnh phúc đã mất đi của mấy chục ngàn gia đình, bằng máu lệ của người trong cuộc và xót thương của thế nhân cổ kim đã biết đến nó bạn nhỉ ?

Muốn lên đến tượng Sư tử (Butte de Lion) này, bạn phải trèo những 240 nấc thang ! Thêm một lần tôi lại đứng dưới đất chụp hình : Có bạn bên này chắc bạn sẽ cổ trèo vì theo lời hướng dẫn viên thì

khi lên được tới đó, bạn sẽ ở giữa chiến trường và sẽ thấy những gì đáng với công trào của bạn để mà sống lại giấy lát trong tưởng tượng quang cảnh chiến trận. Bạn có thể nhìn bao quát tứ phương phía Ferme d'Hougoumont, nơi đại tướng Bandin và Diplat cùng 5.000 quân đều tử trận, Ferme Haie-Sainte nơi đại đội liên minh bị đoàn thiết quân của đại tướng Travers cắt đứt và càn quét phải tử chiến rất thảm thương. Hơn bảy mươi đội kỵ mã và 10.000 binh sĩ Pháp áo, mũ, gươm, súng chới vờ siết chặt hàng ngũ giữa Ferme d'Hougoumont và Ferme Haie-Saint bủa tới như sóng đập đã làm cho quân Anh tưởng trước mặt mình là một biển thép đang dâng; trong một ngàn (1.000) chiến binh liên minh chống trả ở Haie-Sainte chỉ còn 42 người sống sót. Trận quyết chiến khốc liệt này đã sống lại trên ngòi bút và nét họa văn nhân thi sĩ mọi thời, không ai đọc lại đoạn thảm sử được thể hiện trong les « Misérables » về « con đường hũng » (Le chemin creux) của thi hào Victor Hugo mà khỏi than thở xót xa; và trong lịch sử quân sự chưa bao giờ người ta thấy một số số quân mã đông đảo mà tử chiến hỗn độn với nhau trong một vùng đất nhỏ hẹp như vậy. Ở Mont Saint Jean, một làng có Hôtel des Colonnes nơi thi hào Victor Hugo lưu trú trong hai tháng năm 1861 để viết nên một chương trình trong les « Misérables » nói về chiến trận Waterloo. Ferme de la Belle Alliance nơi ba người lính săn bắn và ba người thiết binh dâng cho Nã-Phá-Luân 6 lá cờ đã đoạt được của quân địch. Cũng nơi đây công tước Wellington và đại tướng Blücher đã chào nhau mừng thắng trận giữa lúc quân nhạc Đức thổi bài Quốc-ca Anh « God save the King » trong khi phía xa hòng súng chưa cầm hẳn. Cũng nơi này bao nhiêu quân sĩ Pháp đã kiệt sức, phản nộ khi biết mình sẽ bại đành tặng cho nhau những phát súng để giữ tròn thanh danh của chính mình và cho tổ quốc hơn là phải hàng giặc. Ferme du Caillou mà Nã-Phá-Luân đã dùng làm đại bản dinh, hiện nay tại đây còn giữ áo, mũ, khí giới, tài liệu và địa đồ của Nã-Phá-Luân dùng trong chiến trận và một cái mặt nạ bằng sáp của ông lúc chết; cùng khí giới của đại tướng Cambronne và công tước Brunswick; Ferme Papelotte có bốn cây bồ đề tàn lá xum xê, dưới bóng râm này Victor Hugo thường ngồi để thu vào và tuôn ra nguồn cảm hứng.

Bạn không khỏi rung mình trong cảm giác: đài kỷ niệm Waterloo cao ngất nằm giữa khoảng đất như bình địa này là nắm mồ vĩ đại của một giấc mộng lợi quyền đã dụi tắt trước khi kéo vào lòng nó — chỉ trong một ngày — mấy chục ngàn tinh binh vô tội! Bao tàn phá của súng đạn, bao tiếng hét quyết thắng và tiếng gào đau thương, bao vết chân anh hùng và bao kiếp người tử sĩ giờ đây đã chìm sâu trong lòng đất, lảng xa theo thời gian mà chung quanh tôi chỉ còn những

tiếng thở dài của du khách và gió sầu lộng lộng từ bốn phương vút về lạnh buốt tới xương. Chiến trường mênh mông, sương sa mỗi lúc một nhiều, không khí u buồn trĩu nặng và ngất theo bóng chiều như hương hồn tử sĩ vô danh đang dậy gọi trong lòng mình một nỗi đau xót sâu thẳm.

Có lẽ vì cảm xúc và cũng muốn đáp ứng tính hiếu kỳ của thể nhân, người ta đã vẽ một bức tranh khổng lồ minh họa quang cảnh khốc liệt lúc các đoàn quân sát phạt nhau trên bãi chiến trường. Hướng dẫn viên đưa chúng tôi vào một cái nhà hình dáng như cái thùng tròn, trước cửa có chữ « Panorama » để xem tranh và nghe cắt nghĩa những chi tiết về chiến trận. Tầng dưới nhà này dùng làm bảo tàng viện chứa những phim có liên quan đến đoạn sử Wercilloo và tượng nạn bằng sáp của một ít nhân vật thời đó. Vào cửa bảo tàng viện chỉ tốn một ít tiền thôi nhưng rất tiếc chúng tôi không đủ thì giờ đành theo hướng dẫn viên lên tầng trên xem chiến trường trên bức họa.

Đứng giữa sàn gỗ cũng hình tròn như một sân khấu nhỏ nhìn vòng quanh bạn không thể xem đó là một bức tranh được dán sát vào tường giáp mí liền với nhau dài những 135 thước và cao 8 thước, mà tức khắc bạn sẽ thấy mình đang đứng giữa chiến trận. Khoảng đất trống từ sàn gỗ đến bức tranh rộng độ vài thước, trên đó, chơn người, thây ngựa, gươm, gậy, mũ, súng, móng ngựa được trình bày rất tài tình khiến mình không thấy đâu là chỗ giáp mối của đất thực và bức họa. Nhìn ra tứ phía từ chơn mình đến cuối chơn mây : đây là một chiến trường thật sự, một trận tranh hùng ác liệt đang đọng lại trước mắt mình : các đại tướng rõ ràng oai vệ trong quân phục, mũ lông đứng chỉ huy quân đội. Nã phá-luân đầu không mũ, mặc chiến bào màu xám tay thủ gươm trần đang phi ngựa hết tốc lực. Một cây to đứng độc chiếc ở phía ở phía Bắc chiến trận mà ngày nay mang tên là « cây Wellington » (Arbre de Wellington) che bóng Công tước Wellington lúc đang điều khiển binh mã. Những đoàn quân ngựa người rợp đất gươm súng loạn trời, mỗi nước mặc chiến phục màu khác nhau đang xông vào nhau tử chiến. Trong thôn xa, những xóm nhà bốc cháy và müt phía chơn trời làn sóng chiến binh, từng đoàn vuông vắn từ trong những rừng cây ngút ngút bủa ra. Một cảnh giết chóc tàn khốc, chỗ nào cũng có thây người, ngựa và máu lửa, một công trình nghệ thuật được pha trộn với tất cả cảm xúc trong người mà họa sĩ Louis Dumoulin cùng các người cộng sự cũng đều là họa sĩ trong quân đội đã thành công trọn vẹn về tài hội họa cũng như trong cách trình bày có tác dụng làm cho mình bị xúc động mãnh liệt trước quang cảnh bi thảm và đầy sống thực khiến tôi nhiều lúc choáng váng phải nhắm mắt lại, chỉ nghe hướng dẫn viên cắt nghĩa mà không dám nhìn tranh. Qua hồi xúc động tôi cố xem đó là một bức tranh, nhưng bạn ạ, thời gian cứ tiếp

nổi bằng mãi vết thương đời, nhưng chỗ này lành thì chỗ kia lại đứt. Cuộc diện thế giới ngày nay có khác bức tranh trước mắt tôi là mấy và quang cảnh này chỉ là một vết hằn nhỏ đang nằm trong một vết hằn lớn hơn cứ đời đời liên tục bao trùm lấy loài người.

Ánh sáng buổi chiều từ trên trần kiếng tỏa xuống làm chiến trường mờ ảo trong màn sương mỏng dưới bầu trời vẫn đầy mây xám trong tranh, như hư như thực. Thiên nhiên vừa đẹp vừa sâu đang chứng kiến một trận giông tố cuồng loạn của loài người từ trong danh vọng lợi quyền vụt tuôn ra hung dữ như hổ báo, vỡ tràn như thác lũ ! Một bài thơ bí hùng đã phát xuất rõ rệt từ trong ánh sáng êm dịu nhẹ nhàng của đồng quê căng dài đến mút mắt, được sáng tác bằng dục vọng của loài người và bằng chất máu xương !

Ra khỏi « Panorama » tôi lại đến nhìn chiến trường lần cuối để hình dung vị trí của 74.000 lính Pháp lúc chiến đấu với 67.000 quân liên minh : Một Ney và một Lobau đáng kính thương đã hy sinh những tiểu đội cuối cùng của mình cho tướng lãnh và tổ quốc. Một Nã-phá-luân hùng hổ bị đại bại chạy trốn mà vẫn còn ra lệnh cho tàn quân mình bắn phát súng cuối cùng cất tiễn một chơn của Lord Uxbridge trước khi bị bắt. Một Gérard đâm dĩa nước mắt khi không được Grouchy cho phép bắn trả lại địch quân và làm sao quên được hai con người điển hình cho sự tầm thường và của chiến trận Waterloo mà hậu thế mãi còn nhắc nhở với một Grouchy quên phận sự vì lấu ăn hai dĩa dâu trắng miệng và một Cambronne liều chết cứu những con « Đại bàng ». (« Les Aigles », lá quốc kỳ Pháp có hình chim Đại bàng). Lúc bị trọng thương, đại tướng Cambronne vẫn không chịu nghe theo lời hiệu triệu của đại tướng Adam và thét lên nhiều lần một câu lịch sử : « Thà chết chứ chẳng đầu hàng » !

Chiến tranh đã bao đời xé to cắt vụn từ mảnh hồn xác loài người, giờ đây tôi ngậm ngùi thương xót trước chiến địa ngàn xưa trong nước Bỉ và lẫn thẩn những dòng này cho bạn, rồi ngàn sau đây con cháu chúng mình lại thương xót ngậm ngùi trước những chiến địa nước nào ; biết bao giờ loài người mới thôi xâu xé nhau bạn nhỉ ?

Trên đường về, chúng tôi viếng đài kỷ niệm Hanovrien do những sĩ quan Hanovrien dựng lên năm 1818. Bốn mặt đài hình kim tự tháp cắt ngắn được khắc dày đặc những tên lính Anh và Đức tử trận. Đây là một năm mờ lịch sử vì đại bức nhì của chiến trận Waterloo đã tóm thâu vào giữa lòng sâu thẳm của nó những 4.000 mạng người và một số lớn thây ngựa.

Đài chiến sĩ trận vong Pháp được dựng lên năm 1.900 trên một cuộc đất đã hứng thây đoàn chiến binh cuối cùng của đại tướng Cambronne. Trên đài, nhà điêu khắc Gérôme đúc nên tượng đồng và khánh thành nó năm

1904, hình một con chim đại bàng bị thương (« l'Aigle Blessé », điển hình của Nã-phá-Luân và nước Pháp chiến bại) mà hai chơn còn ôm chặt lá quốc kỳ Pháp rách nát. Dưới chơn nó, vón vện một hàng chữ : « Tặng hồn những chiến sĩ cuối cùng của đại quân Nã-phá-Luân » đắp lên mồ niềm an ủi cho những kiếp người vì giống nòi ngủ một giấc ngàn thu.

Sự sướng khổ của thân, sự vinh nhục của hồn, sự thiếu dư lợi quyền trong kiếp sống đã bắt con người kéo dài hay tự cắt ngắn cuộc đời mình trong phải trái và hơn thua. Hy sinh hay hưởng thụ thương yêu hay ghét bỏ rồi cũng cùng nhau nằm chung trong lòng đất, con đường lịch sử sao không xây đắp bằng tình thương mà bằng kiếp người bạn nhĩ ?

Bóng đêm bắt đầu úp kín mặt đất như ưu tư đè nặng hồn tôi, nhưng nhìn ra gần đây đối diện với đài chiến sĩ trận vong Pháp, một con gà « Gaulois » đứng trên đài kỷ niệm Victor Hugo trụ tròn cao ngất vươn cổ và há to miệng hướng về trời phía trời xa, có lẽ nó định cho tiếng gáy có nó vng đi tám hướng nhắc cho thế nhân yêu cảnh thanh bình chăng ?

Ba-Lê mùa Thu 1964

MỘNG-TRUNG

SỬA CHO ĐÚNG

Trong bài « Hai giờ với Ông Thư Kí Tinh thần đạo Baha'i » trong Bách Khoa số 179 chúng tôi có để những lỗi sau đây, mong bạn đọc sửa giùm :

— Trang 85, cột 2, dòng 13 : « bà Shirin Flozdar » xin sửa là « bà Shirin F**o**ldar ».

— Trang 87 cột 2, dòng 28 xin sửa cả đoạn như sau cho đúng lời đối thoại :

— Tại sao ngày 21 tháng 4 ? Có phải ngày này là ngày Tết của tín đồ Baha'i không ? A tôi nhớ rồi ngày Tết của tín đồ Baha'i là 21 tháng 3, còn ngày 21 tháng 4 là ngày tuyên ngôn của đức Baha'U'Lah, xin ông giảng tiếp cho.

— Trang 91 cột 2, hàng 22 : BAHAI U'LL'AH xin sửa là ; BAHAI U'LLAH.

Lạnh tuổi vàng

● NHÀ - CA

KHI soi gương lại tôi thấy mình lạ mặt. Đó, con mắt nụ cười và nét nhăn trên vùng trán. Làm thế nào để tưởng tượng được ra tôi sau một đêm không ngủ, sau một lần đã bước xuống. Vâng tôi đã bước xuống, bước một bước đầu tiên và còn bước mãi, đêm nay đêm mai, mãi mãi cho cuộc đời sắp tàn úa. Mau lắm mày ơi, đừng buồn, đừng ngán, rồi nó cũng thường hết. Tiếng Ngân như một gáo nước lạnh, như một nắm băng tuyết tạt vào mặt, ban đầu buốt giá, rồi tan dần, thấm dần và mất trong da thịt, rồi cũng thường hết. Tôi dơ tay vuốt mặt và bỗng mắt chạm lên nền trần vôi trắng. Mẹ tôi đang nằm trên đó, đôi mắt không nhìn thấy gì hết, không bao giờ mẹ còn trông thấy gì, mười năm nay, đôi mắt đó đã dần mòn trong bóng tối, dần mòn trong quên lãng, dần mòn trong căn gác không màu sắc không cảm giác. Phải, mẹ tôi như một vật vô tri giác, đôi khi tôi thấy người ngồi đó mà không nhắc nhở gì cho tôi hết. Người ngồi im lặng, không hề biết được sự lớn dần của tôi, hình ảnh tôi trong mẹ là hình ảnh của một con bé lên tám, tóc cắt ngắn mắt hồn nhiên, con bé Nhiên của mẹ. Con bé Nhiên đã bị đời thổi phồng lên quá mức, tôi nhìn ngắm tôi mãi trong gương và cảm thấy mình khinh miệt bóng mình. Tôi thế đấy và Du đã một lần bỏ đi, bỏ đi và chắc chắn biến mất.

— Anh không thể nào chịu đựng nổi nữa, anh có lương tri. — Lương tri của anh đừng chỉ có vậy thôi sao? Tôi còn mẹ già, tôi còn thân tôi ngoài tình yêu của anh. Anh nói yêu tôi, vâng, yêu rồi để đó mơ mộng, lãng mạn, tôi, tôi thích cái gì thực hơn kia. — Em thích những cái thực, ví dụ xe hơi, nhà lầu. Những thứ ấy anh không thể có. Du đã lạnh lùng rời xa tôi. Chẳng có lý, nhưng tôi, tôi cũng có lý của tôi. Du nghĩ về tôi,

như vậy đó, tôi không chống chẽ và cũng không tự hỏi tôi có thật thế, không, bởi vì trong những ước muốn tương lai làm sao biết và hiểu hết được. Nhưng Du đã rời tôi, như thế, tôi có thêm một lý do để liều lĩnh đề phung phá, để ấm ức, tôi hiểu ra tôi có thất tình Du, tôi thất tình và cơn thất tình đó cũng làm tôi điên đảo không ít. Du biến mất nhưng không biến mất trong tôi, chàng mang trong tôi một vết thương đen buồn thảm. Nhiều lúc tôi khóc và cảm thấy góa bụa, tôi cũng không hiểu sao tôi có ý nghĩ đó. Nhưng mẹ tôi đã đồng lõa với bóng tối, đã đồng lõa với ba tôi bên kia cuộc đời. Mẹ tôi thường hỏi về chú Nhân, người em tàn tật thừa hưởng gia sản giàu có : Sao mày không tới nói với chú, học thêm một vài năm nữa có hay hơn chăng ? — Vâng, con đã nói. — Và mày thích đi làm hơn học ? — Vâng, con nghĩ thế. Mày thích đi làm hơn đi học, nếu mẹ biết con đã đi làm gì ? Tôi muốn bật khóc nói hết với mẹ, nhưng khi bắt gặp đôi mắt trũng bóng đêm dày của mẹ, tôi hết muốn nói gì hết. Ông chú đó còn một niềm vô phúc lớn lao cho tôi : — Mày nhớn rồi, tao không thể cấp dưỡng cho mày học mãi được. Tôi đã cố hết sức năn nỉ dù biết tiền nuôi tôi ăn học một phần do ruộng đất của ba tôi để lại, từ đời ông tôi, khi chia gia tài, ba tôi giao cho chú cai quản hết. — Xin chú cho con học tới tú tài, hai năm nữa. — Con gái học làm chi nhiều, nếu mày muốn lấy chồng tao làm mối cho. Người chú muốn làm mối là một ông già góa vợ. Tôi không còn đủ sức để tin cậy vào việc gì nữa hết. Tôi muốn tự lập. Phải rồi tôi đã lớn, tôi phải có trách nhiệm về đời tôi. Tôi đã không dẫn được đề cãi lộn với ông chú thân yêu một trận và từ bỏ. Tôi đã phải từ bỏ nhiều thứ, vậy một ông chú mà ăn nhảm gì. Mẹ tôi không có ý kiến gì hết, tiền dành dụm đã gần sạch, tôi phải kiếm việc làm nuôi cả hai mẹ con. Tôi đã tự ý lựa chọn, và khi Du bỏ tôi nốt thì tôi không còn gì để thắc mắc nữa hết.

Chưa bao giờ tôi mệt mỏi đến thế, tôi khép cửa sổ cho bớt nắng, trang điểm qua loa rồi đi thay quần áo, tôi không muốn mặt mày tôi mang dấu tích của đêm qua, tôi lại đi rửa mặt. Nước mát làm tôi thấy bớt căng thẳng, lòng tôi bỗng xao xuyến thật nhẹ nhàng, như một cái gì vừa tới đã mất đi rất nhanh, tôi băng khuâng tiếc nuối. Du, phải rồi, chính vết thương Du vừa thức dậy, Du như một cái bóng, bất chợt có thể hiện đến và hiện đến bất kỳ lúc nào. Du như một vết dao, có thể đâm một nhát vào tim tôi, đằng sau hay trước mặt, Du cũng như một kỷ niệm nhẹ nhàng, trong sáng như vầng trăng biến tôi thành cơn gió lạnh. Nhưng tôi đã mất chàng vĩnh viễn, dù chàng có là trăng, có biến tôi thành gió lạnh, tôi có thể muôn đời cũng không bao giờ xoay thành ánh sáng để được cùng chàng. Tôi đã suy nghĩ quá thê, nhưng mà tôi đã bước xuống, ở đó nhìn lên cái gì cũng cao vút, tấm áo nữ sinh của tôi đã xếp lại thay vì những nhớ nhãng, những tàn bạo, những ấm ức, lòng tôi khô quánh ăn năn, tôi chưa bao giờ vậy cả.

Có lẽ tôi phải bắt đầu làm lại, nhưng khó lắm, tôi không đủ sức đâu, những người có thể giúp được tôi thì xa cách quá. Hình như đêm qua mẹ tôi cũng thao thức mãi. Tôi bước nặng nhọc lên thang gác. Mẹ tôi ngồi gọn trong chiếc ghế mây, chắc bà nghe tiếng chân tôi đi lên, nhưng trên nét mặt không có một thoáng chờ đợi nào hết, vẻ xa lạ lạnh hoắt làm tôi tủi thân. Có lẽ mình nên đi xuống, tôi tự nhủ và dừng lại. Nhưng đôi mắt mẹ đầy nét khó khăn làm tôi bần chồn lạ. Tôi ngồi xuống sàn, quì trước mặt mẹ hỏi :

— Mẹ có khỏe không ?

— Khỏe.

— Đêm qua con thấy mẹ hình như không ngủ được ?

— Đêm qua trời hơi trở lạnh.

Khuôn mặt mẹ tôi dịu dàng hơn, tôi thấy những sợi tóc bạc của mẹ hắt hieu lạ :

— Đêm qua con vô ý không soạn chăn cho mẹ.

— Đêm qua con cũng mệt, mẹ biết. Con về khuya.

— Tối nay con cũng sẽ về khuya như thế.

— Không có công việc nào không đi khuya à.

— Không.

— Chú Nhân không...

— Mẹ đừng nói tới chú Nhân nữa, con không muốn nhắc.

— Con đã làm gì chú ấy.

Tôi thành thật :

— Con đã cãi nhau với chú ấy. Nếu còn một lần nữa, con sẽ giết chú ấy.

Mẹ tôi ngồi thẳng dậy, khuôn mặt bà biến đổi lạ thường và như thật nhiều màu xanh pha đều đặn :

— Nhiên, mày vừa nói gì vậy, mày hăm giết chú Nhân.

— Con không hăm, nhưng liệu chừng con sẽ giết.

Mẹ tôi ngã người ra đằng sau, vẻ chán nản tột độ :

— Nhiên, mày điên rồi con ơi. Tao tiếc không nhìn được mặt mày lúc này.

Tôi trả lời :

— May mắn cho mẹ, nếu mẹ nhìn thấy được con sau mười năm cách biệt mẹ ? Nếu mẹ nhìn thấy, con sợ mẹ không nhận con là con nữa.

— Mày nói chỉ ghê gớm vậy ?

Tôi cười nhỏ và đề mẹ yên lòng, tôi cầm tay mẹ, bàn tay khô cứng nhắc :

— Mẹ có thấy giọng con ghê gớm không mẹ ? Ngày xưa còn bé con có nói với mẹ ngày sau con muốn làm gì không mẹ ?

Mẹ tôi phì cười, nhưng nụ cười tắt sau đó :

— Tao không nhớ, nhưng đại khái thì nhiều lắm.

— Mẹ cố nhớ thử xem.

Những nếp nhăn trên vùng trán mẹ xếp lại :

— Mà hỏi làm gì vậy Nhiên ?

Tôi trả lời đàng hoàng :

— Con hỏi cho vui.

— Cho vui, mà kỳ quá. Tao quên rồi. Đêm qua tao thấy tiếng chân thầy mày, đúng mà, thầy mày đến trước tao và tao thấy rõ ràng thầy mày nói với tao. Con Nhiên nó đã lớn, bà phải coi chừng nó. Ừ, năm nay mày đã mười tám, nhớ ngày sinh mày vào năm nước lụt, sinh vào ngày nước lụt số giàu lắm. Mười tám đúng mà, thầy mày thiêng đáo để.

Đó, mẹ đã nói với người chết, tôi thất vọng, không bao giờ tôi xoay nổi câu chuyện hết. Mẹ tôi tính đồng bóng, những điều mẹ tôi nghĩ phải của một người khác nghĩ, những điều mẹ tôi nói phải của một người khác nói, những người khác đó là những bóng ma ăn nhập vào hồn mẹ tôi. Tôi nói :

— Thôi đừng nói tới chuyện đó nữa, ba theo vợ lẽ bên kia rồi, mẹ ghen chẳng ?

Câu nói hài hước của tôi không làm mẹ tôi cười, có lẽ bà mịch lòng. Tôi thấy không khí tẻ nhạt dần. Câu chuyện của hai mẹ con đến hồi chẳng còn gì nói nữa. Lâu nay tôi đã thích nói chuyện với mẹ. Ngày còn yêu Du, tôi chẳng bao giờ nói với mẹ tôi quá dăm câu. Mẹ tôi hình như cũng bớt lạnh lùng hơn trước, vậy mà bà vẫn gắt gỏng bất cứ lúc nào. Mỗi ngày bà ăn hai ba bát cơm nhỏ do chị Ba ở hàng xóm mang sang, tôi đặt nấu ở đó cho tiện, và lại chị Ba là người cũng đáng tin cậy, tôi lại hỏi :

— Tối qua mẹ ăn được không ?

— Thì lúc nào cũng vậy, lưng chén cơm là no.

Tôi vẫn quì gối xuống sàn :

— Độ này mẹ gầy hơn trước. Chắc mẹ lo nghĩ.

— Lo chứ, mẹ đuối mù làm thế nào gả chồng cho con. Thế cậu Du hồi trước hay đến chơi đâu rồi nhỉ, lâu lắm mẹ không thấy.

Tôi lặng đi một lát. Tại sao mẹ tôi lại hỏi vậy ? Hay bà đã đoán biết ? Tôi cố giọng thật tự nhiên :

— Anh ấy dọn nhà đi rồi.

Tôi thấy mẹ tôi chép miệng :

— Con như thế nào nhỉ ?

— Mẹ hỏi sao ?

— Ngày nhỏ mẹ nhớ con xinh lắm.

Tôi thở dài thật nhẹ :

— Vậy hả mẹ, bây giờ người ta nói con giống mẹ hồi con gái như in.

Mẹ tôi nở một nụ cười hài lòng :

— Mẹ cũng đoán thế.

Câu nói của mẹ tôi như một tiếng reo nhỏ vừa bật lên đã chìm xuống, trong đôi mắt trắng lơ lửng đục, những đường gân máu đỏ bật hơn lên và mái tóc già nua của mẹ tôi cúi xuống. Tôi bỗng nao nao trong lòng muốn khóc. Bàn tay mẹ tôi nắm chặt mép ghế, tôi bỗng chụp lấy tay mẹ đặt lên má mình, nơi giòng lệ đang từ từ lăn xuống. Má tôi rụt bàn tay lại, rồi thật bất ngờ, bà đứng lên đi một vài bước. Tôi bước theo giữ tay mẹ lại, mẹ tôi đứng yên lặng như thế và không nói gì hết.

— Mẹ giận con chăng ?

Mẹ tôi lắc đầu, bà trở lại ghế ngồi yên, nắng đã chói vào khung cửa sổ, tôi tới kéo lại tấm màn cửa, đứng loay hoay một lúc không biết làm gì, tôi ngồi xuống sàn, đầu gục vào hai đầu gối, tâm hồn ủ ỉn lạ thường, một lát tôi ngẩng lên nghe tiếng mẹ hỏi :

— Nhiên, con không thể kiếm một việc làm không đi đêm được sao ?

Nhiên muốn trả lời với mẹ nhưng cớ họng tắc nghẹn, mẹ đã nghĩ gì khi hỏi câu đó. Tôi bỗng nhớ tới đôi mắt cười và giọng nói của Ngân khi dắt tôi vào nơi làm : Cứ bạo dạn lên, đó cũng là một nghề chứ Nhiên, mày ngu lắm. Tôi bỗng háo hức nhớ mùi rượu xông nồng, mùi rượu mà đêm qua tôi sợ hãi tới buồn nôn, khung cảnh bar sau giờ hết khách. Bàn ghế trống trơn như chia sẻ nỗi hắt hiu trong hồn tôi. Tôi đã đứng như chúng, sầu như chúng rất lâu trước khi trở về. Căn nhà nhỏ gợi cho tôi bao kỷ niệm, tôi không thể mất, tôi không thể mất được nó, đêm qua tôi đã khóc và còn khóc bao xa... Mẹ ngồi như một niềm đau thành tượng.

— Mày ra đi, Nhiên, ra đi.

Ngân đẩy tôi ra khỏi tấm màn voan xanh, tôi còn ngần ngừ thì Ngân đã lôi tôi tuần tuần đến bàn. Người đàn ông nhìn tôi chăm chăm, tôi hơi ngượng, nhưng cúi kính ngay, tôi nhìn lại gã. Ngân cười vỗ vào vai tôi :

— Giới thiệu với anh cô Nhiên, còn đây ông Hanh, thương. . . đình.

Câu nói đùa của Ngân làm tôi bạo胆 hơn, nghĩ mình đã đem thân nghề nghiệp, tôi ngồi xuống ghế. Ngân đánh vào tay tôi thân mật :

— Đó, mày cố làm vui lòng papa nghe Nhiên, papa tao đó.

Ngân cười khanh khách, tôi cũng cười theo nhưng trong lòng không thấy thích cười một chút nào hết. Hanh đưa tay giữ Ngân lại nói :

— Trông em có vẻ lạnh lạnh, papa sợ quá.

Ngân dí tay vào mũi Hanh, liếc tôi :

— Nó không lạnh hoài đâu, có rượu vào là ấm ngay, ông thương gia. . . ạ.

— Đừng gọi đùa anh nữa, nếu thương gia. . . đã đình thì anh đã không vào đây.

Ngân đánh bốp vào vai Hanh :

— Thôi nói chuyện với nhau đi, dân mới đó nghe bồ. Khuya nhớ cho bà mồi đi ăn cháo gà với.

— Ô kê.

Tôi nhìn theo Ngân thoăn thoắt nhảy từ bàn này sang bàn khác, bàn nào cũng có những bàn tay đưa ra níu Ngân lại và nàng phải trả bao nhiêu nụ cười. Rồi mình cũng thế, vào nghề phải lăn lộn với nghề, có ai bắt buộc tôi đâu, vậy mà tôi không dễ gì thoát. Ánh sáng ở đây thật âm u, dãy đèn mầu treo trong những hộp chữ nhật ánh sáng như tắt ngay khi xuống lưng chừng, tôi thấy khuôn mặt Hanh nửa đậm nửa nhạt, một mảnh mầu xanh bám trên vai áo sơ mi trắng. Quạt máy chạy vù vù cùng tiếng nút nồ tách tách, tiếng cười đồng lõa, tiếng nhích ghế. Tôi nghe hết các tiếng động và suy ngẫm cùng những tiếng động đó. Tiếng Hanh hỏi :

— Hồi nãy Ngân giới thiệu em là Nhiên ?

— Tôi là Nhiên.

— Ngân nói em là dân mới.

— Vâng.

— Hãy tập xưng em cho quen đi.

— Cũng chẳng mất mát gì, vâng thì em.

Hanh cười mỉm, nụ cười như một vết xước xọc :

— Mất nhiều chứ, em chưa biết đó thôi. Em là nữ sinh ?

Tôi lơ đãng nhìn lên một con thạch sùng đang đập mỏ tí tắc :

— Ông hỏi chuyện khác đi.

— Chuyện gì bây giờ, em muốn chuyện gì ?

— Chuyện gì cũng được.

— Em uống gì ?

— Thứ nào đắt tiền nhất.

— Ủych ky nhé.

Tôi không rành về các thứ rượu nhưng cũng vờ bịu môi :

— Yếu thế.

— Không yếu đâu em ơi, đề rồi xem.

Nụ cười Hanh lại dài ra, tôi ghét quay quắt nhưng không thể làm thế nào hơn, tôi đành giữ nét lặng im trên khuôn mặt mình. Xem chừng hần cũng là dân chịu chơi. Để chừng hần cũng tới bốn mươi tuổi, xem cách ăn mặc thì cũng còn vời thanh niên. Tôi đưa tay vẽ vẽ lên bàn, có thể hần cầm bàn tay tôi lắm. Tôi nhát người rút tay thu dưới gầm bàn, như đoán hiểu tâm trạng tôi, Hanh lại cười mỉm, tôi ghét nụ cười đó cay đắng. Hanh dợ tay :

— Ê cậu (chỉ người bồi bàn) cho hai úych ky, em dùng thứ yếu này thử xem nhé, liệu có chịu nổi không.

Tôi lặng thinh, Hanh gợi chuyện :

— Em mới vào nghề.

Tôi gật đầu, Hanh lại nói :

— Em không thể tìm nghề nào hơn sao ?

— Cái gì hơn cái gì ?

Hanh cười lạt :

— Nói chuyện với em khó chịu bỏ mẹ, em có muốn anh gọi em khác không ?

— Về nghề nghiệp thì không.

— Còn em, hỏi em chứ ? Nhưng thôi, em cũng có cái đáng yêu của em, cái vẻ ngơ ngác đáng tiền lắm, năm nay em bao nhiêu tuổi ?

— May ra thì bằng nửa tuổi ông.

Nãy giờ em uống nhiều rượu chưa, liệu đêm nay em có được bao nhiêu tiền bán rồi, anh nói thật, em còn dại lắm, phải bạo lên mới so được với tụi dân chi. Nếu không vào nghề thì thôi, vào rồi mà còn giữ tư cách chỉ tổ hại cho em. Anh thấy em dân mới anh mới nói, thiệt đó. Em nhìn người ta kia.

Tôi không nhìn cũng biết xung quanh tôi người ta đang làm gì. Hanh đặt tay lên vai tôi, tôi nhẹ nhàng gỡ tay hấn xuống. Để hấn khỏi mất lòng tôi nói :

— Cám ơn ông, nhưng tôi muốn có đời sống khác hơn là thế này.

— Sao em không xin việc khác.

— Tôi muốn lắm nhưng không được.

Tôi giúp em được chẳng, tôi có hăng, em làm thư ký cho tôi, thư ký riêng. Biết câu nói của hấn ngụ ý gì nhưng tôi không khỏi phân vân. Làm thư ký cho một ông chủ hay ngồi đây bán nụ cười cho nhiều người ? Chắc gì làm cho hấn mà tôi khỏi sa ngã. Hấn sẽ giăng một cái lưới và không chóng thì chầy tôi cũng rơi xuống đó, rơi xuống và chết đi. Tôi mở lớn mắt nhìn hấn dò xét. Vừa lúc đó người bồi bàn mang rượu đến, Hanh đầy một ly lại cạnh tay tôi ; ly đó người bồi đã khéo léo dồn về phía tôi trước. Hanh gọi liên tiếp nhiều ly nữa, tôi cũng nhấp nháp uống, chất nước lạnh pha chút rượu cho có mùi làm tôi lợm giọng. Cồ họng tôi ghê ghê và chỉ muốn nôn thốc ra. Tôi nhắm mắt, Hanh nhìn tôi cười tỉnh quái, tôi không biết hấn nghĩ gì ? Đôi mắt hấn sâu quăm, đôi mày rậm và vùng trán hói, vẻ dày dặn phong sương. Hấn cũng có vẻ được lắm. Tôi tò mò không hiểu Hanh với Ngân như thế nào ? Ngân làm ở đây đã lâu, quen hầu hết mặt khách. Ngân sống với nhiều người, mỗi người một thời gian ngắn. Bây giờ nàng sống một mình với bà vú nuôi. Tuy vậy nàng ít khi ngủ tại nhà. Bà vú già còn căm hơn cả sự im vắng. Tôi có tới nhà Ngân trước khi nghe theo Ngân đi làm. Trước kia Ngân cũng là bạn học của tôi. Ngân thông minh nhưng lười biếng có hạng. Tôi có lần nói với Ngân : mình học sinh mới ra đời, chắc mình không làm thê được. Ngân cười khan : Mày tưởng học sinh hơn những con điếm chẳng ? Chúng tao cũng là người, cũng có thời đi học, dẹp chuyện ấy đi. Nhưng nếu Du biết tôi đã như thế này, liệu chàng sẽ khinh tôi đến đâu ? Nếu Du hiểu tôi, nếu Du không bỏ tôi sớm thế chắc tôi còn gượng được. Du bỏ tôi, điều đó là một sự điếm nhục lớn lao, xui tôi điên cuồng đập phá. Vả lại còn gia đình, còn sự sống của hai mẹ con, còn sự trả thù của tôi cho những điều xỏ tôi xuống nữa.

— Uống đi em, nghĩ gì mà say mê vậy.

Tôi cầm ly rượu nhạt trên tay, lòng rưng rưng muốn khóc. Nhưng tôi trấn tĩnh được ngay, đôi mắt Hanh soi mới nhìn giúp tôi lấy lại được nghị lực. Tôi mỉm cười buồn bã. Người bồi lại mang hai ly rượu nữa. Hanh nhanh tay đổi cốc rượu phía chàng sang phía tôi cười cợt :

— Đồi cho em, uống tí rượu thật cho ấm bụng, uống nước là hoài tội thân em tôi.

Tôi bỗng tức giận cực điểm. Còn lạ gì chút mánh khỏe con buôn đó mà phanh phui ra đây. Tôi quắc mắt nhìn Hanh, hân chịu sự hân học đó của tôi bằng một cái nhún vai. Bàn tay tôi để lên cái gạt tàn thuốc lá, định cầm ném nhưng tôi bỗng buông ra. Làm thế tôi cũng không lợi gì, tôi còn muốn gì hơn là mời được khách uống. Mà tôi đã mời được bao nhiêu ly rượu rồi, tôi đã có nhiều thành tích với mụ Chín, chủ Bar. Tôi liếc nhìn và thấy tia mắt mụ Chín cười với tôi khuyến khích. Hanh nói, hân đẩy cái gạt tàn thuốc về phía tôi :

— Em làm anh say mê lắm.

Tôi cúi đầu, sự tủi hổ đã làm tôi choáng váng cả người và tôi bỗng thấy như tôi đang say rượu, tôi muốn nói, muốn cười, muốn nhập vào đồng bóng. Đêm đã khuya và quán cũng vắng dần, từng cặp từng cặp thỏa hiệp với nhau mất hút. Mụ Chín gục cả đồng thịt xuống quầy, cái gì ở đây cũng làm tôi sợ hết. Dáng phục phịch to nặng của mụ Chín như một sự hăm dọa với tôi.

— Thế nào Nhiên, em có bằng lòng làm thư ký riêng cho anh không ? Trả lời đi.

— Không, tôi chưa định gì cả.

— Em sợ vội vàng quá chăng. Hanh lại nhún vai. Sống không vội nó hết mất, em ơi, phải vậy không ? Chiều mai em rồi anh mời em đi ăn, chúng ta bàn lại chuyện này, nhé, gạt đầu đi anh cưng.

Tôi chưa biết làm sao từ chối thì may thay Ngân hiện ra, nàng kéo ghế ngồi xuống phía bên tôi, choàng tay qua vai tôi cười :

— Em cưng, hân đã đòi uống thuốc chuột chưa ?

Hanh phụ họa :

— Giúp anh một tay em ơi, nàng khó lắm.

Ngân vỗ nhẹ vào má tôi, cứ chỉ âu yếm đó làm tôi then sượng trần cả người, Ngân cười khanh khách, tiếng cười chao động cả tủ kính :

— Papa muốn gì ? Còn mặng cái gì nào ? Nhà lầu xe hơi ?

— Vội thế, cái gì mà không được, miễn là ...

— Khi nữa, Nhiên, em thấy papa có duyên không, đào cũ của con Bích Mập đó.

Thấy tôi ngờ ngác, Ngân chợt nhớ là tôi không biết Bích Mập là ai, Ngân giải thích :

— Bích Mập là cô Bích thề này nầy, to này nầy, trước ở đây nhưng giờ đi rồi.

Tôi hỏi :

— Đi đâu.

— Đi tịch.

— Đi tịch ?

Ngân lại cười rũ :

— Tịch là nghèo, nghèo là chết, chèn đét ơ, ngu quá là ngu.

Tôi sợ hãi mở lớn mắt nhìn Hana, chắc hẳn làm chết nàng, tôi nói :

— Ông làm Bích chết phải không ?

Hanh hồ hững :

— Ai mà làm chết được nàng, người đẹp.

Ngân tiếp :

— Chết vì lao, khổ papa tốn cả tiền mua áo gỗ.

Hanh nhìn đồng hồ :

— Quán sắp đóng cửa rồi đây, mình đi thôi.

— Đi đâu ? Ngân hỏi.

— Đi nhậu, rồi em nào theo anh về thì theo.

Hanh nói xong nhìn tôi, tôi quắc mắt một tí, hẳn cười, Ngân hòa giải:

— Ê, đừng vợ đũa cả nắm, Nhiên nó khác tụi ở đây.

— Đồng ý.

Ngân kéo tôi theo Hanh ra xe, Ngân cố đẩy cả ba ngồi băng trước, mặc dù tôi muốn rút lui ra băng sau ngồi một mình, tôi muốn được ngồi một mình để được nhìn bóng đêm ở ngoài cửa kính, để sống hồi tưởng hay để mơ mộng, nhưng Ngân đòi nào để thế. Tôi ngồi phía ngoài, Ngân ở giữa, nàng ngã vào vai Hanh. Xe chạy vùn vụt trong đêm, đường phố vắng ngắt xui nỗi trống vắng càng mênh mang trong tôi. Xe dừng lại một quán ở khu chợ Cũ, cả bọn lục đục kéo xuống, tôi không quen những không khí xô bồ này và cảm thấy khó thở. Tôi đâm ra cau có và Ngân không hài lòng. Tôi cố để Ngân vui hơn, tôi góp chuyện

cùng hai người, nhưng những lời tôi nói ra đều trống trải và rất vô duyên. Tôi có cảm tưởng khuôn mặt tôi vô cùng trơ trẽn, xấu xí, nét trẻ thơ của khuôn mặt tôi bay hết, nụ cười của tôi đầy vết nhăn, lỗ bịch. Tôi cố giữ cho khuôn mặt tự nhiên hơn nhưng không cách gì nổi. Tôi nhìn Ngân, thấy Ngân rạng rỡ như một đóa hoa nở trong đêm. Tôi lúng túng hết sức, Hanh hỏi tôi ăn gì, tôi nói gì cũng được. Hanh gọi ba tô mì gà lớn, ba ly cam vắt. Ngân nói uống cam vắt cho già rượu, Hanh nói nước lạnh chứ rượu gì rồi hai người cào cào nhau. Tôi bỗng nhiên nhớ Du tha thiết. Giả dụ bây giờ tôi còn ngồi được với Du trong một chiếc quán nhỏ, hai đứa dùng ly nước chanh và đời tôi muôn vạn hạnh phúc. Bây giờ chắc chàng đã ngủ, phòng của chàng có một khuôn cửa vuông, tấm màn tôi may cho chàng chắc chàng đã vắt đi? Liệu chàng có vắt đi không? Và đàn hoa giấy của chàng mùa này đã đầy hoa tím. Khung cảnh lãng mạn như mất chàng. Tôi ao ước còn được tới đó một lần. Mong manh lắm, không chắc gì đâu. Chàng đã xa tôi như tôi đã xa cuộc đời bình thường cũ. Chắc gì nữa Du ơi. Tôi gấp một miếng bánh phở và nuốt không nổi. Ngân nhìn tôi, dịu dàng :

— Ăn đi chứ Nhiên, mày không đói à?

— Em không thấy đói, có lẽ nhà mẹ em mong lắm rồi.

— Làn thần, bà cụ có biết ngày đêm gì mà lo, đợi cùng về luôn.

Hạnh nháy mắt :

— Hai đứa mình đưa Nhiên về.

Khi xe chạy vòng quanh bờ sông, tôi bỗng ao ước cứ được ngồi như thế này mãi, cứ đi mãi, đi mãi hoài đừng bao giờ đứng lại, đừng bao giờ bước xuống. Hanh lái xe ngang qua đường nhà Du. Lòng tôi thất lại khi thấy cửa sổ vuông của chàng còn hắt ra ánh đèn. Du còn thức, nhưng biết đâu thức để viết thư tình cho một người con gái khác. Tôi hờn ghen và đau khổ, tôi đau khổ lắm, tôi muốn lao đầu trong đêm như xe lao trong đêm tối.

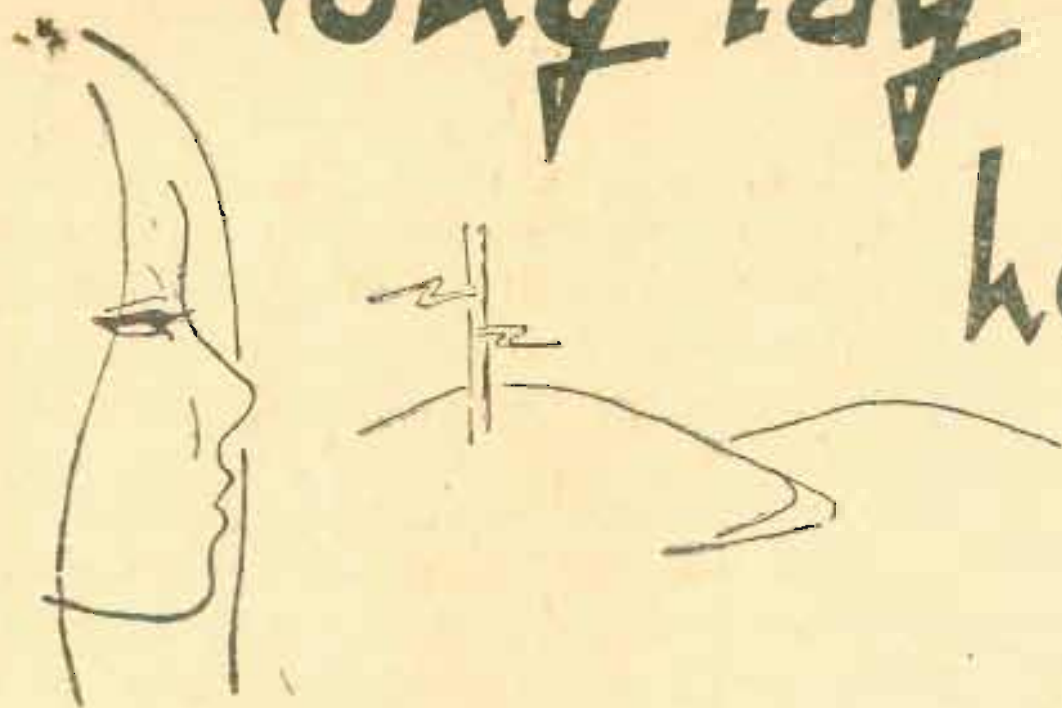
Ngân và Hanh trở lên xe, mắt hút, tôi đứng một lát rồi mở cổng đi vào sân. Tôi mở khoá vào nhà. Tôi mở đèn, ánh sáng chói mắt tôi, ánh sáng tắm khắp thân tôi và tôi thấy tôi như một con thú lạ. Trong gương, hai hàng nước mắt tôi chảy xuống. Tôi khóc cho tôi hay cho Du? Cho ai thì cũng vậy, đời sống tôi và đời sống chàng xa cách nhau, thân phận tôi đã tới. Tôi nghe trong đêm muôn lời tiếc nuối, muôn tiếng chân đi. Tiếng mẹ tôi ho trên gác. Mẹ chưa ngủ sao mẹ? Tôi tắt đèn vào phòng nằm vật xuống giường, tôi thấy chiếu chấn lạ hoắc. Tôi nghe rõ tiếng tôi khóc trôi nổi trong cơn mơ.

(còn tiếp 1 kỳ)

NHÃ-CA

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

PHẦN THỨ HAI

4 Sự xuất hiện bất ngờ đột ngột như khuôn mặt của định mệnh. Tuấn bàng hoàng im sững một lúc lâu. Rồi lùi khuất sau cánh cửa của đoàn tiếp viên phi hành, cho những hàng ghế chao chộng, những hành khách lặng lẽ lùi lại phía sau. Nhưng chàng vẫn thấy, vừa rõ ràng vừa huyền ảo, khuôn mặt đó, như một hóa kiếp kỳ diệu, phẳng phất vẻ dịu dàng đầm thắm của một người đàn bà và niềm vui xao xuyến của trẻ con. Ở trên đôi môi chợt hé một nụ cười vào khoảng không trước mặt. Tờ báo mở rộng cho hai con mắt đen muôi toả xuống cái nhìn mông lung. Như nàng không đọc thấy gì trên những hàng chữ đó. Nàng thấy gì đâu đâu. Và nàng mỉm cười, mỉm cười mà không một lần ngẩng đầu lên cho Tuấn gặp lại đôi mắt xưa đã làm lòng chàng xao động như cánh bay giữa vùng bão tố. Người con gái đêm Saigon xưa ngồi ở đây sao. Hay chàng lầm lẫn ? Hay là một liên tưởng mộng mị. Bởi nàng đã khác xưa nhiều. Ở dáng ngồi. Ở mái tóc. Ở cái vẻ nghiêm trang già dặn làm cho toàn thể người con gái khoác một vẻ đầm thắm an phận. Đâu rồi những chớp mắt tươi vui, những nguầy đầu nhí nhảnh, những tiếng nói cười riu rít lời chim ? Vậy là đời nàng đã có gì đổi thay. Nàng đã là một con thuyền có bến, bỏ quên những dòng sông, những dốc suối cho thời gian quá khứ. Để hiện hình lên như một đỉnh tuyết lạnh lùng kiên sa ở đó. Và Tuấn chơi vơi nhìn lên, hồi hộp và ngại ngùng, không dám tiến tới. Mà cũng không thể lùi lại được. Không thể lùi lại được từ khi qua hai dãy hành khách yên lặng để đến đầu máy bay, chàng đã thoáng thấy Trâm.

Cho nên để người phụ lái, chàng đẩy cửa, đi ra lần nữa. Tờ tạp chí Pháp hờ hững trên đùi Trâm. Mắt nàng chìm xuống những hình ảnh rực

rõ trong đó. Và nàng lại mỉm cười. Nụ cười lặng lẽ và cô đơn như không vì một ai, không trao gửi cho ai đó, Tuấn đã ngắm thấy một lần, qua đày cốc long lanh, một chiều Sài Gòn ở nhà Thúy. Cuộc săn đuổi bắt đầu từ đó. Tuấn không bao giờ ngờ mình là kẻ chiến bại tuyệt vọng. Vì chàng là đỉnh núi trước những kẻ khác làm đồng bằng. Vậy mà điều có thể giản dị lại biến thành vô cùng khó khăn. Chưa quen biết hẳn, Trâm đã biến mất đi, như con chim chỉ một thoáng động cánh cũng lạnh lùng vô cánh. Bây giờ Trâm đó. Chắc Trâm đã của ai rồi. Tuấn muốn biết, muốn thấy suốt đời Trâm trong hai năm qua bằng tình cờ gặp gỡ hôm nay. Nên Tuấn đi xuống, đi qua, mà không thể dừng lại. Một nỗi vui xôn xao nhẹ nhõm nhuộm vào lòng chàng khi Tuấn trông thấy bàn tay trái Trâm đưa lên vuốt tóc, không ngón nào đeo nhẫn Chưa một định ước với đời. Em tự do và em cô đơn, bao giờ cũng vẫn thế phải không Trâm. Cho nên Tuấn lại đi trở lên. Đầy cửa. Ngồi xuống. Và chàng mỉm cười xôn xao nhìn xuống dưới. Núi đồi Dalat nhấp nhô trong chiều xám. Những vết khói xanh biếc lơ mờ uốn éo bay lên từ những chòm nhà sàn nhỏ li ti. Tiếng bay sè sè như mưa sương đang rụng xuống mặt kính không gian dày và phẳng. Những thảm cỏ xanh, những đồi suối lượn nghiêng mình phía dưới. Rồi một thoáng, tất cả vùn vụt dâng lên cao : Thân máy bay nhẹ nhàng rung động. Những chong chóng quay chậm lại trông rõ từng nan. Bánh cao su lăn nhẹ trên con đường nhựa dài uốn cong vào sân phi trường.

Tuấn ra đến thang máy bay thì đám hành khách đã vào đến trong kia sân. Không đợi những bạn đoàn viên phi hành đi cùng như mọi khi, chàng hấp tấp đi trước. Màu áo xanh của Trâm loáng thoáng sau rèm hoa đỏ. Tuấn bước mau, thật mau. Và chàng dừng lại ở chỗ kiểm soát vừa lúc Trâm đi vào đó. Người ghi vé nháy mắt cười với chàng như muốn bảo : « phi công tán hành khách đấy à ? »

Trâm bỏ vé hành lý vào ví tay xong, ngàng đầu nhìn lên. Tuấn gọi nhỏ :

— Cô Trâm.

Một giây ngỡ ngàng hồi tưởng. Và Trâm dè dặt quay lại :

— Ông Tuấn. Ông lái chuyến này, sao tôi không thấy ?

— Không thấy, vì tôi lái máy bay, và cô đi trên mây.

— Tôi đi chuyến hoài như con thoi giữa Dalat Saigon Nha-Trang, sao hai năm không gặp ông một lần ?

— Tôi mới đổi qua đường bay này. Trước tôi đi những chuyến Bangkok và Hongkong.

— Ông phiêu lưu nhiều quá, nhưng đã gãy cánh chưa ?

Tuấn đưa bàn tay trái lên trước mặt Trâm :

— Chưa. Tôi vẫn một mình.

Trâm mỉm cười thấy người đàn ông nổi tiếng nguy hiểm cho đàn bà đang đứng trước mình có vẻ ngây ngô bé bỏng thế nào. Chiếc nhẫn trên ngón tay đầu phải là bằng chứng xác thực của một cuộc đời đã mệnh chung, người đàn ông có vợ hay người đàn bà có chồng ai khờ khạo tin ngay dấu hiệu đó. Khỏi đàn ông dấu nhẫn cưới vào trong túi áo khi ra khỏi

cửa gia đình, và trông xịch nó lẹ ngay vào ngón tay khi trở về đến công. Cũng như khối đàn bà hai tay trơ trụi dù đã ba bảy đời chồng đổi thay. Mỗi lần đi đường xa một mình, để yên thân Trâm đeo nhẫn vào ngón tay để tạm thời đẩy lui đám con trai lão liên xuôi ngược.

— Còn Trâm?

— Đi dạy học. Ở một mình. Bình yên.

— Trâm... dạy học?

— Vâng. Có gì làm ông ngạc nhiên. Vì tôi có vẻ thiếu tác phong giáo sư, hay vì ông căn cứ vào những ngày tháng cũ?... Tôi cần sống nhiều đời khác nhau trong một đời. Saigon giờ là quá khứ. Hiện tại của tôi là Dalat.

— Thế... tương lai?

— Tương lai là một bí mật ông hỏi làm gì?

Giọng Trâm bất ngờ lạnh lùng chũu xuống và Tuấn nhận ra vẻ dừng đứng tàn nhẫn trong cách xưng hô mà này giờ chàng không chú ý đến. Ông, tôi. Danh từ đã đổi thay sau hai năm vắng tiếng im lờ. Ngày trước Tuấn gọi Tuấn bằng Anh, như gọi Lam, anh nàng và là bạn Tuấn. Cô em gái đã trưởng thành ở một phương diện nào đó, và ngán cách như một mũi dao sắc lạnh cắm xuống niềm hoa cỏ giao thân. Ngán cách hiện hình rõ rệt như một dụng ý khi Trâm đưa bóng dáng thứ ba vào câu chuyện:

— Ông vẫn thường gặp Thủy?

— Thủy? Không. Nhưng sao Trâm nhắc đến Thủy.

— Nghe Thủy nhắc đến ông.

— Chỉ vì Thủy vẫn gửi tôi mua đồ ở Hồng-Kông đấy thôi. Có gì đâu...

Trâm nhường mày và mỉm cười tinh nghịch như bảo thầm: « mặc ông chứ can có gì tôi mà dính dính ». Tuấn xem đồng hồ tay, nhìn ra phía những người hành khách chờ đợi tiếp tục đi Saigon rồi nhìn vào hai mắt Trâm:

— Hết giờ rồi. Nếu có người lái thế, tôi sẽ ở lại Dalat chiều nay. Trâm cho biết địa chỉ. Tôi trở lại. Thế nào cũng trở lại.

Trâm đáp cộc lốc.

— Không.

— Cho tôi gặp Trâm lại một lần. Một lần thôi.

Trâm quắc mắt cười nhạt:

— Ông coi tôi là loại đàn bà nào? Vừa gặp một người là đưa địa chỉ? Ông quen dùng lối đó với hành khách trên máy bay?

Sững sốt một giây, rồi Tuấn thản nhiên phân trần:

— Hình như Trâm quen buộc tội cho tất cả những người nào tìm đến Trâm. Trâm quen là mình biết nhau từ trước, Trâm em gái Lam mà Lam bạn tôi sao? Còn Thủy. Chuyện Lam với Thủy nữa.

Hồi ấy Lam ngờ tới với Thủy, bọn này giận nhau. Lam buồn lang bang một dạo. Sau tôi đưa Lam về cho Thủy. Cả bọn xử huề, Trâm thấy, tôi không có gì với Thủy cả...

Tôi tìm thăm em gái của bạn; tìm thăm một người quen cũ là có tội sao ?

Trâm cúi mặt,

— Nhưng... tôi muốn yên và không nhắc đến Sài Gòn thuở trước.

— Tìm thăm Trâm, tôi không mang không khí Sài Gòn theo đâu. Trâm không cho địa chỉ, nhưng thế nào tôi cũng trở lại.

Phi trường Liên Khương lùi lại phía dưới. Tuấn trở về Sài Gòn chiều hôm đó, bằng cánh bay lảo đảo trong biển mây giăng mắc đầy trời, bằng tâm hồn xôn xao bỏng cháy dập dờn hình ảnh. Cho đến khi đèn thành phố sáng lên đón chào phía dưới, khi từng điệu nhạc réo rắt, bập bùng xoáy lên từ vực thẳm của ban đêm, Tuấn chợt thấy Sài Gòn xa lạ hẳn. Tâm hồn Tuấn lịm trong một cơn mê sáng rạo rức kỳ dị. Ngọn lửa đam mê cháy bùng trong cơn gió lốc bất ngờ của kỷ niệm

Trong khoảng một đêm, Trâm lảng vảng hiện lên cùng khắp, trước khoảng không mịt chàng mở ra ngó thấy, trong bóng đen mịt mù mắt chàng khép kín lãng quên. Và mờ tóc dài huyền hoặc của người đàn bà như con sông đêm cho thuyền hồn người đàn ông trôi về bóng bênh chết đuối. Những mờ tóc vàng như mùa lúa chín. Những mái tóc bạch kim như tơ trời mùa đông. Từng nổi vẩn vương suốt đời chàng nở thắm hoa hương lên cảnh đồng tình ái. Một thoáng chàng không còn nhớ gì được nữa. Chỉ còn màu đêm vĩnh viễn của mái tóc Trâm xỏa buồn lên nền trời hoàng hôn Đalat đầy mây bay và gió cuốn. Mái tóc biến thành con rắn. Con rắn trườn mình vẩn lấy cổ chàng, vẩn khắp thân thể chàng và cơn sốt cảm giác rắn rắn cháy lên.

Cơn đam mê lặng lẽ trở thành một gọi kêu, một thúc đẩy mãnh liệt. Và trưa hôm sau, Tuấn lên máy bay, về Đalat. Tìm tên người đàn bà hôm qua trong tờ manifeste về hành khách chuyển đi Nha Trang Đalat. Hỏi dò la địa chỉ ở Hàng-không Việt-Nam.

(còn tiếp)

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

SẮP CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH

KHỞI HÀNH

tập truyện đặc sắc nhất của LÊ TẮT ĐIỀU

cây bút trẻ mà bạn đọc ưa thích

BÁCH KHOA XUẤT BẢN

vài nhận định về phòng triển lãm hội-họa mùa Xuân Giáp - Thìn

MẶC dù những biến cố của thời cuộc, phòng triển lãm hội họa mùa Xuân năm nay, vẫn được mở cửa như thường lệ.

So sánh với các kỳ triển lãm trước, số tranh chọn lựa năm nay có phần dồi dào hơn.

Đó là điểm đặc biệt, thứ nhất của kỳ triển lãm này. Điểm thứ hai cũng làm cho một số đông người xem tranh thắc mắc, là năm nay ban giám khảo không chọn lựa được bức họa nào để trao giải huy chương vàng.

Về điểm thứ nhất, số tranh được tuyển lựa để trưng bày nhiều, có phải là những bức tranh đã đạt được mức nghệ thuật không và có phải điều đó đã chứng tỏ các họa sĩ đã có những tiến bộ về kỹ thuật không? Sự thực không hẳn là như vậy. Điềm qua toàn thể phòng triển lãm, người xem tranh sẽ nhận thấy rất nhiều

bức tranh còn ở dưới mức « tạm được » nếu đem kỹ thuật ra để làm mức đo lường. Phần lớn những bức họa đó thiếu hẳn kinh nghiệm của nghề nghiệp, nhất là về vấn đề hình họa và về kỹ thuật làm sơn dầu. Nhiều bức họa đang còn ở tình trạng những « bài học vẽ » của nhà trường.

Trong số tranh này, có những bức vẽ hoa quả tĩnh vật với những hình thể màu sắc rất trúng ; y hệt mẫu vẽ không sai suyễn mảy may.

Tóm lại, một thứ kỹ thuật nặng nề máy móc chưa tiêu hóa, chưa vượt được khỏi khuôn sáo. Loại tranh thứ nhì, là những bức vẽ không cố tình bắt chước thiên nhiên tạo vật, không cố ý ghi chép đúng với mẫu mực một cách « chụp hình », song lại vướng phải những lầm lỗi rất lớn là đi ngược hẳn lại thiên nhiên tạo vật, phản lại mẫu mực



« Trên vùng an nghỉ » của Trịnh-Cung (Huy chương Bạc)

đã lựa chọn. Loại tranh này phần lớn vẽ về người và phong cảnh. Người xem tranh đã thấy những gì trong các bức vẽ đó? Trước hết người ta nhận thấy tác giả của những bức vẽ đó chưa có một ý niệm gì về hình họa (dessin); Bởi vì hình họa trong một tác phẩm sơn dầu khác hẳn tính chất với một hình họa vẽ báo, một hình họa vẽ bích chương, một hình họa vẽ y phục thời trang (dessin de mode), một hình họa vẽ minh họa (dessin d'illustration).

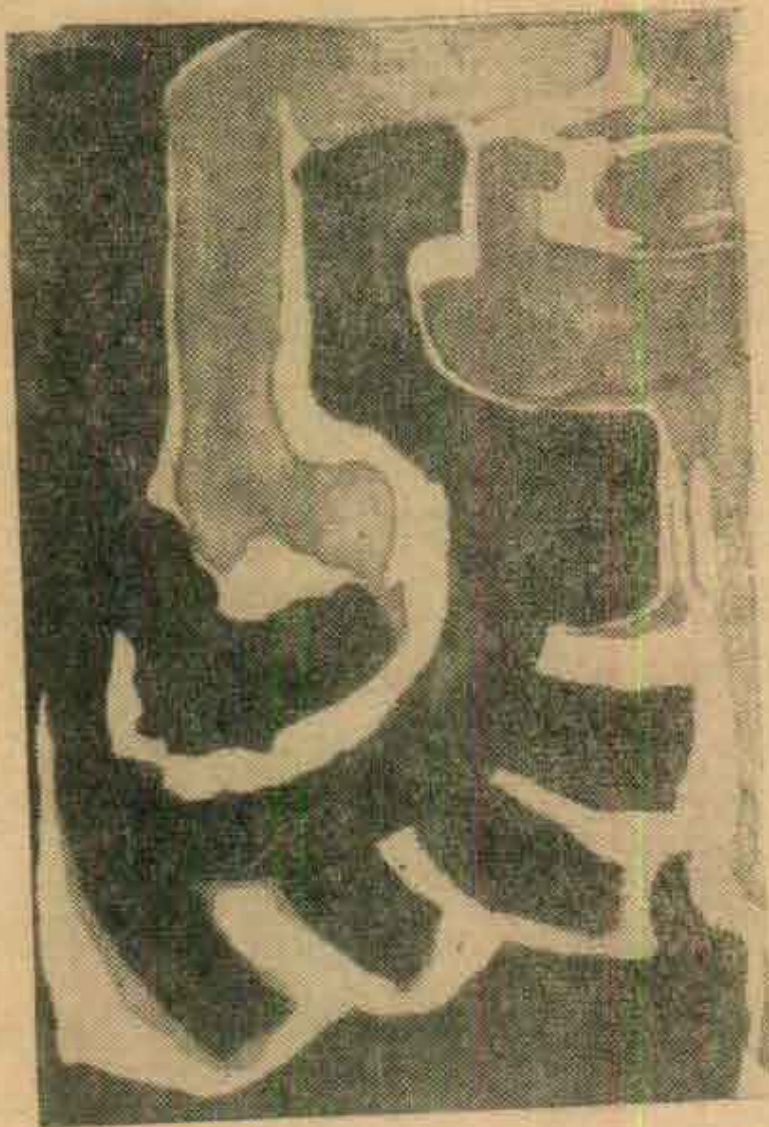
Tác phẩm sơn dầu đòi hỏi một loại hình họa ăn khớp, hòa hợp được với thể-chất sơn, với màu sắc trong loại sơn dầu. Cũng bởi vậy mà chỉ có loại hình vẽ tô điểm thêm bằng thuốc nước (dessin rehaussé aquarelle) bột màu (gouache), phấn màu (pastel). Một bức tranh dùng

sơn dầu đề tô điểm cho hình vẽ không thể gọi được là một tác phẩm sơn dầu.

Màu sắc, hình họa, thể chất sơn, đường nét trong một tác phẩm sơn dầu phải hòa luyện chặt chẽ với nhau đến độ chỉ còn là một cái gì không thể tách biệt riêng rẽ. Một tấm bích chương dù có vẽ bằng sơn dầu cũng chỉ là một tấm bích chương; không thể bảo đấy là một bức tranh sơn dầu chỉ vì được vẽ bằng sơn dầu.

Nếu nhận định cho kỹ thì tất cả số tranh được trưng bày cho công chúng xem chỉ có được một phần năm có thể gọi được là những họa phẩm sơn dầu.

Phòng tranh năm nay còn có một điểm đáng chú ý: loại tranh theo xu hướng trừu tượng chỉ có một



• Bố cục • (192) của Nhu-Thuy

số rất ít. Trong số đó có nhiều bức rất già dặn và vững vàng về kỹ thuật sơn dầu; và cũng có những bức rất kém cỏi, một thứ trù tượng giả hiệu.

Loại tranh này so với loại tranh có hình, tường chừng như có thể vẽ một cách dễ dàng hơn; song sự thực trái ngược hẳn. Loại tranh có hình nếu có thể quyến rũ người xem bởi đề tài một phong cảnh đẹp, một thiếu nữ kiều diễm thì loại tranh trù tượng chẳng có gì lôi cuốn người xem; ngoài những nét màu sắc và chất sơn. Nhất là chất sơn đó là tất cả khó khăn và cũng là sự thành công của những bức họa trù tượng. Có thể nói được rằng: muốn noi theo con đường trù tượng, điều kiện trước hết phải nắm vững làm chủ được chất sơn.

Nhìn lại toàn thể phòng tranh trong ở cuộc triển lãm này, người ta còn nhận thấy rất nhiều cố gắng tìm tòi, tuy chưa đạt được kết quả mong muốn, song đã chứng tỏ rằng: số đông người làm nghệ thuật ngày nay đã không còn bằng lòng đi vào những con đường mòn, những khuôn sáo cũ. Họ cố gắng thoát ra để được gia nhập vào những trào lưu nghệ thuật tiến bộ.

Song trong đám đông đó, rất tiếc có một số đã nhầm lẫn cho rằng đổi mới là vứt bỏ hết những cái cũ.

Sự thực trong phạm vi tìm tòi chúng ta không thể đổi mới mà chỉ có thể làm cho mới lại.

Làm cho mới lại là đi từ những cái đã có, làm cho hoàn hảo hơn, làm cho phù hợp với nhân thức mới. Điều này không riêng gì trong phạm vi nghệ thuật, ngay trong đời sống quanh mình cũng như vậy. Nhìn một cô gái thướt tha trong bộ áo dài, chúng ta đã hãnh diện là có một cái gì khác biệt độc đáo so với phụ nữ ngoại quốc. Song để được có một chiếc áo dài đẹp để như ngày nay, đã phải trải qua bao nhiêu tìm kiếm và cải cách để đạt được cái gọi là Mới. Chúng ta không thể làm mới bằng cách thay thế chiếc áo dài cổ truyền bằng một bộ đồ đầm, và cũng không có một người con gái nào chịu mặc chiếc áo dài nếu chiếc áo dài vẫn giữ nguyên vẹn đường nét của năm 1940.

Biết bao nhiêu đồ vật mà ngày nay chỉ có thể trưng bày ở viện bảo tàng, bởi vì hình thể của chúng



Chân dung của Phạm-Văn-Tin

đã không được nghiên cứu cái cách cho phù hợp với những hình thể trong đời sống mới.

Những hình thể không những chỉ làm thỏa mãn cho cái nhìn, mà còn tác động đến cảm nghĩ của mọi người. Nhất là đối với những con người làm hội họa. Bởi vì họ cảm nghĩ bằng hình thể.

Nhìn những bộ bàn ghế xanh đỏ, những kiểu kiến trúc trơ trẽn của các công sở những chiếc cột đèn đúng kiểu của một thành phố Tây phương, những bộ binh phục như bất cứ của một quân đội ngoại quốc nào «*các nhà văn hóa*» có thẩm quyền đã nghĩ những gì và còn muốn đòi hỏi ở người sáng tác một tinh thần dân tộc mạnh mẽ hay không? Trờ lại phòng triển lãm.

Năm nay xu hướng trau tượng đã có phần sa sút về số lượng. Phần đông các họa sĩ trẻ tuổi không còn

đi tìm cái mới trong xu hướng bề tạc mà ngay đến cả các trào lưu nghệ thuật thế giới hiện nay cũng đã vượt qua. Họ nhận định rằng : Người ta chỉ có thể cảm nghĩ bằng hình ảnh, không thể cảm nghĩ bằng màu sắc.

Trong số tranh có xu hướng trau tượng được đem trưng bày có những bức rất xuất sắc về kỹ thuật như bức «*Đổ cục*» 192 của Như Thụy, những bức «*Hồ Điệp*» 86, «*Trầm tích*» 85 của Nguyễn Khai, bức «*Thiếu nữ ngủ*» 195, «*Thung lũng*» 197 của Nguyễn-tấn-Triết.

Ngoài ra một số trau tượng khác còn ở trình độ non kém, bởi chưa nắm vững làm chủ được chất sơn.

Loại tranh xu hướng có hình năm nay khá dồi dào, không những về



Theo hay chống (138) của Nguyễn-Quỳnh

số lượng mà còn về đường lối, xu hướng. Hầu như có thể tiêu biểu cho đầy đủ các khuynh hướng hội họa: từ hiện thực như những bức tranh « Quả bần xứ » đến siêu thực như bức « Thiên đàng Âu thời ».

Trong số tranh trội nhất về xu hướng có hình, phải kể đến bức « Theo hay chống » 138 của Nguyễn Quỳnh.

Nhận định chung về cuộc triển lãm mùa xuân năm nay, là sự tiến

bộ về phương diện tìm tòi, khám phá, phần đông đã ý thức được việc làm nghệ thuật; tuy về phương diện kỹ thuật còn cần phải trải qua nhiều kinh nghiệm trong việc thực hành. Người làm hội họa sẽ thấy rõ con đường mình đi trong việc làm, không thể tìm kiếm đường lối bằng ý nghĩ suông. Bởi vì những tư tưởng phải được công việc thực hành làm cho hoàn hảo.

THÁI TUẤN

BẠN ĐỌC COI Ở CUỐI SỐ NÀY :

MỤC LỤC BỘ MÔN

từ 168 đến 180 (1-1.64 — 15-6-1964)

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DẶNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTREME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone (20.821) — SAIGON



ĐƯỜNG BAY

HOA-SEN VIỆT-NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần : THỨ BA và THỨ BẢY

bằng **PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA**

D C 6 B

(All weather radar equipped)



Mỗi thứ Ba : Khởi hành tại SAIGON : 08g30

Mỗi thứ Bảy : Khởi hành tại SAIGON : 15g00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HẰNG DU-LỊCH HAY

VIỆT-NAM

HÀNG-KHÔNG

116. NGUYỄN HUỆ. SAIGON. Đ.T. 21.624.21.625.21.626



NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO

Đã phát hành

TIẾNG HÁT TỰ LÒNG ĐẤT doãn quốc sỹ
HẸN minh đức hoài trình
những buồn vui ray rứt của một tuổi trẻ lưu đày.



đón đọc

CHIẾC BÈ NỮ CHÚA (tiếp Tiếng hát tự lòng đất)
ĐÊM ● MẶT TRỜI TÌM THẤY

thơ | thanh tâm tuyền

Riêng về tập thơ Thanh Tâm Tuyền số in bản quý, có hạn (rood) Các bạn yêu thơ xin gửi bưu phiếu theo địa chỉ : Doãn Quốc Sỹ 338/60B Thành Thái Chợ Lớn. Các bạn sẽ nhận được tập thơ gửi bảo đảm đến tận nhà.

(Chú ý : Xin gửi bưu phiếu — đừng gửi tiền).

Tôi đã biết gì về NHẤT-LINH

● ĐÔNG-HỒ

Anh Nguyễn-Ngu-Í,

CHẮC rằng anh muốn hỏi tôi về Nhất-Linh ; chứ không hỏi tôi về Nguyễn-Tường-Tam. Có như thế thì tôi mới trả lời anh được. Nói như vậy là tôi muốn nhận định phần mình hai lãnh vực trong một nhân-vật. Là tôi chỉ có biết về nhà văn-sĩ Nhất-Linh mà không được biết về nhà chính trị Nguyễn-Tường-Tam.

Tôi có cảm tình với Nhất - Linh, tôi có yêu mến Nhất-Linh, tôi có phán đoán về Nhất-Linh, là tôi nhìn Nhất-Linh ở trong địa hạt văn chương, vì bút hiệu đó xuất hiện như một ngôi sao chói lọi trên nền trời văn học.

Trừ ra hai tác phẩm đầu tay khi mới tập viết để văn thể là *Nhỏ Phong* và *Người Quay tơ*, ký tên là Nguyễn-Tường-Tam, còn tất cả tác phẩm năm 1932-1933 trở về sau, đều ký bút hiệu là Nhất-Linh, trong sách cũng như trong báo, từ Phong-hóa Ngày-

nay ở Hà-nội cho đến Văn-hóa Ngày-nay, ở Sài-gòn hồi gần đây.

Phán đoán về văn nghiệp Nhất-Linh, tôi có hai nhận định này :

1.— Văn trào phúng của báo Phong-hóa, Ngày-nay.

2.— Văn tiểu thuyết của Tự - lực văn-đoàn.

..

1.— Muốn cải cách, muốn canh tân một xã hội mà theo quan niệm Nhất-Linh — tôi lặp lại là theo quan niệm Nhất-Linh — cho là bảo thủ, là hủ lậu, thì phải mở một phong trào đả kích mạnh mẽ bằng lối trào phúng.

Những phong tục hủ lậu, những cử chỉ ngốc nghếch làm cho xã hội vì đó mà chậm tiến, tượng trưng bằng hai nhân vật điển hình Lý Toét và Xã Xệ, hàng tuần được trình bày trên

báo Phong-hóa Ngày - nay, làm mục tiêu để chế giễu trong bảy tám năm trời, đã gây một ảnh hưởng lớn mạnh, một ấn tượng sâu đậm trong ý thức quần chúng nhân dân Việt-Nam.

Kết quả không biết có được như ý người chủ trương nó mong muốn hay không, tôi không dám chắc. Duy có một điều biết được là đã gây nên một phong trào cười cợt vui vẻ trong một xã-hội đang bị đè nặng bởi một không khí trang nghiêm già cỗi.

Điều đó, tôi cho là một điều cười cợt vui đùa vô tội, có thể chấp nhận được.

Đến như việc đem các nhân vật đương thời ra giễu cợt, như đem các ông Nguyễn Văn-Tổ, Tân-Đà, Nguyễn Trọng-Thuật, Nguyễn Công-Tiểu, Phan-Khôi, Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm Quỳnh làm trò đùa thì tôi cho là có ác ý, muốn hạ thế lực các nhân vật đó để giành ảnh hưởng cho nhóm mình. Lắm lúc đùa dai đến vô duyên, thiếu cả phong độ lịch sự của giới cầm bút. Như giảng cái búi tóc của nhà học giả Nguyễn Văn-Tổ, hay vẽ chó thừa hưởng bả rượu của thi-sĩ Tân Đà nôn ra, rồi cả chó và thi-sĩ nằm say chung với nhau, thì thiệt tệ quá. Chắc nhiều người còn nhớ bài vẽ: « Ông giảng đưa giảng, ông giảng búi tóc. . . » chế ông Nguyễn Văn-Tổ, và bài thơ đề tranh tứ bình: « No say một bài thừa ân chủ, chủ cũng say mà chó cũng say. . . » cười ông Tân-Đà.

Từ bao giờ tôi vẫn không chấp nhận điều thiếu lễ-độ và thiếu phong nhã đó.

Về sau, sau năm 1951. Khi tiếp xúc gần với Nhất-Linh, tôi thấy anh không phải là người thích trào lộng ư cười

cợt. Trong khi xử thế tiếp vật vẫn phong nhã khả ái. Có lẽ trong khoảng thời gian mười năm khói lửa, trải qua bao nhiêu biến cố lớn của lịch-sử, làm cho tâm tính con người thay đổi khác xưa.

2. — Về văn tiểu-thuyết — tôi lặp lại, văn tiểu-thuyết — của Tự-lực văn-đoàn. Công trạng to lớn của Nhất-Linh là điểm này. Sự-nghiệp của Nhất-Linh ở đây thật là một sự nghiệp đáng kể mà tôi tưởng đương thời và hậu thế cũng đều công nhận. Chủ trương Tự-Lực văn-đoàn, kết nạp những tay bút cùng khuynh-hướng, đã gây nên được một trào lưu văn-học mới-mẻ, sáng tạo nên được một lối văn vui vẻ nhẹ nhàng sáng sủa, chấm dứt lối văn trang nghiêm trịnh trọng của văn phái Nam-phong là văn phái đại biểu cho lối văn kinh điển nho gia, nền nếp có thừa, mà sinh khí thì chưa đủ làm cho xã hội phấn khởi.

Từ sau khi Tự-lực văn-đoàn xuất hiện, chẳng những văn học Việt-Nam sinh sắc trẻ trung, mà mọi người trong xã hội đều thấy cảm hứng bừng dậy, tâm hồn cởi mở theo các nhân vật trong truyện.

Lối văn tiểu thuyết này, trước Tự-lực văn-đoàn, không phải tuyệt nhiên là không có. Đã có một hai nhà bắt đầu, như *Tổ-Tám* của hoàng Ngọc-Phách, như *Cảnh-thu di-hận* của Dương-Tự-Nguyên, thêm một số truyện ngắn, truyện dài đăng rải rác ở các báo chí chẳng hạn; nhưng mà không gây thành một văn phái một tư trào phổ biến rộng rãi như Tự lực văn-đoàn. Ảnh hưởng Tự-lực văn-đoàn thật là to lớn. Giới giáo dục đã nhìn nhận. Và ai cũng



Nhất-Linh thưởng trà tại Đại-An-Am

bằng lòng sự nhìn nhận đó là xứng đáng. Cứ xem một việc sách của Tự-lực văn-đoàn in đi in lại rất nhiều lần, cho đến hiện nay, số tiêu thụ vẫn còn trội hơn những sách mới sáng tác, thì biết. Từ xưa đến nay, ở Việt-Nam, chưa có văn phái nào chinh phục được nhiều cảm tình chung thủy của độc-giả đông đảo, trước sau như một, cho bằng Tự-lực văn-đoàn.

Công trạng sự nghiệp đó phải qui cả về cho người chủ trương chỉ huy nó là Nhất-Linh.

Bất kỳ ở thời kỳ nào, ở giai đoạn nào, trong nước cũng có nhân tài lỗi lạc, có những tay bút xuất sắc, nhưng mà chung qui bị rơi rạc, bị phân tán hết, bởi vì thiếu tập hợp, thiếu nâng đỡ, thiếu « tri-kỹ » để cho văn học có tính cách công tác tập thể, như Tự-lực văn-đoàn. Chẳng nói chi xa xưa, cứ nhìn tình trạng văn hóa hiện thời.

Trong nước, giữa đây, hiện diện có biết bao nhiêu Văn-đoàn, bao nhiêu Tao-đàn, bao nhiêu thi-văn, bao nhiêu trường phái, bao nhiêu nhóm, bao nhiêu hội, đoàn thể nọ, câu lạc bộ kia không phải là không có, nhưng có lẽ vì thiếu « điều kiện tri kỹ » mà chưa có nhóm nào gây thành một trường-phái có ảnh hưởng, có thế lực như Nam-phong, như Tự-lực văn - đoàn ngày trước. Mà tôi nghĩ rằng về phương tiện cũng sẵn sàng, mà về tài chánh cũng dồi dào, có lẽ còn hơn thời kỳ Pháp thuộc nhiều lắm.

Điều này cũng là một sự kiện bất thường để cho chúng ta đặt thành vấn đề nghiên cứu thử. Tôi chưa dám chắc điều tôi nghĩ trên đây là đúng. Tôi chỉ nêu vấn đề theo nhận xét quan-kiến của tôi mà thôi.

Giữa năm 1951, Nhất-Linh từ Hải-ngoại về, đến thăm tôi ở Yiêm-Yiêm thư trang, ở số 115 đường Nguyễn-Thái-Học.

Năm đó, tôi vừa thành lập nhà xuất bản Bốn-phương được hơn một năm. Nhất-Linh đến để mượn tôi các ấn phẩm cũ của Tự-Lực văn-đoàn, xuất bản thời tiền-chiến mà ít nhà còn giữ được, và bàn việc hợp tác với nhau. Anh định giao cho nhà xuất-bản Bốn-Phương in lại tất cả sách nợ. Cũng đã bắt đầu được vài cuốn. Nhưng rồi sau cũng không thành. Anh tự chủ trương nhà xuất-bản Phương-giang của anh.

Từ đó, thỉnh-thoảng gặp nhau. Và luôn luôn trong mấy năm, cứ gần Tết thì Nhất-Linh phải đến để thăm chừng coi tôi đã làm xong bài thơ Năm-mới và đã in xong chưa « những cánh thiệp Tết xinh xinh ». Ban đầu, tôi cũng không hiểu tại sao Nhất-Linh lại có cái vui thích được nhìn cánh thiệp Tết của Yiêm Yiêm thư-trang vừa in xong chưa kịp gửi, để tự tay cầm về một tấm, trong mấy ngày áp Tết.

Mãi lâu về sau, tôi mới nghe anh nói rằng từ khi còn ở nước Tàu, trong một dịp Tết xa nhà, tình cờ được nhìn thấy cánh thiệp của Yiêm-Yiêm thư-trang ở phòng khách một đồng chí xuất-bôn. Chắc là ở nhà anh Trương Bảo-Sơn.

Mấy dòng chữ đẹp in trên cánh hoa-tiên, trong dịp Đầu-năm, đã cho Nhất-Linh có một niềm hoài vọng quê-hương. Rồi lòng cứ còn giữ mãi ấn tượng thân yêu và mối cảm-tình êm đẹp đó.

Có năm, thơ tôi làm trễ mà Nhất-Linh đến chơi sớm quá, gặp lúc nhà-in

đưa ấn-cáo đến, thì anh lại góp phần thay đổi vài chữ trong bài thơ mới của tôi. Có khi chúng tôi đồng ý, có khi chúng tôi không đồng ý, nhưng đều lấy làm thú-vị quá.

..

Nhất-Linh ít hay nói chuyện chính trị, chuyện cách mạng với tôi. Nhưng có một lần, nhân thưởng văn mà dính chút câu chuyện cách mạng. Về cuối năm 1953, ông Trần-Trọng-Kim từ trần. Các đoàn thể văn-hóa ở Sài-gòn có thiết lễ truy điệu. Ban tổ chức ủy tôi soạn và đọc bài văn tế trong buổi lễ.

Sáng chủ nhật 13. XII. 53 là ngày hành lễ. Thi sáng thứ hai 14. XII. 53, Nhất-linh đến chơi với tôi rất sớm để hỏi thăm. Anh nói rằng : Mặc dầu anh không đồng chính kiến với ông Trần Trọng Kim, nhưng anh cũng nên đến dự lễ mới phải. Anh không nói ra vì lý do gì mà anh không đến được, nhưng mà nghe trong câu chuyện, hình như anh tự phàn nàn và tiếc là sao anh vắng mặt. Huống chi, ngoài đường lối chính trị thì hai đảng cũng đều là hai người văn-hóa có văn nghiệp to lớn cả.

Rồi thì anh đòi tôi cho anh coi bài văn tế. Anh đọc rất kỹ, như có ý tìm một điểm gì trong lòng bài văn. Sau cùng, anh vui vẻ khen là tác giả làm văn-tế dùng chữ biết cân nhắc đắn đo. Tôi hỏi lại anh. Anh chỉ mấy chữ mà anh bằng lòng hơn hết :

Đoạn tán tụng người quá vãng có câu :

Trí dôi sáng mặt trời

Học noi sâu lòng bể

Anh Nhất-linh chỉ vào tiếng *dôi* và tiếng *noi* mà bảo rằng : Nếu không có

hai tiếng này thì hồng, vì rơi vào khuyên sáo cổ văn rồi.

Đến câu :

*Đàn xưa văn-hóa, nghệ từ chương
từng tỏ dạ ưu thời ;*

*Hội mới vũ-đài, tài chính trị thư uôm
tay khùng thế.*

Nhất - linh tỏ ý thường thức và khuyên ba tiếng « thư uôm tay ». Anh cho rằng ba tiếng « thư uôm tay » chẳng những đối với ba tiếng « từng tỏ dạ » rất đắt mà còn phán đoán rất đúng công việc chính trị của Lê-thần tiên sinh.

Xong, Nhất-linh nghiêm trang như nói với tôi, và cũng như nói với mình: « Có lẽ vì thế mà thất bại cũng nên ! »

Khi đó tôi đã nghĩ, mà đến bây giờ tôi cũng còn nghĩ : Bao nhiêu người nước mình xưa nay làm cách mạng làm chính trị, đã có ai dám tự phụ và chắc chắn rằng mình không phải là người « thư uôm tay ». Nhưng mà, ai nấy cũng biết rằng và quốc dân cũng đều biết rằng : Tay ai cũng là tay thư uôm mà can trường ai cũng đều là can trường son sắt cả.

Uôm tay thì có khi thất bại, nhưng sắt son nào mà lại chẳng thành công, và lòng son dạ sắt nào mà chẳng vĩ-đại huy hoàng.

Tôi lại nhớ đến việc sát thân thành nhân của Nhất-Linh rồi !

..

Điều tôi nhớ về Nhất-Linh gần đây là việc chơi hoa phong-lan.

Việc chơi phong-lan của Nhất-Linh khoảng năm 1956-1958 đã gây thành

phong trào, gần bành trướng như phong trào Tự-lực văn-đoàn thuở nọ. Hình như con người đó có tay làm lành tụ và dẫn khởi trào lưu nghệ thuật.

Lạ lùng lắm. Mấy năm đó, từ Đà-lạt về Sài-gòn, ai cũng nói đến chuyện chơi phong-lan. Nhà nào cũng treo lủng lẳng vài ba chòm phong-lan. Có nhà gây thành một vườn lan nho nhỏ. Rồi còn triển lãm, còn trưng bày, bán giá thật cao cho thiên hạ tranh nhau mua bán giữa chợ đời phong nhã. Thiệt lạ lùng !

Năm đó, tôi lên chơi Đà-lạt, đến thăm Nhất-Linh. Anh cho tôi thưởng thức cảnh lan thất của anh. Anh đã tập hợp hàng ngàn giống phong-lan khác nhau, mà tự anh đi vào rừng sâu lấy về. Anh kể lại bao nhiêu công trình khó nhọc, khi tìm được một chòm phong-lan. Anh kể rằng càng ở những nơi suối đá rừng sâu, càng thích hợp cho loài cộp, thì lại càng thích hợp cho loài hoa lan giống lạ. Nếu ngại đến các nơi nguy hiểm đó, thì đừng hòng lấy được dị phẩm kỳ-hương của loài hoa u-cốc. Anh đã vén chân lên khoe những vết thọc rướm máu, thâm đen, trong khi lội vào rừng núi bị gai gổc, bị muỗi đốt, bị đĩa bám, bị vắt đeo, bị mối đốt tàn nhẫn. Nhưng mà say mê vẫn cứ say mê.

Tôi nghĩ, trong lãnh vực nghệ thuật văn chương, với nhiệt độ say mê đó, Nhất-Linh thành công là phải.

Anh có rủ tôi chơi phong - lan, nhưng mà tôi từ chối, vì một lẽ rất giản dị là tôi vốn lười, chịu cực không nổi ; không làm sao thức đêm thức

hôm để chăm chút sân sóc nâng niu gìn-giữ một chòm lan.

Tôi đã đưa cho Nhất-Linh một bài thơ « Đề Vương giả hương đình » nói về chí thú của tôi đối với việc chơi lan. Bốn chữ « Vương giả hương-đình » cũng từ đó mà có.

Đề Vương-giả hương-đình.

*Đầu đây thoang thoảng gió hương ngàn
Hương gió ngàn chàng hương gió lan
Cho mực đượm vào hương sắc - nước
Cho thơ hòa với gió mơn man.*

*Phương tâm tìm được trong vương-giả
U-cốc gần nhau giữa thế gian*

*Dầu chẳng đã rêu dầu chẳng nổi
Lòng tiêu côi tục cũng thanh nhàn*

Bây giờ đám phong-lan của Nhất-Linh đã chết khô rồi, túp lan thất thảo lư của anh ở hồ suối Đa-mê cũng đã sập đổ rồi, bài thơ lan của tôi lạc lõng còn đây. Đang khi gió mưa hiu quạnh, nhắc lại chuyện cũ, đọc văn thơ xưa, kể mất với người còn, xiết bao là nỗi trù trướng thế lương.

..

Đã lâu lắm, từ năm 1959, tôi không gặp Nhất-Linh nữa. Anh cũng bệnh mà tôi cũng bệnh. Gặp nhau mà nói với nhau những bismuth, những gastropansement, những carbonésic thì chán quá.

Nhưng mà, có một lần, cách đây ba năm, nhân buổi nhóm họp của Bút-Việt, tôi được gặp anh thì anh đã tiêu tụy nhiều quá. Có lẽ tôi cũng tiêu tụy không kém anh. Anh khoe tôi đôi câu-đôi Hán-tự, chữ của một tay bút thiếp

Tàu viết khá đẹp. Anh nói rằng câu đối này, người bạn tặng anh hồi anh gây cảnh trại hoa phong - lan ở Phinôm. Câu đối rằng :

*Địa phân thành thị lâm tuyền bán
Như dư kỷ sơn tú thủy tam*

Tôi nói rằng tác-giả câu đối này muốn gò chữ Tam tên anh, nhưng mà thiếu chữ Nhất thì tôi chưa lấy làm thú, bởi vì tôi yêu chữ Nhất hơn chữ Tam. Lại nữa, chữ bán đối với chữ tam không cân. Anh nói khó mà chữa cho ổn vì chữ bán ở về trên đó là chữ đức của câu có sẵn « bán thành thị bán lâm tuyền » Nay muốn bỏ chữ bán thì thật khó.

Tôi nghĩ một chút rồi chữa về đối lại rằng :

*Địa kiêm thành thị lâm tuyền nhất
Nhân dư kỷ sơn tú thủy tam*

Câu nguyên-văn nghĩa là : Đất chia (phân) một nửa thành thị và một nửa lâm tuyền. Câu chữa thì nghĩa là : Đất gồm (kiêm) cả thành thị cả lâm tuyền chung vào một cuộc. Nghĩa câu văn vẫn thế mà gò được chữ Nhất, tức là Nhất-Linh, để đối với chữ Tam, tên anh ở về dưới.

Nhân đó mà chúng tôi nói lan-man đến thú chơi câu đối. Chúng tôi cho rằng trong thế giới, duy chỉ có nước Tàu và nước ta mới biết thú chơi câu đối, và biết thưởng - thức văn-chương câu đối. Đem nét chữ câu văn mà điểm nhiệm cho cảnh lâu đài ; nét kiến trúc nhờ câu đối mà thêm phần ý nhị. Chỗ thư trai khách thính nhờ có câu đối mà thêm thanh thú trang nhã ;

chỗ viêm lâm đình tạ nhờ có câu đối mà thêm tinh mịch u nhân.

Câu đối biểu lộ niềm vui nỗi buồn trong tình giao tế. Trong văn học sử Việt-Nam, câu đối đã chiếm một địa vị khá quan trọng. Quan trọng nhất là những câu đối phúng, nhiều câu thâm trầm tha thiết lắm. Tôi nói rằng, từ thời kỳ cận kim cho đến thời kỳ Trung-hoa dân quốc cách mạng, người Tàu thích làm câu đối dài hàng trăm chữ. Ảnh hưởng đó sang Việt-nam. Các nhà nho cách mạng nước ta, như các cụ Mai-Sơn, cụ Sào-Nam, làm nhiều câu đối rất dài.

Như câu đối của các văn thân Nghệ Tĩnh viếng cụ Phan-Đình-Phùng dài đến 160 chữ. Như câu đối điệu nội của cụ Mai-sơn Nguyễn-Thượng-Hiền làm trong lúc xuất bến ở Tàu, gởi về nhà, dài đến 88 chữ. Như hồi năm 1934, cụ Phan-Sào-Nam, cũng đã làm một câu đối viếng Toàn quyền Pasquier tử nạn tàu bay, dài đến 98 chữ. Tôi khoe với Nhất-Linh và Vi Huyền-Đắc, là tôi đã từng làm một câu đối dài đến 174 chữ, viếng cụ Minh-viên Huỳnh Thúc-Kháng mất ở Quảng Ngãi năm 1946 trong thời kỳ quốc biến. Câu này còn dài hơn câu đối viếng cụ Phan-Đình-Phùng những 14 chữ. Anh Vi Huyền-Đắc cười bảo: « Các nhà làm câu đối dài như vậy là tham chữ, chớ hay gì mà hay! ».

Anh Nhất-Linh nói rằng: Dài một chút cũng không hay, mà ngắn một chút cũng không hay, có ai làm được câu đối vừa đúng 100 chữ chẵn, nghĩa là mỗi vế có 50 chữ không hơn không kém thì mới lạ. Câu nói có vẻ trào

phúng đó của Nhất-Linh làm cho ai nấy vui cười rồi bỏ qua. Chuyện đã cách đây hơn ba bốn năm rồi.

Hôm Nhất-Linh tuân tiết, tôi nghĩ câu đối bằng điệu người thung-dung tự nghĩa. Viết ra kiểm điểm lại, tự nhiên vừa đúng 100 chữ, vế trên 50, vế dưới 50 không hơn không kém. Câu đối này có lẽ muốn thêm ít chữ nữa cũng được mà muốn bớt đi ít chữ nữa cũng được, nhưng tôi cứ muốn để y số 100 chữ như vậy. Tôi chép y nguyên văn ra đây để chút lưu niệm về giai thoại câu đối trăm chữ nhớ người xưa.

100 CHỮ ĐỐI VIẾNG NHẤT LINH

MỘT thời còn nức thanh danh,
nền xã-hội chí canh tân sắp
sẵn, mở trào lưu khơi rộng
ngõ tâm tình, trước rồi sau
Phong-hóa Ngày-nay, đoàn
Tự-lực gây nên, bút tài
hoa lỗi lạc, mũi thép sắc
ngôi, làng báo đàn văn tay
lành-tự.

NĂM đất không chôn sự nghiệp,
tòa cường quyền án chuyên
chế dừng tuyên, xét công tội
đề cho phần lịch-sử, khinh
với trọng lòng hồng non
Thái, nghĩa thành-nhân chọn
lấy, tiệc chánh khí huy hoàng,
rượu đời cận chén, đường
mây nẻo gió bước thung
dung.

ĐÔNG-HỒ

18--71963

(Văn cả o Tang thương tạp ký)

NHÀ VĂN NHẤT-LINH

và một kẻ đến sau

● VŨ - HẠNH

CHÚNG tôi không có dụng ý bất chính mượn ngày kỷ-niệm nhà văn Nhất-Linh để nói về mình. Nhưng trước và sau ngày ngày nhà văn ấy từ giã chúng ta để về cuộc đời bất diệt, tôi đã được nghe nhiều bạn làm văn ở nhiều lứa tuổi khác nhau bình luận về người theo nhiều quan-điểm. Tôi mạn phép đem những mối cảm-tình của mình, là một độc giả, cùng những biến chuyển của cảm tình ấy mà kể ra đây, hi-vọng góp thêm được khía cạnh nào trong tầm ảnh hưởng của nhà văn ấy đối với một lớp đến sau.

Lứa tuổi chúng tôi, khi ngồi trên ghế nhà trường tiểu-học đã nghe các bậc đàn anh của mình nói về Nhất-Linh như một thần-tượng. Thời ấy, chúng tôi chẳng hiểu gì nhiều về nhóm Phong-hóa, Ngày-nay, Tự-Lực văn-đoàn. Tất cả tác-phẩm của văn-đoàn ấy, bây giờ chúng tôi cũng chưa đọc hết. Tuy vậy, không phải vì thế

mà Nhất-Linh kém hẳn phần hấp dẫn đối với chúng tôi. Trái lại chúng tôi vẫn tưởng tượng anh như một con người đặc biệt, thuộc vào tầng lớp phi thường. Vào cái thời buổi thiên hạ chỉ thích học cao để kiếm địa vị trong chốn quan trường thì anh lại theo đuổi ngành khoa-học. Và theo khoa học, lại làm văn-chương, và làm văn chương xuất sắc, kết tụ được bao nhiêu là cây bút tài hoa, tổ chức nên một văn đoàn tự nhiên có đủ thẩm quyền đánh giá văn-chương như một tổ chức Hàn-lâm, đó là những điểm khiến cho lớp trẻ chúng tôi thời ấy hết lòng thần phục. Nhưng lòng yêu mến nhà văn, không chỉ giới hạn ở trong cuộc đời của nhà văn ấy mà chính là qua cuộc đời của biết bao nhiêu nhân vật mà nhà văn đã truyền cho sức sống nhiều vẻ, nhiều màu. Kể ra, sự thần phục ấy quả có đem lại cho tôi khá nhiều đau đớn. Khi còn ngồi ở lớp ba, lớp

nhì, vì bất chước tờ Ngày-Nay, chúng tôi cũng làm báo tay giễu cợt mọi người, kể cả thầy giáo, hiệu-trưởng và thanh-tra, để rồi cuối cùng nhận lãnh của trường những trận phạt đòn chí tử. Đây là không kể bao nhiêu đòn khác, không bằng roi vọt, mà về sau này cuộc đời đã dùng để đổi phỏ lại nụ cười giễu cợt mà bọn chúng tôi đã vay mượn của Phong-Hóa, Ngày-Nay và sửa đổi lại cho hợp ý mình.

Lớn lên ở bậc Trung-học, chúng tôi đã bị thể-chiến thứ nhì làm cho xao lãng Tự-Lực văn-đoàn nhưng không vì thế mà quên Nhất-Linh. Ở vào lứa tuổi đói khát thần-tượng, chúng tôi nhìn quanh nhìn quất, nào thấy ai đâu? Cuối cùng chỉ còn có mỗi Nhất-Linh xa vời mà gần gũi, đẹp màu tinh-khiết văn chương, giàu sức quyến rũ lý tưởng, dù lý tưởng ấy chỉ là tiếng gọi chói vời, mơ hồ.

Ngoài sự kính phục, lòng yêu của lớp chúng tôi đối với Nhất-Linh, thời ấy, có một vẻ gì say mê khó hiểu. Chỉ dựa vào đôi hiểu biết rời rạc, chúng tôi đã cố hình dung một người thật rõ với những chi tiết thêu dệt để thỏa mãn sự nhìn ngắm bên trong của mình. Chúng tôi nghĩ rằng hầu như những gì mình mến, mình yêu, mình tha thiết đến thì nhà văn ấy cũng đều tha thiết, mến yêu như mình.

Nhưng trên thực tế, tất nhiên không thể như vậy.

Tháng tám, 45, Cách mạng bùng lên lôi kéo chúng tôi vào trong cơn lốc của những phong trào «đánh Tây, đuổi Nhật». Lứa tuổi 15, 16 không có biết gì chính-trị, chỉ tuân theo hai nguồn

cảm nhiệt thành: hoặc là thương yêu, hoặc là thù hận. Và chúng tôi mang hết lòng thù hận nhìn về kẻ thù.

Qua năm 46, tôi nghe bùng nổ vụ Ôn-Như-Hầu và có nhiều vụ khác nữa. Chúng tôi thật sự không ai hiểu biết gì hết. Nhưng trong những người gần gũi tôi nghe nhiều lời nói đến Nhất-Linh — nói đến ông Nguyễn-Tường-Tam — với những giọng điệu không mấy cảm tình. Tấm lòng yêu quý Nhất-Linh bị thương tổn nặng và óc tò mò kích động, tôi quyết đi tìm cho rõ sự thực. Sau khi thuyết phục thầy tôi, tôi lãnh một món tiền lớn để ra Hà-Nội mua đồ phụ tùng xe hơi. Thâm ý của tôi là đi chiêm ngưỡng Nhất-Linh, tìm hiểu ít nhiều sự thực về người để so sánh với những lời đồn đãi hoang mang.

Tôi đem cái sự ngớ ngẩn của một thiếu niên phổ phổ ra chốn kinh-thành và mang ý thức tò mò tìm biết của một lứa tuổi 16, 17 lang thang vô định suốt ba mươi sáu phố phường. Cuối cùng, tôi vẫn không biết vụ Ôn-Như-Hầu ra sao, không biết rõ ông Nhất-Linh diện mạo thế nào, và cả tòa báo Ngày-Nay gần gũi với tôi như thế, bây giờ nằm ở nơi đâu trên đường Quan-Thánh. Thà cứ nằm yên ở chốn quê nhà có lẽ tôi còn thấy rõ ràng hơn qua sức tưởng tượng của mình!

Một mỗi sau một tuần lễ phiêu lưu vô bổ vì không có một người quen ở chốn kinh-kỳ hướng dẫn, tôi lang thang vào Nam-Định cốt mua một ít vật dụng đem về. Tôi lạc vào một tiệm buôn khá lớn — tiệm buôn Nghĩa-Lợi — ở gần phố chợ.

Có lẽ nhìn thấy được vẻ ngu ngốc của tôi và cái tướng mạo hung-hãn của một thiếu-niên ở trên ngưỡng cửa trường-thành, chủ tiệm gạo bán cho tôi một ít súng... lậu. Nghĩ rằng giữa lúc tình hình sôi nóng có thể nổ ra chiến tranh bất cứ lúc nào, tôi đem khối óc ngây ngô để tưởng tượng rằng biết đâu trên quãng đường về tôi không bị giặc vây hãm, cần phải mở con đường... máu mà đi. Thế là bao nhiêu tiền bạc mang theo tôi đem giao hết cho ông Nghĩa-Lợi để lấy một khẩu tiểu liên Mauser còn mới tinh hảo, kèm theo ba trăm viên đạn sáng ngời bạc trong một chiếc khăn lông thơm phức.

Nhớ cái anh chàng mà Franklin kể lại, dành dụm bao năm được một món tiền, ra chợ đổi hết lấy cái tu-hít, về nhà phòng mang ra thổi điếu ọc mọi người và bị cười cho vỡ mặt. Và tôi, quả có như thế, nhưng còn bị đát hơn nhiều. Vừa đến quê nhà, tôi bị khám xét, súng đạn tịch thu, thân-thể của tôi bị nhốt cẩn thận vào tù. Nhà văn Phan-Du vừa mới ghé lại nhà tôi cũng bị nhốt luôn một tháng.

Không rõ khi mua khẩu súng tôi có nhớ lại chàng Dũng ở trong Đoàn-tuyệt hay không, nhưng biết chừng đâu âm thầm ở trong thớ não, làn da không có một cái ý hướng chép theo tinh thần chiến đấu phiêu lưu như thế. Dầu sao tấm lòng yêu quý Nhất-Linh đã khiến cho tôi chịu đựng khá nhiều... khác khoải trong nhiều năm trời. Rồi chúng tôi bị chiến tranh lan rộng xô đẩy lên nguồn, xuống bể, bị kéo qua miền đồng rộng rừng sâu, bị đe dọa bởi bao nhiêu tai nạn hiểm nghèo.

Thực đã xa rồi cái thời của một anh Duy lái xe bóng lộn đi với tình nhân về thăm đồn-diền trước mắt nông-dân ngờ vực, cũng đã xa rồi cái thuở anh Tân nhìn « bọn » thợ gặt như khách nhàn-du ngắm nhìn cảnh sắc thiên-nhiên và khám phá được mùi lúa chín.. thơm ngây ngất ! Càng xa hơn nữa cái thời anh Dũng ngồi trên đồi cao gió mát thanh thoi miên-man nghĩ về một « đám » dân quê nghèo khổ và chợt thấy họ mới là thành phần đáng kể ở trong dân tộc !

Cứ thế, chúng tôi xa dần các đồi núi cũ lá rụng về chiều, xa dần các đồng ruộng cũ sương mai lóng lánh kim cương, xa hết đồn điền, ô-tô, ông Tuấn, cậu Cử, xa hết chàng nàng kiểu cách, nặng nề, cho đến ngôi nhà bác Lê trầm lặng trong cảnh nghèo nàn bất động cũng không còn nữa !

Cuộc đời dân tộc đang đi, và chúng tôi đi. Cho đến một ngày đất nước chia đôi, dừng chân bên này Bến-Hải, chúng tôi lại được tiếp tục chứng kiến bao nhiêu khuấy động rộn ràng. Giữa những bắn loạn, âu-lo tôi trôi giạt đến Sài-gòn đầu năm 57, không còn vấn vương ở trong tâm não một hình ảnh nào của thời Tự-Lực văn-đoàn.

Bảy giờ sinh-kế lôi kéo chúng tôi, và chúng tôi phải mất hút ở trong sinh kế. Rồi tôi nghe anh ra tờ *Văn-Hoa Ngày-Nay*, tiếp tục xuất bản nào *Viết và đọc tiểu thuyết*, *Mỗi tình chân*, *Dòng sông Thanh Thủy*... Tôi có chăm chú đọc các tác phẩm sau này và nhận thấy anh không còn tráng kiện như xưa, không còn lại cái tài-hoa vững chắc ngày nào. Về mặt văn học — và

có lẽ về cuộc đời — quan niệm của anh vẫn còn giữ nguyên những nhìn nhận cũ, nếu không nói rằng anh đã mệt mỏi nhiều hơn, đã có âm-thầm biểu lộ bao nhiêu chán nản về những sinh-hoạt trước mắt. Trong các tác phẩm sau này rõ ràng anh đã già từ xã-hội, già từ văn học, già từ tất cả thực tại để đi miên man vào trong một sự thoát-ly rất đời xa vời. Và ở một người như anh, sự thoát ly ấy quả có làm cho chúng tôi nhiều phen khó chịu lạ lùng.

Vì thế, mặc dầu sống giữa chúng tôi anh vẫn trở nên xa cách, lạc loài. Cái mà nhà văn dùng để giải quyết về đời, ấy là tác phẩm. Tác phẩm trước hết là một thái độ, một thái độ sống đề nghị với đời. Chúng tôi còn tha thiết sống, còn tin tưởng ở khá nhiều chân-lý của trần gian này, làm sao có thể thông cảm dễ dàng với sự mệt mỏi dường kia, làm sao có thể ngược nhìn tầng mây xanh thẳm trong khi chân vẫn gập ghềnh bước giữa nhân-sinh?

Đôi lúc chúng tôi quả có mệt mỏi ở giữa cuộc đời này thực. Do đó chúng tôi mong được khích lệ, nâng đỡ, chứ không muốn có nhiều những bàn tay — dù bàn tay ấy cao trọng bậc nào — dắt dẫn chúng tôi trốn thoát thực-tại. Ngày xưa, nhiều người trong bọn chúng tôi cũng đã trốn thoát theo anh, theo các tác giả ở trong Tự-lực văn-đoàn. Nhưng mà cái anh chàng Lộc tâm thường trong *Nửa Chiều Xuân*, dù có nói chuyện lý tưởng, chắc vẫn ngồi nguyên để giữ cái ghế bài ngà tri - huyện mà thôi. Còn cô Lan kia, ở trong *Hồn*

Bướm Mơ Tiên, dù có nói chuyện lý tưởng, cuối cùng cũng đã bỏ chùa, bỏ sư mà về tìm kiếm anh Ngọc ở chốn phố phường như về sau này Khái - Hưng đã viết trong truyện *Hương Gây mùi nhớ*. Chắc chắn anh Duy trong *Con Đường Sáng* đành phải bỏ cuộc canh-tân đồng ruộng của mình. Và còn cậu Dũng cô Loan, sau khi được anh giúp họ *Đậu Tuyệt* với gia đình cũ bằng sự bất ngờ ngàn năm có một, đã bị ném vào cuộc đời bụi lốc một cách ngang ngược, để chịu một bước phiêu lưu vô-định lạ thường.

Cứ theo mãi con đường ấy mà đi chắc chắn cuối cùng chúng tôi sẽ lại gặp sự mệt mỏi, như Duy đã mệt mỏi rồi, như Dũng và Loan chắc đã mệt mỏi. Nhưng dầu mệt mỏi bao nhiêu vẫn không đáng sợ. Đáng sợ hơn hết là nỗi bơ vơ bị thẳm của những con người ở một chặng đường nào đó, cúi nhìn chỉ thấy có mỗi bóng mình cô độc ở trên khoảng vắng mênh-mông. Trong mỗi khiếp hãi đột nhiên bốc dậy giữa một cảnh tình như thế, làm sao tránh thoát một cuộc phiêu lưu hấn-loạn nhiều hơn trong nhiều ngõ-ngách cuộc đời?

Vì vậy, mấy năm sống ở Sài gòn, nghe nói nhà anh ở ngã An-Đông, tôi vẫn không thấy ham thích tìm đến thăm anh. Phải chăng trong đó có một nỗi niềm sợ hãi dĩ vãng, sợ hãi bất gặp hồn mình buổi trước? Nhớ cái thời nào muốn nhìn cho được mặt anh tôi phải băng vượt hàng ngàn cây số giữa một tình thế khó khăn, mà vẫn không sao toại nguyện. Phải chăng đó cũng thuộc loài thương-hải tang-diễn ở trong

những chuyện tâm-tinh, và đó quả là đầu-bể xót xa hơn hết?

Khoảng năm 60, một số bạn hữu rủ tôi vào Hội Bút-Việt. Vừa đến trụ sở, tôi gặp được anh nơi cửa. Sau sự giới thiệu, tôi ngăm nhìn anh khá lâu. Người anh gầy yếu, hai má hóp sâu, tiếng nói run run ngắt quãng, đôi mắt mở rộng có một cái nhìn mê-sảng như đang dõi theo một thế-giới nào xa lạ với cuộc đời này. Rõ ràng là anh Nhất-Linh, thần tượng của tôi trong một quãng đời niên thiếu, đang hiện nguyên hình xương-thịt ở trước tôi đây. Có một chút gì ngờ ngác, bàng-hoàng, nhỏ nói nên lời.

Từ ngày niên thiếu sục sạo tìm anh cho đến bây giờ, mười lăm năm đã trôi qua! Dân tộc chúng ta, trong suốt cái khoảng thời gian bằng sự lưu lạc của Kiều, quả có phong trần dày dạn hơn Kiều nhiều lắm. Còn anh, tiểu tụy, héo mòn, hợp làm gì đây với bọn chúng tôi trong cái trụ sở Trung-Tâm Văn-Bút âm thầm, nép sau con đường rác rưởi bùn lầy của chợ Cầu Muối, trong cái ngõ hẻm Cô-Bắc không có lối thoát?

Tôi nói :

— Thưa anh, tôi là một kẻ ngưỡng mộ tài anh từ khi chúng tôi hãy còn niên thiếu. Bao lần muốn được thấy anh, bây giờ mới lại hân hạnh gặp mặt.

Anh nhìn chăm chăm vào tôi không lộ một mảy may nào xúc động. Đời anh có biết bao lời khen tặng đáng giá gấp trăm ngàn lần lời nói vừa rồi. Và cũng có biết bao nhiêu những câu đối trá, đả bôi trong những trường hợp

xã-giao tương-tự. Không, anh chẳng có một chút gì tin ở lời tôi, cũng không có một chút gì nghi hoặc. Anh nhìn chăm chăm vào tôi, nhưng chắc anh mãi bận nhìn nơi khác, đắm chìm trong một ảo tưởng mênh mông có những xao xuyến bất thường. Chúng tôi cùng đứng lặng yên như thể lát giây. Trong lát giây ấy, tôi cảm thấy cái « *ngau thu uica chớp* » của Vũ Hoàng-Chương chợt sáng bừng lên sau tiếng máy xe thoáng dịu ngoài đường. Và cũng trong thoáng giây ấy, tôi thấy rõ ràng được sự ngán ngùi của một hào quang nhân thế và các văn tài ở trong hoàn cảnh chúng ta chỉ là loài hoa hết sức chóng tàn.

Một lần sau đây, vào một chiều mưa chúng tôi đi họp Trung-Tâm Văn-Bút về muộn, gặp anh đứng nép dưới một mái hiên hè phố. Chúng tôi phảng phất nhớ lại một hình ảnh nào thu hình lạnh lẽo trong *Nhật lá bàng*, giữa cái lạnh lẽo về đông của một đêm tối rất xưa. Chúng tôi dừng xe, mời anh lên đang đưa về. Anh vờ nhiều vờ chối từ rồi mới nhận lời. Đến một đường vắng, anh bảo chúng tôi đỗ xuống. Trong thời gian này anh gần như sống trong sự lo ngại, trong nỗi khắc khoải, luôn luôn ở trong trạng thái hồ-nghĩ, thắc thỏm khác thường.

Rồi anh từ chối ngồi trong Văn Bút, và hai ba năm trôi qua không còn thấy bóng dáng anh.

Đến ngày 30 — trước ngày mà anh tự tử một tuần — là ngày đại hội thường niên của hội Văn Bút, để bầu lại ban Thường Vụ, anh lại xuất hiện trước sự ngạc-nhiên của rất nhiều người. Anh ngồi gần tôi và hỏi :



Nhất-Linh trong buổi họp mặt cuối cùng tại Hội Bát-Việt
 Từ trái sang phải : Nhất-Linh, Nguyễn-Hoạt, Vũ-Hạnh, Lê-Văn-Hoàn

— Anh thấy văn nghệ lúc này ra sao ?

Tôi đáp :

— Thừa anh, tôi nghĩ trong lòng có vui mới thích ca hát, có no mới thích chuyện trò, có tin tưởng nhau mới thích tâm-sự. Ở trong điều kiện hiện tại văn nghệ đang nằm trong sự khủng hoảng nặng nề.

Anh lại hỏi :

— Thế họ sống như thế nào ?

— Sống bằng quảng cáo và sống thiếu thốn. Còn anh, ngày xưa anh sống thế nào ?

Anh đáp :

— Chúng tôi sống bằng lý tưởng của mình, và sống hết sức đầy đủ.

Tôi đưa cho anh hai quyển sách mới của nhà xuất bản Văn Nghệ mà anh

Lý-Hoàng-Phong vừa gửi tặng tôi, rồi nói :

— Anh xem, sách vở bây giờ khá đẹp.

Anh cầm sách, ngấm nghĩa rồi đặt lên trên mấy quyển sách khác ở trước mặt mình.

Xong, anh quay lại tôi :

— Tôi nghĩ phải nên khuyến khích anh em sáng tác. Văn-nghệ dần dần rồi nó phải lên.

Tôi đáp :

— Anh cho phép tôi bày tỏ : văn nghệ liên quan đến cái tinh thần xã hội. Tôi tưởng tùy theo cái tinh thần ấy tốt xấu ra sao, văn nghệ hoặc là đi theo, hoặc là chống lại thì mới lên được. Đáng này chúng ta không theo, cũng không chống lại.

Anh bỗng giữ một vẻ mặt lạnh nhạt như khi ta nghe một kẻ ăn nói lơ lửng và ta không muốn chấp nhận. Rồi anh lấy thuốc ra hút. Anh quẹt nhiều cây nhưng che đậy mãi vẫn bị quẹt mấy trên trần thối tất. Tôi nói:

— Anh đừng che lại. Cứ chia ra gió rồi gió thổi cháy bùng lên.

Anh vui vẻ nghe theo, nhưng không có một que nào cháy được. Anh bảo:

— Gió nhẹ thì được. Gió mạnh cây diêm không sao chịu nổi.

Anh nói có lý. Một ngọn đuốc lớn mới cháy bùng lên trước cơn gió ngược.

Rồi anh cúi xuống dưới bàn, quẹt diêm. Và đốt được thuốc. Phải chăng đó cũng là một cách thể ở đời?

Đến giờ hội họp, anh em bầu anh ngồi ghế chủ tọa. Anh nhận lời và muốn tôi làm thư ký nhưng hội nghị không chấp thuận vì trên nguyên tắc tôi đã có chân trong Thường vụ cũ bây giờ không được dự phần vào một tổ chức chuẩn bị cho sự đổi thay người mới. Tôi nhường ghế lại cho một người khác. Nhưng cách bức anh, tôi càng nhìn rõ anh hơn. Có một vẻ gì bất thường trong cách đối xử của anh hôm nay và sự lạnh lùng đến độ dè dặt của anh trong nhiều giây phút trông thực thâm nảo. Tôi viết mảnh giấy đưa cho bác Hình, là người thường trực tại Hội, nhờ bác tìm cho một người thợ ảnh. Bác nói:

— Hội sẽ không chịu trả tiền cho thợ ảnh đâu.

Tôi đáp:

— Đã ba năm nay mới lại gặp anh Nhất-Linh. Ba năm không họp, bây giờ giữa lúc dầu sôi lửa hồng thế này lại đến đi họp, quả là một chuyện bất thường. Tôi muốn ghi lại sự bất thường đó. Tiền ảnh bao nhiêu, tôi sẽ thanh toán.

Bác Hình gọi người thợ ảnh và tôi dặn anh chỉ chụp hình anh Nhất-Linh mà thôi. Khi xong cuộc họp thấy anh mang về những sách anh Lý-Hoàng - Phong đã để tặng tôi, tôi biết anh tưởng lầm tôi trao tặng cho anh. Tự nhiên, qua sự lầm lẫn rất vô tình ấy, tôi thấy có một chút gì ái ngại, nếu không gọi rằng xót xa. Từ lâu, tôi biết khá nhiều anh em giới văn nghệ trẻ không còn nhìn thấy anh Nhất-Linh nữa. Không kể những người muốn chối từ anh, còn có nhiều bạn cơ hồ như quên hẳn anh và sách vở họ in ra, họ không nghĩ đến tặng anh như tặng một người bạn văn nào khác, có thể cách xa nhưng mà đồng-diệu. Những tác-phẩm anh có đấy, vẫn giữ được cái sắc sảo phần nào, nhưng có vẻ gì lạc lõng, xa lạ giữa những sinh hoạt chứa đầy biến chứng. Tôi làm thỉnh, để anh mang sách về nhà. Nhưng tôi ngại rằng một lúc nào đó, giở ra, anh thấy những lời đề tặng cho tôi, anh sẽ ái ngại. Do đó tôi vội tìm đến anh Lý Hoàng Phong, nói rõ sự tình cho anh ấy biết và xin anh ấy hai quyển sách đặc biệt khác nhờ đề tặng anh Nhất-Linh. Tôi định sẽ mang sách ấy đến anh, và xin lỗi anh về sự « đưa lộn » của mình để anh khỏi thấy buồn lòng. Anh Lý Hoàng Phong đồng ý như thế và hẹn sẽ gửi sổ sách đến tôi trong một

vài hôm. Tôi chưa nhận được sách gửi thì nghe nhà văn Nhất-Linh đã uống độc được từ trần.

Nhất-Linh đã chết để phản đối bọn bạo quyền! Cái sống của anh, từ những buổi đầu, đã đưa anh vào lịch sử văn học. Cái chết của anh, trong một đoạn cuối, đã đưa anh vào lịch sử chính trị. Cái khéo của anh, riêng về phần anh, là đã biết lựa một sự bước vào và sự đi ra đúng lúc, kịp thời.

Trong những năm về sau này, phần đông chúng tôi đều nghĩ rằng anh đã thuộc hẳn về dĩ vãng, anh bị quên rồi. Có người cho rằng anh đã ra khỏi cuộc đời dân tộc, đã thoát - ly khỏi sinh hoạt chung quanh. Nhưng với cái chết, anh đã chiếm lại vị trí cao vọt ở trong thực tại, và anh có quyền cả ở tương lai. Anh giúp chúng tôi thấy rằng không ai có quyền tuyệt vọng về ai và ta phải biết đợi chờ nhiều hơn những điều mà ta tưởng mình có thể nhận được. Anh quả không chết như một chiến sĩ ngã gục giữa chốn đầu tên mũi đạn sau khi chiến đấu đến phút cuối cùng. Cái chết của anh gọi lại truyền thống Đông-phương, trong đó kẻ sĩ tự đành lấy quyền xử liệu lấy mình, chứ không để cho kẻ thù xâm nhục. Những gì tinh túy ở trong tinh thần cổ điển, anh vẫn giữ được vẹn toàn, vì vậy khi anh từ già cuộc đời lại chính là để vĩnh viễn nhập vào dân tộc. Trong cái chết ấy, anh còn giữ được vẹn toàn cốt cách của một nghệ sĩ tài hoa, nhân lúc không ai chờ đợi đã thực hiện được màn chót của mình trong sự xúc động tràn đầy, cứu gỡ bao nhiêu trầm lặng về phần đoạn giữa

và hô-ứng được hoàn toàn với sự sáng chói của một màu đầu.

Anh đã chết đi, giải đáp được bao nhiêu điều thắc mắc cho bản thân anh và cho chúng tôi, là lớp đến sau. Điều mà tôi chịu ơn anh, là anh đã giúp cho tôi tin tưởng thêm lên ở cái truyền thống bất khuất của dân tộc mình trước bọn bạo quyền, ở cái thái độ chia xẻ cuộc đời của người văn nghệ, dù có mệt mỏi hao nhiều cuối cùng cũng vẫn hướng về cái đẹp, và phục vụ cho cái đẹp bằng hết thân mình, vì cái đẹp ấy chính là lẽ phải.

VŨ-HẠNH

SÁCH MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Danh từ thực vật :**

Pháp-Việt của Tiểu-ban Thực-vật-học thuộc Ủy ban soạn thảo danh-từ Khoa-học biên-soạn, Bộ Quốc gia Giáo-dục xuất bản và một soạn giả gửi tặng. Sách dày gần 280 trang, thuộc loại Danh từ khoa học tập V có phần đối chiếu Việt-Pháp, giá 80đ.

— **Thơ Nguyên Sa** tập thơ của Nguyên Sa, do Ngôn-Ngữ xuất bản. Sách dày 118 trang gồm gần 40 bài thơ, giá 70đ.

— **Con bạc**, nguyên tác của Dostoievki, bản dịch của Trương-Đình-Cử, do Cảo-Thơ xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 310 trang, bìa của Thái - Tuấn, trình bày do Hồ-Hải — Bản quý không đề giá.

SÁCH BẢO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

Phi-Lạc náo Hoa-Kì truyện trào phúng dài nối theo « *Phi-Lạc sang Tàu* » trong bộ « *Ngàn năm một thuở* » của Hồ-Hữu-Tường, 294 trang, giá 70đ. Huệ-Minh xuất bản, do tác giả gửi tặng.

Xây mộng, tập đàn trong bộ « *Thuốc trường sanh* » của Hồ-Hữu-Tường, tiểu thuyết kháng chiến và chống tư tưởng Mác-Lê, 244 trang, giá 55đ. — Huệ-Minh xuất bản, do tác giả gửi tặng.

— **Phiên sầu của anh**, tập thơ của Bá Tùng Minh Nhân, Nhị Nguyễn xuất bản, do tác giả gửi tặng — Sách dày trên 20 trang gồm 20 bài thơ, không đề giá bán.

— **Hóa thân**, tập thơ của Viên-Linh. Tạp chí Văn-Nghệ xuất bản,

do tác giả gửi tặng. Sách dày 140 trang, gồm trên 60 bài thơ, giá 70đ.

— **Tây tái Văn-Sơn** tập thơ của Lam-Giang Việt-Thành xuất bản. Sách dày trên 78 trang, gồm 12 bài thơ Hán có kèm theo bản dịch và 16 bài thơ Việt. Giá 30đ.

« **Tâm sự người cha** » tùy bút, thư của Phạm Trung Việt, do tác giả gửi tặng, nhà sách Thanh-Tịnh Quảng Ngãi xuất bản sách dày 210 trang — giá 42đ.

Hắn: tập truyện của Minh-Đức Hoài-Trình, do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 182 trang gồm 14 truyện ngắn, bản quý không đề giá.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bách khoa nhận được :

Con bồ câu lạc (Hương Nhân) Đêm trắng sáng (Vũ Quỳnh) Lời nỏ lệ... (Mặc Duy Thanh) Trăng đêm (Hàn Dạ Lữ) Vọng tưởng (Hàn Dạ Lữ) Sông máu sữa... (Trần Hoài Thư) Những tiếng hét oai hùng (Đình Thuận) Buồn đau chinh chiến (Hoài Diễm Từ) Niềm đau chung (Lệ Trầm Mi) Kỷ niệm (Vũ Hoàng) Mưa... (Triệu Cung Tinh) Tim, đợi (Lê Nguyễn Duyên Phụng) Hao mòn... (Hạnh Băng) Một biển thái... (Ngô Việt Đức) Một thân lưu lạc... (Hà Thảo Yên) Nắng cao nguyên (Trần Dã Thảo) Mưa sóng hồn đô thị (Tạ Đình Thường) Quê hương lưu đầy

(Thái Ngọc San) Mãi mãi (Thy Uyên Trang) Sau cùng (Sa Băng) Gởi cho Phương (Huy Thái) Điện loạn — Đừng nói với J. P. Sartre (Lang Chung) Nỗi buồn thế hệ (Khánh Hoàn) Khúc ca nhân thế... (M.H.) Trầm tư (Đào Phúc Nguyên) Thương bình nguyên (Đỗ Bình Minh) Hoàng hôn (Trường Linh Xuân) Qua đi (Thủy Phương Linh) Trường ca (Thy Uyên Trang) Lưu Thị Bích Đào (Dã Thảo) Lôi Bá Nha (Tân Nguyễn) Trình trắng (In Cung Nghi) Và rồi... (Trúc Li) Mộng.... (Tô Nguyễn) Nhớ biển nhớ tàu... (Thạch yên) Hành trình (Nguyên Châu)

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHOA

(Từ số 169 đến số 180 — Từ tháng 1 đến tháng 6-1964)

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập-chí	Trang
KHẢO-LUẬN				
CHÍNH TRỊ				
1	Thế giới và Việt-Nam trong năm 1963	Việt-Anh	169	5
2	Vi dân có chủ trương trung lập hóa Việt-Nam	Nguyễn-Hữu-Dung	170	3
3	— id —	— id —	171	3
4	— id —	— id —	172	3
5	Việt-Nam tham dự hội nghị quốc tế	Phạm-Lương-Giang	171	17
6	Rostow và Marx trong thuyết tiến hóa xã-hội	Đào-Quang-Huy	172	21
7	— id —	— id —	173	7
8	Một hình thức xâm nhập mới của Cộng-sản	— id —	179	21
9	— id —	— id —	180	19
10	Đại học Huế tranh đấu chống chế độ cũ, qua hai giờ nói chuyện với giáo sư Lê-Tuyên	Nguyễn-Ngu-Í	171	37
11	Nạn tham nhũng	Trần-Thúc-Linh	174	3
12	Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá-Lợi	Phạm-Trọng-Nhân	169	31
13	— id —	— id —	170	21
14	Tôn giáo và chính trị	Lê-Quý-Thành	178	21
15	Vấn đề lập hiến	Đoàn-Thêm	177	11
16	Đề thực hiện dân chủ	— id —	178	3
17	Quốc thiều, quốc kỳ, quốc huy	— id —	179	3
18	Mặc cảm bị trị	Trần-Hương-Tử	173	3
19	Phải tìm ra duyên cớ	— id —	176	49
20	Trầm tư của người tội tử hình	Hồ-Hữu-Tường	172	67

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số chỉ tập	Trang
21	Trầm tư của người tội tử hình : cái nghịệp tiên thiên	Hồ-Hữu-Tường	173	47
22	Trầm tư của người tội tử hình : về vũ trụ	— id —	174	37
23	Trầm tư của người tội tử hình : về hòa bình	— id —	175	51
24	Trầm tư : về nạn đói kém	— id —	176	35
25	Trầm tư : về nạn nhân mãn	— id —	177	55
26	Liên Hiệp Quốc và các nước liên kết Á-Phi	Anh-Việt	174	17
27	— id —	— id —	175	11
28	Cuộc đảo chánh ngày 1-4 ở Ba-Tây	— id —	177	60
<u>DANH NHÂN</u>				
1	Thomas Edward Lawrence	Nguyễn-Hiến-Lê	169	85
2	— id —	— id —	170	43
3	— id —	— id —	171	29
4	Mặc niệm : Nehru không còn nữa	Phạm-Trọng-Nhân	180	13
5	Nehru	Thu-Thủy	179	27
<u>GIÁO DỤC</u>				
1	Lại sắp đến mùa thi	Nguyễn-Hiến-Lê	176	29
2	Góp ý kiến về môn âm nhạc trong kỳ thi trung học Đệ I cấp	Phạm-Thế-Mỹ	176	93
<u>KINH TẾ</u>				
1	Trở lại vấn đề cũ : độc lập kinh tế	Mai-Lưu	169	45
<u>KHOA HỌC</u>				
1	Những giao điểm của nền khoa học tân tiến	Cô-Liêu	169	23
2	Giao điểm sinh vật điện tử	— id —	173	25

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIA	Số Tập chí	Trang
3	Giao điểm lãnh độ	Cô-Liêu	176	41
4	Giao điểm không gian	— id —	180	41
5	Ích lợi của địa chất học	Trần-Kim-Thạch	178	61
6	6 năm phát triển hỏa tiễn	Võ-Quang-Yến	102	169
7	Một tuần không gian	— id —	172	57
<u>NẾP SỐNG NƯỚC NGƯỜI</u>				
1	Lá thư Bruxelles	Mộng-Trung	173	59
2	— id —	— id —	174	43
3	— id —	— id —	178	66
4	— id —	— id —	179	55
5	— id —	— id —	180	56
<u>NGÔN NGỮ HỌC</u>				
1	Xuất xứ danh từ nhân sĩ	Đông-Hồ	169	115
2	Nói về xuất xứ danh từ nhân sĩ	Phi-Y-Tử	174	33
<u>PHÁP LUẬT</u>				
1	Tội nghiệp cho thanh thiếu niên	Trần-Thúc-Linh	176	15
2	Đề tiến tới một nền công lý dân chủ	— id —	180	3
<u>PHONG TỤC</u>				
1	Đi vào Sốc	Sơn-Nam	175	56
<u>SỬ</u>				
1	Một quan niệm về sử học	Phi-Bằng	174	29
2	Đi tìm dấu vết Hùng-Vương	Đỗ-Trọng-Huê	178	11
3	— id —	— id —	179	11

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ Tạp chí	Trang
4	Mối tình giữa một nhà cách mạng Việt-Nam và một học giả Trung-Quốc	Nguyễn-Hiến-Lê	174	13
5	Ấn khảo chứng tích	Nguyễn-Phương	169	77
6	— id —	— id —	170	33
7	Cước chú và thư lục	— id —	172	49
8	Việc dạy sử ở các trường Trung Học	— id —	175	19
9	— id —	— id —	176	21
10	Một phương pháp sử học	— id —	177	43
11	Cái nhìn ra Bắc của Pháp năm 1872	— id —	180	27
12	Phen gặp gỡ cuối cùng giữa con cháu Đại-Minh và Mãn-Thanh	Vương-Hồng-Sên	169	109
TÔN GIÁO				
	Giáo nghĩa căn bản của triết lý Zen	Đoàn-Văn-An	169	95
1	— id —	— id —	170	11
2	Tìm prajnapiti cho thời đại	Thích-Nhất Hạnh	177	62
3		Phùng-Khánh — Lê-		
4	Mấy ý nghĩ về sứ mệnh đạo Phật	Xuân-Hảo	177	51
5	Hai giờ với ông Văn-Phú, chánh thư kí ban thường vụ lâm thời Phật-Giáo Hòa-Hảo	Nguyễn-Ngu-Í	173	21
6	2 giờ với ông Mai-Thọ-Truyền : Phật giáo Việt-Nam và Phật-giáo thế-giới-	— id —	177	82
7	Tinh thần triết học Ấn-Độ — hai giờ với vài vị chức sắc Đại đạo tam ki phồ độ	— id —	175	77
8	Hai giờ với vài vị chức sắc Đại đạo tam ki phồ độ — ngày giỗ tổ Hùng-Vương	— id —	176	98
	Hai giờ với Ô. thư kí hội đồng tinh thần Baha'i Quốc gia Việt-Nam	— id —	179	83
10	Triết lý hành động Phật giáo	Lê-Xuân-Khoa	177	5
11	Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại nhân vụ tấn công Chùa Xá-Lợi	Phạm-Trọng-Nhân	169	31

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chỉ	Trang
12	Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá-Lợi	Phạm-Trọng-Nhân	170	21
13	Một quan điểm hành động của người thanh niên Phật tử	Nguyễn-Thái	177	73
14	Tôn giáo và chính trị	Lê-Quý-Thành	178	21
15	Nam Tông và Bắc Tông hay Tiểu Thừa và Đại Thừa Phật giáo	Thanh-Thuyền	177	19
16	Đàn hỏa và Xá-Lợi	Nguyễn-Văn-Thư	178	29
TRIẾT HỌC				
1	Giáo nghĩa căn bản của triết lý Zen	Đoàn-Văn-An	169	95
2	— id —	— id —	170	II
3	Tìm prajnapiti cho thời đại	Thích-Nhất-Hạnh	177	62
4	Tinh thần triết học Ấn-Độ — hai giờ với vài vị chức sắc Đại đạo tam ki phồ độ (thuật)	Nguyễn-Ngu-Í	175	77
5	Triết lý hành động trong Phật giáo	Lê-Xuân-Khoa	177	5
6	Các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại	Tràng-Thiên	196	9
7	— id —	— id —	174	25
8	— id —	— id —	175	29
9	Góp ý kiến về vấn đề tìm prajnapiti cho thời đại	Trần-Văn-Toàn	179	35
10	Chính trị hóa nền giáo dục	Nguyễn-Văn-Trung	194	51
11	— id —	— id —	175	45
12	Heidegger và bản chất của thi ca	Trần-Hương-Tử	169	53
13	Mặc cảm bị trị	Hương-Tử	173	3
TÙY BÚT				
	Cũng lại hồi ký	Đoàn-Thêm	169	71
VĂN HỌC				
1	Đứa con của nàng Kiều	Vũ-Hạnh	172	15

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chỉ	Trang
2	Một vài nhận xét về đề-án văn-hóa của G.S. Phạm-Đình-Ái	Vũ-Hạnh	178	39
3	Nhà văn Nhất-Linh và một kẻ đến sau	— id —	180	90
4	Bài thơ khóc thầy của chí sĩ Nguyễn-Quang-Diêu	Nguyễn-Văn-Hầu	175	70
5	Tôi đã biết gì về Nhất-Linh	Đông-Hồ	180	83
6	Vài kỷ niệm về Lê-Văn-Trương	Nguyễn-Ngu-Í	174	76
7	Sinh hoạt văn học 1964 có gì lạ	Phương-Thảo	169	147
8	Viện hàn lâm hay viện văn hóa	Đoàn-Thêm	175	3
9	Vài biện pháp phát triển văn học	— id —	176	3
10	Các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại (dịch André Maurois)	Tráng-Thiên	173	15
11	— id —	— id —	174	25
12	— id —	— id —	175	29
13	— id —	— id —	176	9
14	Về một quan điểm văn hóa của J.P. Sartre	— id —	180	51
15	Hochhuth với vở kịch « Người đại diện Chúa »	Nguyễn-Văn-Trung	169	175
16	Đọc « Vũ-trụ chữ nghĩa » của J. P. Sartre	— id —	178	27
17	Triển-lãm Hội-họa Xuân 1964	Thái-Tuấn	180	77
<u>XÃ HỘI</u>				
1	Tội nghiệp cho thanh thiếu niên	Trần-Thúc-Linh	176	
<u>TINH LINH</u>				
	Trà, lược sử và ý nghĩa	Đỗ-Trọng-Huê	169	61
2	— id —	— id —	170	55
3	— id —	— id —	171	11

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ Tập chí	Trang
SINH - HOẠT — VĂN - NGHỆ				
<u>SINH HOẠT</u>				
1	Buổi nói chuyện truy niệm nhà văn Lê-Văn-Trương của Nguyễn-Ngu-Í	Trần-Đại	177	130
2	Triết lý tuyệt hảo trong cuộc đời của Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam — Lễ truy điệu Nhất-Linh Nguyễn- Tường-Tam	Nguyễn-Ngu-Í	169	234
3	Triển lãm hội họa của sinh viên mỹ thuật — Đề nhất đại hội Văn nghệ của sinh viên Âm nhạc và Kịch nghệ Saigon — Biển cổ ngày 30-1-1964	— id —	171	91
4	Sinh hoạt văn nghệ Việt-Nam ở Balê (buổi nói chuyện của Cô Minh-Đức) Sự công bình xã hội giữa thành thị và nông thôn (buổi nói chuyện của ông Dương-Minh-Triết)	— id —	173	92
5	Thế giới ủng hộ cuộc tranh đấu Phật giáo ở nước ta (Thích-Minh-Châu) Lễ phát phần thưởng trường mù (Lê-Tất-Điều)	— id —	177	130
6	Buổi thuyết trình chuẩn bị Đại hội Văn hóa - Ba cuộc nói chuyện trong tuần lễ mừng Phật đản 2508 của Ô. Ô Nguyễn-Đặng-Thục — Đồng-Hồ — T.T. Thích-Minh-Châu	— id —	178	96
7	Giáo sư Đoàn-Văn-An trình luận án tiến sĩ văn chương tại Nhật-Bản	— id —	176	89
8	Kỷ niệm Nguyễn-Du	Nguyễn-Trần-Huân	176	97
<u>DIỄN SÁCH</u>				
1	Độc « Hòa Âm » của Đoàn-Thêm	Nguyễn-Ngu-Í	169	232
2	Độc « Hình bóng cũ » của Sơn-Nam	Cô Phương-Thảo	172	95

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
3	Những mâu thuẫn trong quyển «Lược khảo văn học» của Nguyễn - Văn-Trung	Cô Phương-Thảo	179	41
	KỊCH			
1	Đôi mắt dịu hiền	Vũ-Hạnh	177	88
	PHỎNG VẤN			
1	Trần-Văn-Khê — trả lời cuộc phỏng vấn về Âm nhạc		169	121
2	Tổng kết cuộc phỏng vấn âm nhạc		169	135
3	Hồ-Hữu-Tường — Ba môn nợ tình thần		169	159
4	Lê-Tuyên — Cuộc tranh đấu của đại học Huế		172	27
5	Hai giờ với ông Văn-Phủ, chánh thư ký ban thường vụ lâm thời Phật giáo Hòa-Hảo		173	31
6	Tình thần triết học Ấn-Độ — Hai giờ với vài vị chức sắc Đại đạo tam ki phổ độ		175	77
7	Hai giờ với các vị chức sắc Đại đạo tam ki phổ độ — Ngày giỗ Tổ Hùng-Vương		176	98
8	Hai giờ với ông Mai-Thọ-Truyền : Phật Giáo Việt-Nam và Phật Giáo thế giới		177	82
9	Hai giờ với ông thư kí hội đồng tình thần Baha'i Quốc gia Việt-Nam		179	83
	TRUYỆN NGẮN			
1	Những người chết chưa chôn	Yên-Hi-Ba	174	61
2	Lạnh tuổi vàng	Nhã-Ca	180	63
3	Đi tìm vốn sống	Phan-Du	178	73
4	Khởi hành	Lê-Tất-Điều	169	191
5	Kẻ tình nguyện	— id —	173	67
6	An ủi	— id —	177	109
7	Ngày xuân đêm xuân	Túy-Hồng	170	67
8	Vòng tay anh	— id —	175	68

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIA	Số tập chí	Trang
9	Vòng tay anh	Tuý-Hồng	176	55
10	Người thứ ba	Võ-Hồng	171	51
11	Đụng độ	— id —	179	61
12	Tư tưởng	Võ-Phiến	169	181
13	Đàn ông	— id —	170	83
14	Tù trong tù	Hồ-Hữu-Tường	169	167
15	Ba người trên một chiếc bè	— id —	170	119
16	Đám cưới	Y-Uyên	172	81
TRUYỆN DÀI				
1	Sao rụng	Trùng-Dương	170	134
2	— id —	— id —	171	75
3	Vòng tay học trò	Hoàng-Đông-Phương	169	208
4	— id —	— id —	170	107
6	— id —	— id —	171	61
7	— id —	— id —	172	73
8	— id —	— id —	173	76
9	— id —	— id —	174	73
10	— id —	— id —	175	71
11	— id —	— id —	176	79
12	— id —	— id —	177	101
13	— id —	— id —	178	83
14	— id —	— id —	179	71
15	— id —	— id —	180	73
TRUYỆN DỊCH				
1	Số đất cần cho một người	L. Tolstoi Nguyễn-Vọng-Hộ	172	90
2	Một nhà vô địch nhện dơi	Kafka Hoàng-Minh-Tri	176	69
THƠ				
1	Hai ngọn La-Hiên	Trần-Huyền-Ẩn	169	144
2	Bài thơ tuổi nhỏ	Vũ-Quỳnh-Baug	111	48

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ tạp chí	Trang
3	Hai mẹ con	Nguyễn-Lê-Cang	175	60
4	Tuổi trẻ hôm nay	Mạc-Ly-Châu	171	49
5	Mùa xuân trên tay	Trần-Đại	170	142
6	Thơ của Bé Hoa	— id —	175	58
7	Ngàn năm Lê-Văn-Trương	Triều-Đầu — Bùi- Đình — Lê-Văn	173	58
8	Bài ca quê hương	Uiên-Hà	170	66
9	Mây bao giờ thôi bay	— id —	175	59
10	Người đi trận	— id —	178	64
11	Hậu chiến	Thái-Tử-Hạp	176	54
12	Thương về xứ Huế	Vũ-Hân	169	157
13	Truyện con người	— id —	177	58
14	Hoài niệm	Luân-Hoàn	172	66
15	Mạn bút liêu châu	Đông-Hồ	170	106
16	Thơ không đề	— id —	170	119
17	Ghen	Thái-Hồng	176	68
18	Giới hạn	Nguyễn-thị-Hoàng	169	108
19	Mất — Tiếng gọi — Hoang mang	— id —	171	50
20	Nỗi buồn tháng sáu	Hoài-Hương	169	158
21	Loạn	— id —	173	45
22	Nước mắt cuộc đời	— id —	177	88
23	Chim châu	Nguyễn-Ngu-Í	169	180
24	Ôi ! xuân lạc hồng	— id —	170	118
25	Còn nao mấy lòng	— id —	171	74
26	Hận lòng — Ngồi nghe đời — Lòng không hận mấy	— id —	175	84
28	Bài thơ của người đi đêm	Trần-Quang-Long	176	68
29	Quà của mẹ	— id —	177	82
30	Xuân của chúng mình	Hoàng-Lộc	169	84
31	Lời dỗ	— id —	175	58
32	Quê hương người tình	— id —	177	60
33	Nguyên cầu	Huy-Lực	169	120

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chỉ	Trang
34	Sinh nhật — Xuân của một người — Cuộc đời — Quê hương	Nguyễn-Nho-Sa-Mạc	172	62
35	Tâm sự	— id —	176	67
36	Lời gọi quyến rũ của thác	Từ-Thế-Mộng	176	78
37	Chôn vùi rồi chăng ?	Phan-Duy-Nhân	169	113
38	Thư cho mẹ	— id —	173	46
39	Lối gió	Hoàng-thị-Bích-Ni	170	117
40	Cửa đất — Lần cuối	— id —	176	78
41	Ưu phiền	Lê-Đình-Phạm-Phủ	175	59
42	Chơi vơi — Giã biệt — Cát bụi	Hữu-Phương	169	145
43	Kiếp người	— id —	171	73
44	Đàn nhạn trên sông — Còn gì	— id —	175	71
45	6 đoản ca	— id —	178	58
46	Hôm nay — Ngày sau	Lữ-Quỳnh	171	30
47	Sân bay buổi chiều — Khởi hành	— id —	175	64
48	Kết cuộc	— id —	178	59
49	Ngăn cách	Đỳnh-Hoàng-Sa	170	117
50	Mùa xuân trước mắt	Thành-Tôn	170	63
51	Chiến tranh và mục tàn	Yến-Nguyên-Thanh	176	68
52	Chống đối	Xuân-Thao	176	84
53	Thư xuân	Phát-Thạch	170	64
54	2 bài thơ	Hà-Nguyên-Thạch	176	53
55	Gửi bạn tới nhà — Tặng văn sáo cũ	Đoàn-Thêm	169	207
56	Lại xuân	— id —	170	82
57	Thủy triều V	— id —	172	88
58	Thủy triều VI	— id —	173	56
59	Thủy triều XI	— id —	175	37
60	Thủy triều X	— id —	177	58
61	Phương Đông	Thanh-Thuyền	169	76
62	Tình ca	— id —	173	55
63	Loài chim bay cao	— id —	175	76
64	Thi thăm	— id —	178	60
65	Lời ru giữa mùa thu	— id —	179	58
66	Đường mộng về quê	Mộng-Trung	169	233
67	Đứa con côi	— id —	177	82
68	Hoài niệm	Minh-Tuấn	175	69
69	Lạc mùa xuân tuổi nhỏ	Tần-Hoài-Dạ-Vũ	169	114
79	Còn đi	— id —	176	67

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane.**
Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

• SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tính

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE, MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

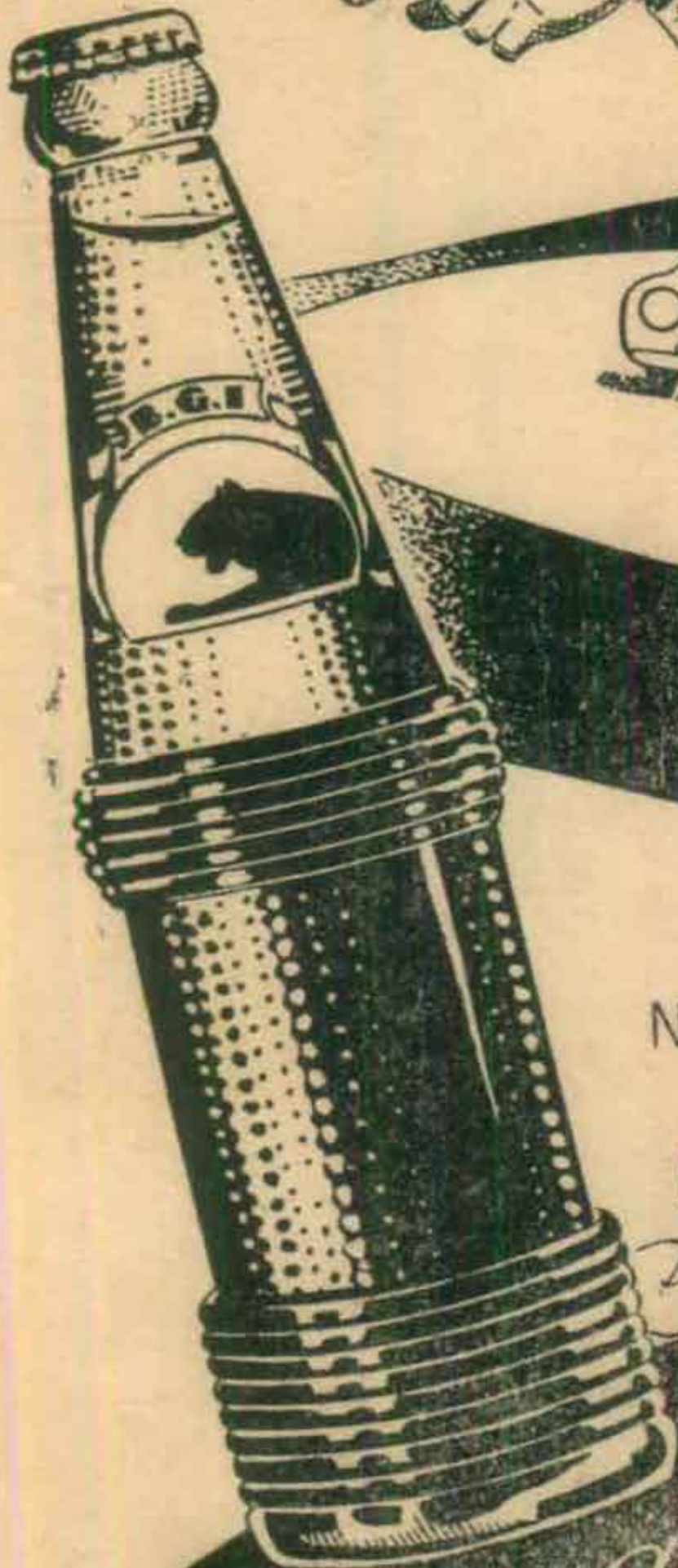
Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai **"HÒA TIỀN"!**

COTAB



Cigarettes

VIRGINIE